

Số/No: 675 /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Hanoi, 18 April 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- *State Security Commission of Vietnam;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

Name of organization: PetroVietnam Power Corporation - JSC

- Mã chứng khoán: POW

Stock code: POW

- Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Address: Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi City, Vietnam.

- Điện thoại/ Phone: (024) 22210288 Fax: (024) 22210388

- E-mail: quanhecodong@pvpower.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Internal content Information Disclosure:*

- Báo cáo thường niên năm 2024/ *Annual report 2024.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 18/04/2025 tại đường dẫn <https://pvpower.vn>.

This information was published on the Corporation's website on 18 April 2025 at the link <https://pvpower.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the published information content.

Trân trọng./.

Yours sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above*;
- HĐQT TCT (đề b/c)/ *Board of Directors of the Corporation (for reporting)*;
- TGĐ TCT (đề b/c)/ *General Director of the Corporation (for reporting)*;
- Ban KS TCT (đề b/c)/ *Supervisory Board of the Corporation (for reporting)*;
- PTGD T.V. Phương (đề b/c)/ *Deputy General Director s- T.V. Phương (for reporting)*;
- Lưu/ *Archived: VT, KTKH (NMT).*

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
ON BEHALF OF THE GENERAL
DIRECTOR
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
AUTHORIZED REPRESENTATIVE
FOR INFORMATION DISCLOSURE
TRƯỞNG BAN KINH TẾ KẾ HOẠCH
DIRECTOR OF ECONOMICS &
PLANNING DIVISION**



Nguyễn Đình Thi



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

Khát Vọng **VƯƠN XA**





DANH MỤC VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHDCĐ	Đại hội đồng cổ đông
EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty TNHH MTV
EVNEPTC	Công ty Mua bán điện (đơn vị được EVN ủy quyền)
EVNI	CTCP EVN Quốc tế
GPMB	Giải phóng mặt bằng
HDQT	Hội đồng quản trị
Hợp đồng GSA	Hợp đồng bán khí (GSA) là hợp đồng bán khí giữa bên bán khí với các hộ tiêu thụ khí hạ nguồn
IPO	Chào bán lần đầu ra công chúng
LNG	Liquefied Natural Gas (Khí tự nhiên hóa lỏng)
MTV	Một thành viên
NCC	CTCP Thủy điện Nậm Chiến
NCKT	Nghiên cứu khả thi
NLTT	Năng lượng tái tạo
NSMO	Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia
O&M	Operate and Maintenance (Bảo dưỡng và sửa chữa)
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPA	Power Purchase Agreement (Hợp đồng mua bán điện)

PV Gas	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
PV Power	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
PV Power REC	CTCP Năng lượng tái tạo Điện lực dầu khí
PV Power DHC	CTCP Thủy điện Đakdrinh
PV Power HHC	CTCP Thủy điện Hòa Na
PV Power NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
PV Power Services	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí
PVC Mekong	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí
PVN	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam)
PVPP	Ban quản lý dự án điện
QH Điện VII	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030
QH Điện VIII	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
Qc	Sản lượng điện hợp đồng
SHE	CTCP Năng lượng Sông Hồng
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGD	Tổng giám đốc
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
VLP	CTCP Điện Việt Lào

MỤC LỤC

CHƯƠNG

01 THÔNG TIN CHUNG

- 12 Thông tin khái quát
- 24 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 26 Thông tin về mô hình quản trị tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 56 Định hướng phát triển
- 58 Các rủi ro

CHƯƠNG

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- 64 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 70 Tổ chức và nhân sự
- 74 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 82 Tình hình tài chính
- 84 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu
- 85 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

CHƯƠNG

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 94 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 100 Tình hình tài chính
- 102 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 103 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 108 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán
- 108 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

CHƯƠNG

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- 112 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 120 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty
- 122 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 128 Hội đồng quản trị
- 138 Ban Kiểm soát
- 144 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

CHƯƠNG

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 148 Báo cáo của ban tổng giám đốc
- 150 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 152 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 156 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 158 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 160 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Tổng doanh thu đạt

32.112 tỷ đồng

Tổng lợi nhuận
trước thuế đạt

1.383 tỷ đồng

Nộp ngân sách nhà nước

1.263 tỷ đồng

Tổng sản lượng điện toàn
Tổng công ty đạt

16,075 tỷ kWh



Kính gửi: Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Quý Khách hàng

Năm 2024, một năm tiếp theo, PV Power kiên định với mục tiêu chiến lược; Bình tĩnh sáng suốt khi đối diện với thách thức, khó khăn; Linh hoạt trong sản xuất kinh doanh để tối ưu hiệu quả kinh tế, tạo nên dấu ấn đáng tự hào trên con đường phát triển của mình. Các kết quả đạt được trong năm đã góp phần nâng cao vai trò, vị thế và tiềm lực của PV Power để trở thành một đơn vị sản xuất điện an toàn hiệu quả, chuyên nghiệp.

THÀNH TỰU ĐÁNG GHI NHẬN



Đóng góp đáng kể vào hệ thống điện quốc gia, PV Power đã sản xuất 16 tỷ kWh, chiếm 5,2% tổng sản lượng điện toàn hệ thống trong năm 2024. Cùng với đó, kết quả kinh doanh của PV Power trong năm 2024 cũng ghi nhận những con số ấn tượng: Tổng Doanh thu đạt 32.112 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm; Lợi nhuận trước thuế đạt 1.383 tỷ đồng, vượt 39% kế hoạch năm; nộp Ngân sách nhà nước đạt gần 1.263 tỷ đồng, đạt 151% kế hoạch năm. Những con số biết nói này không chỉ phản ánh sự tăng trưởng vững chắc mà còn tạo nguồn lực đáng kể để PV Power mở rộng đầu tư phát triển.

PV Power còn được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận với nhiều danh hiệu: lần thứ năm liên tiếp góp mặt trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam, Top 20 Công ty có Báo cáo thường niên xuất sắc nhất nhóm ngành phi tài chính, danh hiệu "Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động" năm thứ tư liên tiếp. Những kết quả này là minh chứng cho sự tin cậy và đánh giá cao từ Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KIẾN TẠO TƯƠNG LAI



2024 là năm trọng điểm của thực hiện đầu tư. Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 – Nhà máy điện khí LNG đầu tiên tại Việt Nam với công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất, hiệu suất cao nhất, đã cơ bản hoàn thành công tác xây lắp và chuyển sang giai đoạn chạy thử và thương mại vào năm 2025.

Bên cạnh đó, PV Power đã cùng các đơn vị thành viên tích cực triển khai các dự án và nghiên cứu cơ hội đầu tư khác phù hợp với Quy hoạch điện VIII.



Báo cáo thường niên
năm 2023 tốt nhất
trong nhóm ngành
phi tài chính



Doanh nghiệp
phát triển bền vững
do Liên đoàn
Thương mại và
Công nghiệp
Việt Nam tổ chức



VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI, VƯƠN XA KHÁT VỌNG



Thế giới đang thay đổi nhanh chóng, đòi hỏi những doanh nghiệp đầu ngành không ngừng đổi mới để thích ứng và bứt phá. PV Power xác định rằng đổi mới tư duy, nâng cao năng lực quản trị, ứng dụng công nghệ số là chìa khóa để hiện thực hóa những khát vọng lớn lao. Phát huy các kết quả đã đạt được, PV Power đặt quyết tâm hoàn thành kế hoạch năm 2025 các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cao hơn năm 2024.

PV Power không chỉ phấn đấu trở thành một trong những trụ cột vững chắc của ngành năng lượng mà còn cam kết đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Chúng tôi luôn duy trì tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh, không ngừng gia tăng giá trị cho cổ đông, đối tác và cộng đồng.

TRI ÂN VÀ KỶ VỌNG



Chúng tôi gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý Cổ đông, Đối tác và Quý Khách hàng đã luôn đồng hành, tin tưởng và ủng hộ PV Power. Sự gắn kết và niềm tin từ Quý vị là động lực to lớn giúp PV Power luôn vững vàng tiến bước. Chúng tôi tin tưởng rằng, với tinh thần đoàn kết, ý chí mạnh mẽ và khát vọng đổi mới, PV Power sẽ tiếp tục vươn xa, kiến tạo một kỷ nguyên năng lượng bền vững.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOÀNG VĂN QUANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ NHƯ LINH

Chương 01

Thông tin chung

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
5. CÁC RỦI RO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH	TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0102276173 (Đăng ký lần đầu: Ngày 31/5/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 16: Ngày 07/9/2023).
Vốn điều lệ	23.418.716.000.000 đồng.
Địa chỉ	Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Số điện thoại	(024) 22210288
Số fax	(024) 22210388
Website	www.pvpower.vn
Mã cổ phiếu	POW



Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần tiền thân là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17/05/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam), chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018 (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi ngày 01/07/2018).

2007 - 2017

17/05/2007

Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

11/2011

Khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

03/2008

Khởi công xây dựng Nhà máy thủy điện Hòa Na

2012

PV Power vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Ba

2018 - 2020

31/01/2018

Bán đấu giá công khai thành công (IPO)
468.374.320 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ)

03/02/2020

Cổ phiếu POW chính thức vào danh mục cổ phiếu thành phần chỉ số VN30

01/07/2018

Hoạt động theo hình thức công ty cổ phần

06/04/2020

Sau gần 13 năm, PV Power đã sản xuất và đóng góp cho hệ thống điện quốc gia 200 tỷ kWh điện

31/08/2018

Trở thành công ty đại chúng



07/12/2008

Đưa vào vận hành thương mại Nhà máy điện Cà Mau 1&2. PV Power chính thức có tên trên bản đồ năng lượng Việt Nam

08/2009

Khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

12/2015

Bàn giao Nhà máy phong điện Phú Quý sang Tổng công ty Điện lực Miền Nam và nhận bàn giao Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

2017

PV Power tròn 10 năm tuổi. Sản lượng điện lũy kế gần 140 tỷ kWh; Doanh thu lũy kế 180.000 tỷ đồng. Lợi nhuận lũy kế đạt gần 10.000 tỷ đồng. Số lượng người lao động 2.294 người

01/2011

Khởi công dự án Nhà máy thủy điện Đakrinh

14/01/2019

Mã cổ phiếu POW chính thức giao dịch trên sàn HOSE

15/05/2019

Tổ chức cung cấp chỉ số chứng khoán quốc tế MSCI đã quyết định thêm cổ phiếu POW vào rổ MSCI Frontier Markets

15/08/2019

Được vinh danh "Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam" năm 2019 do Tạp chí Forbes bình chọn

22/06/2020

Thành lập chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật

21/07/2020

Phê duyệt và triển khai thực hiện đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, công suất khoảng 1.300-1.760 MW

13/08/2020

Thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí

Quá trình hình thành và phát triển

2021 - 2022

19/03/2021

Thoái vốn toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PV Machino)

06/05/2021

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Fitch Ratings công bố xếp hạng tín nhiệm quốc tế lần đầu đối với PV Power ở mức “BB” với triển vọng tích cực

24/10/2021

UBND tỉnh Quảng Ninh đã trao giấy chấp thuận đầu tư Dự án điện khí LNG Quảng Ninh cho tổ hợp nhà đầu tư PV Power - Colavi - Tokyo Gas - Marubeni với tổng mức đầu tư 47.480 tỷ đồng, công suất 1.500 MW

23/08/2022

PV Power tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh; Công ty được cấp giấy chứng nhận kinh Doanh ngày 02/11/2022

02/12/2022

PV Power nhận giải Top 10 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm vốn hóa lớn năm 2022 tại Lễ trao giải cuộc bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết lần thứ 15 năm 2022

28/12/2022

PV Power và đối tác đã ký kết hợp đồng mua bán tòa nhà văn phòng của PV Power (DLC)

2023

17/07/2023

Cổ phiếu POW đứng ở vị trí số 15 trong thành phần chỉ số VN30 kỳ tháng 7/2023 theo công bố của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE)

Ngày 12/10 và 16/10/2023

PV Power đưa máy phát điện và tua bin khí Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 vào bộ móng

15/12/2023

Tại Hội nghị doanh nghiệp niêm yết thường niên năm 2023 do HOSE, HNX và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức, Báo cáo thường niên năm 2022 của PV Power đã được trao giải “Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất” nhóm ngành Phi tài chính

18/12/2023

Hoàn thành lắp đặt máy phát Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 4



09/12/2021

Tại sự kiện Diễn đàn kinh doanh do Forbes tổ chức, PV Power lần thứ 3 liên tiếp có mặt trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất

26/5/2022

PV Power được tổ chức Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm quốc tế năm thứ 2 liên tiếp ở mức “BB” với triển vọng tích cực

23/12/2022

PV Power kỷ niệm 15 năm ngày thành lập và đồng thời đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước

13/12/2023

Tại Lễ công bố các doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 2023 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD-VCCI) tổ chức, PV Power vinh dự lần thứ 4 được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam (CSI 100)

Dấu ấn năm 2024



Ngày 16/05/2024

Dự án Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 phối hợp với các cơ quan của Tập đoàn điện lực Việt Nam tiến hành nhận điện ngược thành công sân phân phối 220kV. Từ đây, điện tiếp tục được đóng vào hệ thống tự dùng trung thế và hạ thế của nhà máy, như Nhà điều khiển trung tâm, tua bin, lò thu hồi nhiệt, hệ thống nước làm mát, xử lý nước.

Ngày 25/06/2024

Tại Lễ vinh danh do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phối hợp cùng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Báo Lao Động tổ chức, PV Power được vinh danh “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động năm 2024”.



Ngày 30/10/2024

PV Power chính thức khánh thành trạm sạc xe điện thí điểm đầu tiên tại số 6 phố Huỳnh Thúc Kháng, Ba Đình, Hà Nội.

Ngày 18/10/2024

PV Power HHC đã hoàn tất việc ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Nơn với giá trị chuyển nhượng trước thuế là 640 tỷ đồng. Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn, nằm tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, có công suất lắp đặt 20 MW với 2 tổ máy, và tổng mức đầu tư 513 tỷ đồng. Nhà máy này đi vào hoạt động từ năm 2014 với sản lượng điện bình quân đạt 89,74 triệu kWh/năm. Việc nhận chuyển nhượng Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn đánh dấu bước phát triển quan trọng của PV Power HHC, góp phần thúc đẩy kết quả kinh doanh trong thời gian tới.



Ngày 16/11/2024

Tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết (Vietnam Listed Company Awards - VLCA) lần thứ 17 - năm 2024, PV Power được vinh danh trong Top 20 công ty có báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành phi tài chính năm 2023.



Ngày 29/11/2024

Trong khuôn khổ Lễ công bố các Doanh nghiệp Bền vững tại Việt Nam 2024 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), với đầu mối là Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD-VCCI) tổ chức, PV Power vinh dự lần thứ 5 được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam.

Sự kiện, lễ ký kết, hợp tác kinh doanh năm 2024

2024
29/02

Tại trụ sở của Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS), PV Power và PV GAS đã có cuộc họp thảo luận về hợp tác chiến lược trong lĩnh vực khí - điện.



2024
17/04

Tại Hà Nội, PV Power tham gia gian hàng triển lãm tại Triển lãm Quốc tế về Năng lượng điện và Chiếu sáng Việt Nam (EL Vietnam 2024).



2024
05/03

Tại Hội nghị Triển khai chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước do VDB tổ chức, PV Power và VDB đã ký thỏa thuận hợp tác.



2024
02/07

Tại Hà Nội, PV Power đã ký kết hợp đồng Cung cấp, lắp đặt thiết bị hạng mục hoàn thiện thuộc dự án mua tòa nhà làm văn phòng làm việc của PV Power với liên danh các nhà thầu. Liên danh các nhà thầu gồm: CTCP Tập đoàn HIPT, Công ty TNHH kỹ thuật công nghệ Thăng Long Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Đa Lợi và CTCP nội thất Đức Khang.



2024
04/04

Tại Hà Nội, PV Power và Ngân hàng CitiBank, N.A, Ngân hàng ING Bank N.V đã tổ chức lễ ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn trị giá 300 triệu USD bổ sung vốn cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.



2024
01/10

Tại Hà Nội, PV Power đã công bố hợp đồng tín dụng trị giá 521,5 triệu USD tài trợ cho Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Đây là hợp đồng tín dụng ký kết với tổ hợp Ngân hàng CitiBank, N.A và Ngân hàng ING Bank N.V, được bảo hiểm bởi Tổng công ty Bảo hiểm Thương mại Hàn Quốc (K-Sure) và SERV.



Sự kiện, lễ ký kết, hợp tác kinh doanh năm 2024

2024

02/10

Tại Hà Nội, PV Power và Công ty TNHH MTV đầu tư SCIC (SIC) đã tổ chức lễ ký biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư cùng nhau trao đổi thông tin về các cơ hội đầu tư, nghiên cứu, tìm hiểu các cơ hội đầu tư dự án để tiến tới hợp tác đầu tư.



2024

04/10

Tại Hà Nội, PV Power và Công ty Mua bán điện (EVNEPTC) đã ký kết Hợp đồng mua bán điện (PPA) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, một trong những hợp đồng quan trọng trước khi Nhà máy đi vào hoạt động thương mại.



2024

07/11

Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) và Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) đã tổ chức Lễ ký hợp đồng cung cấp LNG phục vụ việc chạy thử hai nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.



An sinh xã hội năm 2024

2024

16/12

PV Power đã tổ chức lễ khánh thành và bàn giao công trình phòng học cho Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên là khối nhà 3 tầng 6 phòng học có tổng diện tích 1.013m² với tổng kinh phí đầu tư xây dựng 9,5 tỷ đồng, trong đó PV Power tài trợ 5 tỷ đồng.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng. PV Power đã đầu tư, vận hành các nhà máy điện trong tất cả các lĩnh vực nhiệt điện, thủy điện, điện khí hóa lỏng và điện năng lượng tái tạo.

Bên cạnh đó, PV Power cũng phát triển các dịch vụ như vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ kỹ thuật điện, cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện... và trở thành doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường điện tại Việt Nam.

1

Sản xuất và kinh doanh điện năng

2

Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện

3

Xuất nhập khẩu năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện

4

Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện

5

Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP)

6

Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện

7

Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu

8

Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch

9

Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình

10

Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử

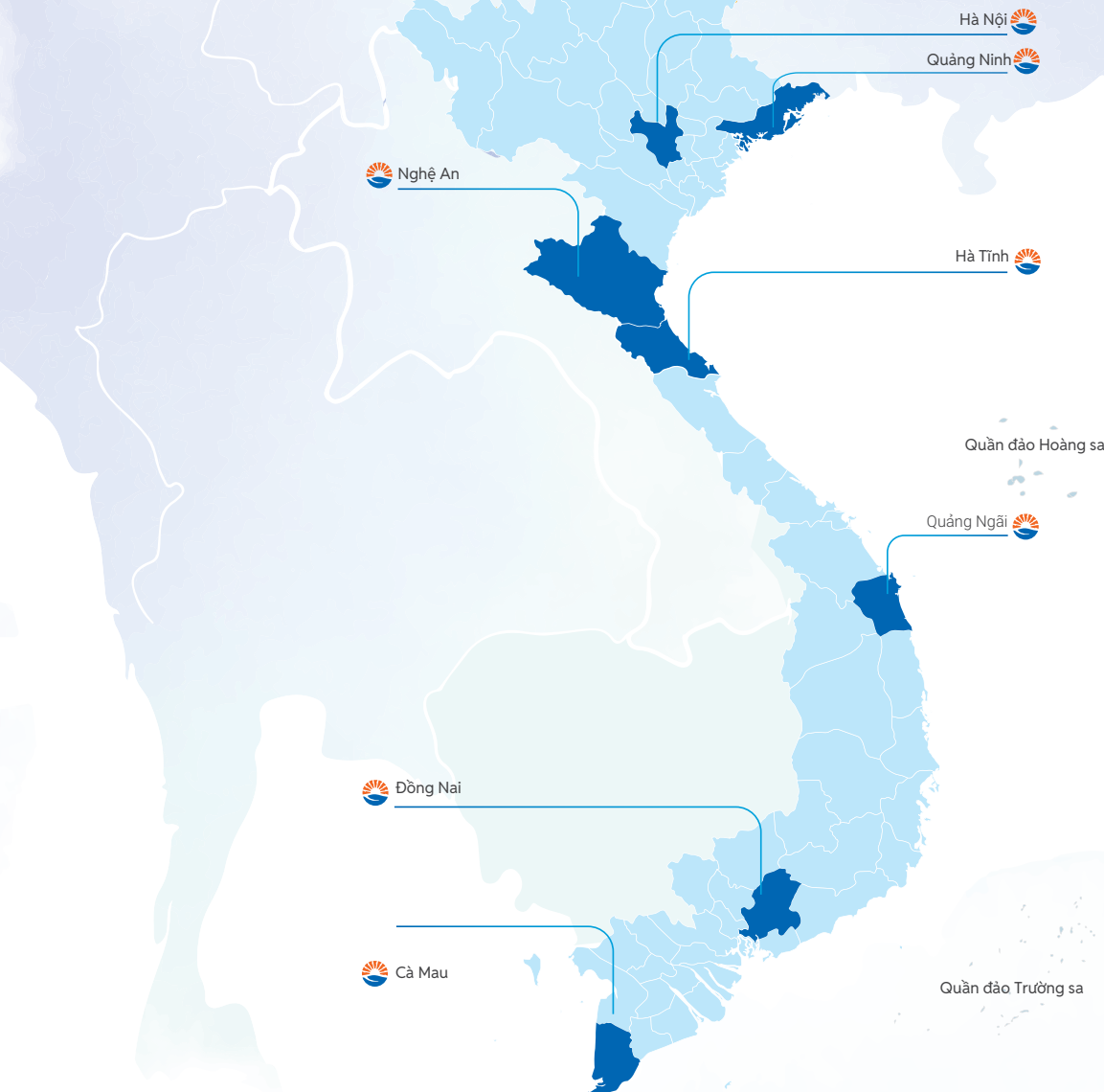
11

Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện

12

Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng

Địa bàn kinh doanh



13

Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp

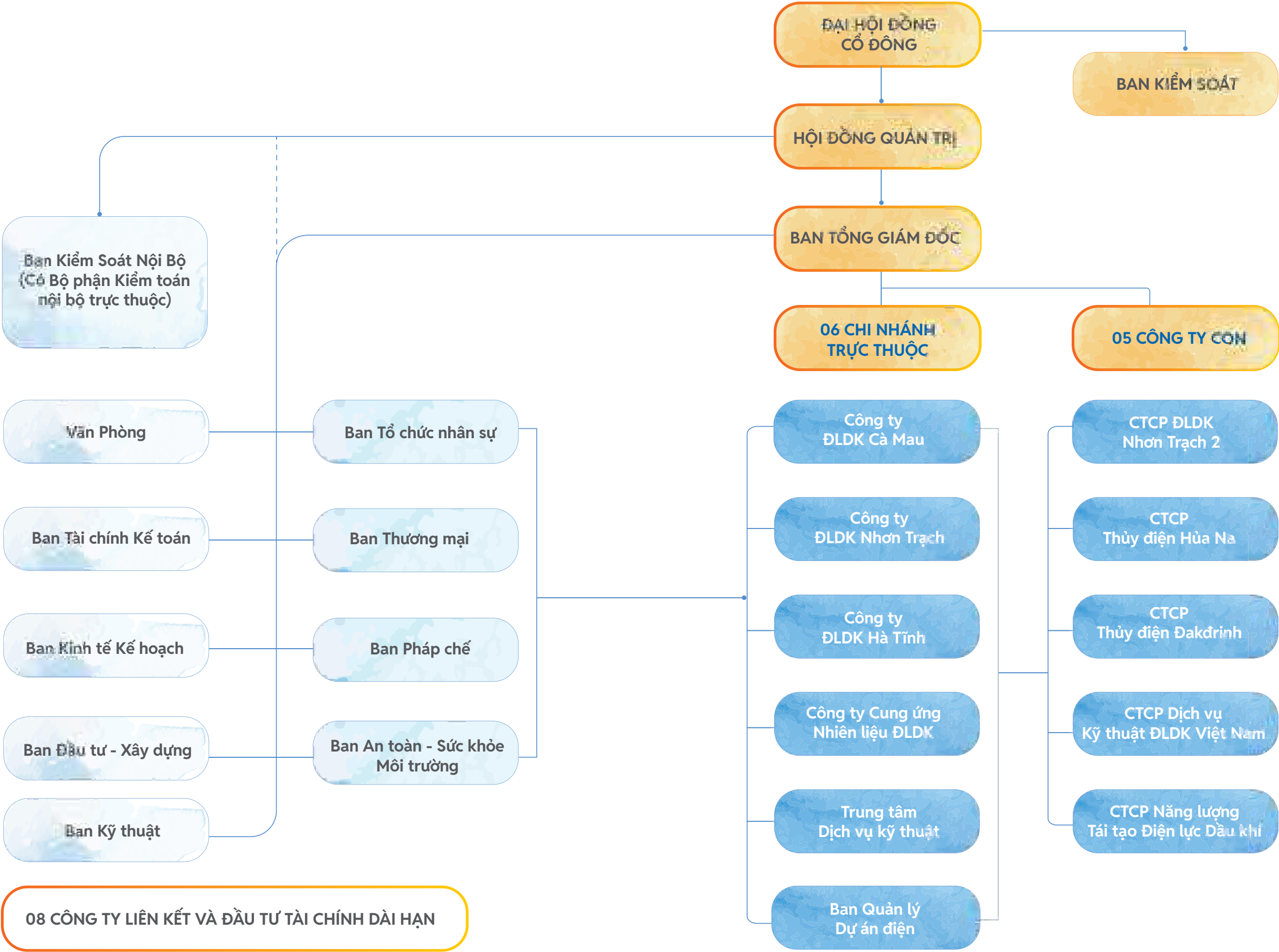
14

Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện

15

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đấu thầu; Tư vấn quản lý dự án; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đơn vị hạch toán phụ thuộc
CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH - NHÀ MÁY ĐIỆN VŨNG ÁNG 1



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH
Địa chỉ	Xóm Hải Phong, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
Mã số chi nhánh	0102276173-007
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Tỉ lệ nắm giữ của PV POWER	100%
Thông tin cơ bản	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với những thông tin cơ bản sau: • Công suất: 1.200 MW (2x600 MW) • Tổng mức đầu tư: 33.651 tỷ đồng • Năm đi vào vận hành thương mại: 2015

Đơn vị hạch toán phụ thuộc
CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH - NHÀ MÁY ĐIỆN NHƠN TRẠCH 1



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH
Địa chỉ	Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Mã số chi nhánh	0102276173-003
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Tỉ lệ nắm giữ của PV POWER	100%
Thông tin cơ bản	Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 với những thông tin cơ bản sau: • Công suất: 450 MW • Tổng mức đầu tư: 6.344 tỷ đồng • Năm đi vào vận hành thương mại: 2009

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU - NHÀ MÁY ĐIỆN CÀ MAU 1 & 2



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ	Ấp 1 Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Mã số chi nhánh	0102276173-002
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Tỉ lệ nắm giữ của PV POWER	100%
Thông tin cơ bản	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2 với những thông tin cơ bản sau: • Công suất: 1.500 MW (2x750 MW) • Tổng mức đầu tư: 12.725 tỷ đồng • Năm đi vào vận hành thương mại: 2008

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
Địa chỉ	Tầng 5, tòa nhà Dreamland Bonanza, số 23 đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Mã số chi nhánh	0102276173-006
Ngành nghề kinh doanh chính	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Đơn vị hạch toán phụ thuộc
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN
Địa chỉ	Căn số 00.10, tầng 3, Tháp B1, Khu chung cư phức hợp Lô M2 (Sarimi) - Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh	0102276173-008
Ngành nghề kinh doanh chính	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 • Công suất: 1.624MW • Địa điểm: Khu công nghiệp Ông Kèo, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai • Loại hình: dự án Nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) • Thời điểm vận hành thương mại dự kiến: ▶ Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 vận hành thương mại tháng 6/2025; ▶ Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 vận hành thương mại tháng 9/2025.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT
Địa chỉ	Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh	0102276173-009
Ngành nghề kinh doanh chính	Quản lý vận hành các nhà máy điện; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phục vụ sản xuất kinh doanh điện

Các công ty con

CTCP ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2 - NHÀ MÁY ĐIỆN NHƠN TRẠCH 2



TÊN ĐẦY ĐỦ	CTCP ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
Địa chỉ	Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Mã số	3600897316
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Vốn điều lệ	2.878.760.290.000 đồng
Tỉ lệ nắm giữ của PV POWER	59,37%
Thông tin cơ bản	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là đơn vị quản lý của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với những thông tin cơ bản sau: - Công suất: 750 MW - Tổng mức đầu tư: 11.355 tỷ đồng - Năm đi vào vận hành thương mại: 2011

Các công ty con

CTCP THỦY ĐIỆN ĐẮKĐRINH - NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐẮKĐRINH



TÊN ĐẦY ĐỦ	CTCP THỦY ĐIỆN ĐẮKĐRINH
Địa chỉ	Thôn Ra Nhua, Xã Sơn Tân, Huyện Sơn Tây, Tỉnh Quảng Ngãi
Mã số	4300350203
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Vốn điều lệ	1.160.010.550.000 đồng
Tỉ lệ nắm giữ của PV POWER	95,27%
Thông tin cơ bản	CTCP Thủy điện Đăkđrinh là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Đăkđrinh với những thông tin cơ bản sau: - Công suất: 125 MW - Tổng mức đầu tư: 5.921 tỷ đồng - Năm đi vào vận hành thương mại: 2014

Các công ty con

CTCP THỦY ĐIỆN HỦA NA - NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA



TÊN ĐẦY ĐỦ	CTCP THỦY ĐIỆN HỦA NA
Địa chỉ	Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
Mã số	2900797430
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng
Vốn điều lệ	2.352.322.103.444 đồng
Tỉ lệ nắm giữ của PV POWER	80,72%
Thông tin cơ bản	CTCP Thủy điện Hủa Na là đơn vị quản lý của 02 nhà máy thủy điện với những thông tin cơ bản sau: 1. Nhà máy thủy điện Hủa Na • Địa điểm nhà máy: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An • Công suất: 180MW • Tổng mức đầu tư: 7.092 tỷ đồng • Năm đi vào vận hành thương mại: 2013. 2. Nhà máy thủy điện Nậm Nơn • Địa điểm nhà máy: xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An • Công suất: 20MW • Thời điểm ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng: ngày 18/10/2024 • Giá trị nhận chuyển nhượng trước thuế: 640 tỷ đồng. • Năm đi vào vận hành thương mại: 2014 • Thời điểm tiếp nhận nhà máy: tháng 12/2024.

Các công ty con

CTCP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM



TÊN ĐẦY ĐỦ	CTCP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
Địa chỉ	Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Mã số	0102560459
Ngành nghề kinh doanh chính	Lắp đặt hệ thống điện, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
Vốn điều lệ	150.000.000.000 đồng
Tỉ lệ nắm giữ của PV POWER	51 %

Các công ty con

CTCP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ



TÊN ĐẦY ĐỦ	CTCP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
Địa chỉ	Tầng 05, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số	0109308963
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất, truyền tải và bán điện; Nghiên cứu, đầu tư, phát triển, xây dựng, sở hữu, vận hành, khai thác các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối, địa nhiệt và điện rác và các loại hình năng lượng tái tạo khác)
Vốn điều lệ	270.000.000.000 đồng
Tỉ lệ nắm giữ của PV POWER	51%

Các công ty liên kết, công ty có phần vốn góp của PV POWER



STT	DANH SÁCH	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	Sản xuất kinh doanh điện năng	2.000	15,49%
2	CTCP Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	74,63	44,07%
3	CTCP Điện Việt Lào	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh điện năng	4.377,53	6,98%
4	CTCP EVN Quốc tế	Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh điện năng	366,77	7,69%
5	CTCP Thủy điện Sông Tranh 3	Quảng Nam	Sản xuất kinh doanh điện năng	620	5,34%
6	CTCP Cơ điện Dầu khí	Hà Nội	Cơ điện lạnh	10	10,00%
7	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cần Thơ	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, các khu nhà ở...	280	6,48%
8	CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh	Quảng Ninh	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	100	30,00%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị



Ông HOÀNG VĂN QUANG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 24,94%.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.

Quá trình công tác:

- 07/1994 - 1996: Kỹ thuật viên khai thác - Công ty Dầu khí BHP
- 1997 - 1999: Trưởng ca khai thác - Công ty Petronas Carigali
- 1999 - 2004: Trưởng ca, Đốc công khai thác - Vietsovetro
- 2005 - 2010: Giàn phó sản xuất, Giàn trưởng - Công ty Dầu khí Đại Hùng - PVEP
- 03/2010 - 02/2020: Quyền Giám đốc, Giám đốc - Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí (DVK), kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng (KHP)
- 02/2020 - 09/2021: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas), kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng (KHP)
- 09/2021 - 05/2023: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas)
- 04/2023 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)

Ông LÊ NHƯ LINH
Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 20%.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí, Tiến sĩ Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 10/1990 - 02/1994: Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất
- 03/1994 - 7/2009: Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 08/2009 - 03/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu khí
- 04/2010 - 12/2013: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam
- 12/2013 - 12/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- 12/2018 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Bà NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0018%.

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 10%.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị; Thạc sĩ Kỹ thuật Quy hoạch đô thị; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.



Quá trình công tác:

- 1994 - 2000: Chuyên viên Ban quản lý dự án thị xã Hà Đông
- 2000 - 07/2007: Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư, Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Đầu tư - Công ty Tài chính Dầu khí
- 07/2007 - 09/2008: Thành viên Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư
- 09/2008 - 05/2009: Phó chủ tịch Công đoàn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 05/2009 - 06/2018: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 06/2018 - 04/2022: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP
- 04/2022 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

Bà VŨ THỊ TỔNG NGÀ

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 10%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.



Quá trình công tác:

- 8/1993 - 10/2007: Chuyên viên Phòng Thương mại - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
- 11/2007 - 6/2008: Phó phòng/Trưởng phòng Dự báo Thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 8/2008 - 5/2009: Phó ban - Ban Phát triển thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6/2009 - 9/2010: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 11/2010 - 04/2019: Trưởng Ban Thương mại Thị trường/ Thương mại Dịch vụ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 4/2019 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 10%.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.



Quá trình công tác:

- 11/1999 - 10/2002: Chuyên viên Ban quản lý dự án nhà số 1&5 Lê Duẩn
- 10/2002 - 12/2008: Chuyên viên Văn phòng Thẩm định thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 12/2008 - 5/2009: Phó trưởng Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 05/2009 - 3/2016: Phó Trưởng Ban Quản lý đấu thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 3/2016 - 4/2018: Trưởng Ban Quản lý đấu thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 4/2018 - 4/2019: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- 4/2019 - 11/2020: Trưởng Ban Kinh tế Đầu tư - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 11/2020 - 12/2020: Trợ lý Tổng Giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 12/2020 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Bà NGUYỄN HOÀNG YẾN

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 5%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa học, Tiến sĩ Hóa chuyên ngành Hữu cơ hóa dầu.



Quá trình công tác:

- 11/1991 - 7/1997: Nghiên cứu sinh, Trợ giảng môn chuyên ngành - Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội
- 08/1997 - 08/2001: Phó phòng Quảng cáo Marketing - Báo đầu tư Vietnam Investment Review - Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- 09/2001 - 03/2005: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Ban Chuẩn bị đầu tư công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam
- 04/2005 - 01/2014: Chuyên viên chính, Phó phòng, Phó Trưởng ban, Trưởng Ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 02/2014 - 5/2018: Trưởng ban - Ban Khoa học Công nghệ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 06/2018 - 4/2019: Chuyên viên cao cấp - Văn phòng Hội đồng Thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 04/2019 - 05/2021: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 05/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Ông VŨ CHÍ CƯỜNG

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật Xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng - ngành Xây dựng Dân dụng Công nghiệp.



Quá trình công tác:

- 02/2004 - 4/2005: Chỉ huy trưởng Công trình lấn biển Rạch Giá- Kiên Giang - Tổng công ty Xây dựng số 01
- 5/2005 - 12/2008: Đội trưởng đội thi công - Tổng công ty ĐTPT hạ tầng đô thị Hà Nội - UDIC
- 12/2008 - 10/2010: Chuyên viên Công ty CP đầu tư Xây lắp Dầu khí PVC-IMICO;
- 10/2010 - 6/2015: Chuyên viên, Phó trưởng Phòng Xây dựng công trình Công nghiệp, Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6/2015 - 12/2016: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
- 12/2016 - 11/2019: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc - Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
- 11/2019 - 5/2021: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam; Giám đốc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
- 05/2021 - nay: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. (Ngày 26/12/2024, PV Power nhận được Thông báo của Ông Vũ Chí Cường về việc Không còn đủ điều kiện là Thành viên độc lập HĐQT PV Power do được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc.)

Ông NGUYỄN BÁ PHƯỚC

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 0%.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kết cấu, Kỹ sư công trình biển.



Quá trình công tác:

- 7/2002 - 6/2006: Trưởng nhóm kết cấu, Tổ phó - Dự án Sứ Tử Đen - Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 7/2006 - 12/2007: Giám đốc điều hành - Công ty TNHH Hội tụ Quốc tế
- 01/2008 - 6/2009: Điều phối viên dự án - CTCP thương mại Dầu khí - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)
- 7/2009 - 01/2013: Chuyên viên Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 02/2013 - 3/2014: Trưởng phòng Phòng Xây dựng công trình công nghiệp - Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 4/2014 - 5/2018: Phó Trưởng ban, Chuyên viên chính - Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6/2018: Cán bộ - Ban Khai thác Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 7/2018 - 4/2023: Thành viên Hội đồng quản trị - CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn
- 4/2023 - nay: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



BAN ĐIỀU HÀNH



Ông LÊ NHƯ LINH
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 20%.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí, Tiến sĩ Kinh tế.

Quá trình công tác:

- 10/1990 - 02/1994: Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất
- 03/1994 - 7/2009: Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 08/2009 - 03/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí
- 04/2010 - 12/2013: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam
- 12/2013 - 12/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
- 12/2018 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ông NGÔ VĂN CHIẾN
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,00028%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Điện khí hóa xí nghiệp; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- 10/1999 - 02/2003: Vận hành Gian máy, Bảng điện, Trưởng kíp vận hành Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ
- 03/2003 - 06/2004: Giám sát kỹ thuật, Đội trưởng thi công Hệ thống điện Động lực, điện Điều khiển, Hệ thống PCCC, Hệ thống camera Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- 09/2004 - 04/2007: Chuyên viên Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau
- 04/2007 - 07/2011: P. Quản đốc phụ trách Phân xưởng Cơ nhiệt, Quản đốc Phân xưởng Điện - C&I; Trưởng phòng An toàn Môi trường, kiêm trợ lý Giám đốc; Trưởng Phòng KHKD - Công ty ĐLKD Cà Mau
- 08/2011 - 12/2014: Phó Trưởng ban - Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1
- 12/2014 - 02/2016: Phó Giám đốc Công ty ĐLKD Hà Tĩnh
- 03/2016 - 10/2019: Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
- 11/2019 - 10/2022: Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
- 10/2022 - nay: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Ông NGUYỄN MINH ĐẠO
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế, Xây dựng và Vận hành đường ống và bể chứa Dầu khí; Tiến sĩ Đường ống - Bể chứa

Quá trình công tác:

- 09/2000 - 06/2003: Kỹ sư Ban Quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất
- 07/2003 - 12/2003: Kỹ sư Phòng Công nghệ Mỏ - Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí
- 01/2004 - 02/2008: Chuyên viên, Phó trưởng Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 03/2008 - 07/2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí
- 07/2009 - 07/2018: Trưởng Ban Đầu tư Phát triển, Trưởng ban Khí, Trưởng ban Xây dựng, Cán bộ Văn phòng Hội đồng thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 07/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP



Ông NGUYỄN DUY GIANG
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0009%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tổng hợp, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Quá trình công tác:

- 09/1996 - 03/2001: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam
- 03/2001 - 10/2007: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam
- 10/2007 - 03/2009: Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Ban Quản lý các dự án Thủy điện thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 03/2009 - 10/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 10/2009 - 07/2014: Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 07/2014 - 01/2015: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 01/2015 - 11/2015: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam kiêm Phó Trưởng ban Quản lý dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1
- 11/2015 - 07/2018: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 07/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

Ông PHAN NGỌC HIỀN
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Đồ họa, Thạc sĩ Tài chính và Kiểm soát.



Quá trình công tác:

- 06/1999 - 06/2007: Kỹ thuật viên, Trưởng phòng Chế bản - Báo Lao động
- 06/2007 - 01/2008: Phó trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng phòng Hành chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 01/2008 - 09/2015: Chánh Văn phòng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 09/2015 - 08/2019: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 08/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ông NGUYỄN KIÊN
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.



Quá trình công tác:

- 07/2002 - 08/2007: Chuyên viên - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
- 08/2007 - 05/2009: Phó chánh Văn phòng, Trợ lý Tổng Giám đốc - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
- 5/2009 - 12/2014: Phó Trưởng Ban Luật - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
- 12/2014 - 03/2016: Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự và Đầu tư - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
- 03/2016 - 08/2017: Trưởng phòng, Thư ký Tổng Giám đốc, Chuyên viên, Phòng Pháp lý hợp đồng và Dự án Dầu khí, Ban Pháp chế - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 08/2017 - 09/2019: Phó Chánh văn phòng, Trợ lý Tổng Giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 09/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ông TRƯƠNG VIỆT PHƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.



Quá trình công tác:

- 02/2006 - 7/2006: Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty Vinamex
- 9/2006 - 12/2009: Chuyên viên Ban Đổi mới Doanh nghiệp; Ban Tài chính Kế toán; Thư ký - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 01/2010 - 4/2013: Thư ký Phó Tổng Giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 5/2013 - 8/2014: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí; Chủ tịch Hội đồng quản trị - CTCP Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí
- 8/2014 - 7/2017: Phó Trưởng Ban Kế hoạch - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 8/2017 - 5/2018: Phó Trưởng Ban Tài chính - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 6/2018 - 7/2018: Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 7/2018 - 01/2020: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
- 01/2020 - 11/2023: Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PV Chem)
- 11/2023 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



Ông CHU QUANG TOÀN

Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán.

Quá trình công tác:

- 09/1991- 08/1997: Cục thuế tỉnh Nghệ An
- 08/1997 - 10/2002: Phó phòng quản lý thuế - Doanh nghiệp Sản xuất tỉnh Nghệ An
- 10/2002 - 11/2009: Phụ trách phòng Xử lý thông tin và Tin học; Trưởng phòng Tin học và Xử lý dữ liệu; Trưởng phòng thuế thu nhập cá nhân - Cục thuế Nghệ An
- 12/2009 - 10/2010: Kế toán trưởng - Công ty Cao su Nghệ An - Tập đoàn Cao su Việt Nam
- 11/2010 - 06/2015: Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án Đông Hồi - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- 06/2015 - 06/2017: Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án VICEM - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- 06/2017 - 08/2018: Kiểm soát viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- 08/2018 - 04/2019: Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;
- 04/2019 - 4/2020: Phó trưởng Ban Phụ trách Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 4/2020 - nay: Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



BAN KIỂM SOÁT

Ông PHẠM MINH ĐỨC
Trưởng Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do
Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

Quá trình công tác:

- 1997 - 2001: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Tổng công ty Xây dựng Sông Đà
 - 2001 - 2003: Chuyên viên Phòng Tài vụ - Trường Đại học Mỏ Địa chất
 - 2003 - 2006: Chuyên viên Phòng Kinh tế, Chuyên viên Phòng Kế toán - Viện Dầu khí Việt Nam
 - 2006 - 2008: Kế toán trưởng CTCP Kinh Doanh cao cấp Dầu khí Việt Nam
 - 2008 - 2009: Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác TSDK
- 2009 - 2011: Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng - Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
 - 2011 - 2020: Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
 - 2020 - 4/2023: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
 - 4/2023 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Bà VŨ THỊ NGỌC DUNG
Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do
Tổng công ty phát hành: 0,00022%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Tín dụng.

Quá trình công tác:

- 12/1993 - 10/2000: Cán bộ Lao động tiền lương - Công ty VPP Cừu Long 1
 - 11/2000 - 12/2004: Chuyên viên kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí
 - 01/2005 - 04/2007: Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí/ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
 - 12/2009 - 09/2013: Giám đốc Ban/ Trưởng Ban Kế hoạch - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
- 10/2013 - 04/2015: Trưởng Ban Kế hoạch - Khối Tài chính Kế toán - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam
 - 05/2015 - 06/2018: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - 06/2018 - nay: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Bà ĐOÀN THỊ THU HÀ
Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do
Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sĩ Kế toán và Kiểm toán, Tiến sĩ kinh tế.

Quá trình công tác:

- 09/2007 - 06/2012: Kiểm toán viên - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí
 - 06/2016 - 12/2020: Cán bộ Ban kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - 12/2020 - 01/12/2024: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 02/12/2024 - nay: Kiểm soát viên Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP kiêm Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam)

Bà NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do
Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- 01/1996 - 8/2007: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí
 - 8/2007 - 11/2007: Chuyên viên Tài chính kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí - CTCP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí
 - 12/2007 - 3/2008: Kế toán trưởng - Ban Quản lý dự án Bệnh viện Dầu khí Việt Nam
 - 9/2008 - 8/2009: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 9/2009 - 6/2018: Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - 6/2018 - 4/2023: Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
 - 4/2023 - nay: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Bà HÀ THỊ MINH NGUYỆT
Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do
Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kế toán.

Quá trình công tác:

- 05/1992 - 12/2007: Kế toán viên, Phó phòng giao dịch 1, Phó phụ trách Kế toán - Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
 - 01/2008 - 10/2008: Kế toán trưởng - Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Dầu khí
 - 10/2008 - 09/2010: Trưởng Ban Tài chính - Công đoàn Dầu khí Việt Nam
- 09/2010 - 06/2018: Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
 - 06/2018 - 04/2019: Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
 - 04/2019 - nay: Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty

QUAN ĐIỂM

- Phát huy tối đa nội lực, tận dụng các nguồn lực bên ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển PV Power thành thương hiệu có uy tín trong nước và trong khu vực
- Lấy hiện trạng làm nền tảng, tiếp tục khai thác, quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả và ổn định các nhà máy điện hiện hữu, trong đó An toàn và Hiệu quả là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển
- Phát triển PV Power phù hợp với chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam, phù hợp với định hướng phát triển lĩnh vực công nghiệp điện của PVN và phù hợp xu thế chung của thế giới; sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường để phát triển bền vững; tập trung phát triển nhiệt điện khí (bao gồm LNG), đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, tham gia thị trường điện theo lộ trình của một cách hiệu quả
- Phát triển các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện, dịch vụ cung ứng nhiên liệu và các dịch vụ khác có liên quan
- Phát triển PV Power trên nguyên tắc không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo công khai, minh bạch và hài hòa lợi ích của các cổ đông, của Nhà nước và người lao động

MỤC TIÊU

Phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, với mục tiêu:



Định hướng triển khai, nhiệm vụ chủ yếu và các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2026-2030

Tập trung cho công tác quản lý, vận hành ổn định/hiệu quả các nhà máy điện hiện hữu và các nhà máy điện mới do PV Power trực tiếp đầu tư hoặc tham gia góp vốn đầu tư; chủ động tham gia đầu tư trong lĩnh vực Điện Khí và tích cực tham gia đầu tư phát triển các dự án sử dụng năng lượng tái tạo theo xu hướng phát triển năng lượng điện Quốc gia và xu thế chung của thế giới, tổng công suất đặt của PV Power là 5.854 MW, chiếm khoảng 6% công suất đặt toàn hệ thống, sản lượng điện bình quân năm là 24 tỷ kWh, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện bình quân đạt 6%/năm.

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và gia công chế tạo, phục hồi vật tư, thiết bị; dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện,... để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.



LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN

Tiếp tục quản lý, vận hành ổn định/hiệu quả các nhà máy điện Khí, Thủy điện, Than, Năng lượng tái tạo hiện hữu và các nhà máy điện mới do PV Power trực tiếp đầu tư hoặc tham gia góp vốn đầu tư đưa vào vận hành trong giai đoạn này.

Tham gia thị trường điện một cách hiệu quả; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia thị trường bán buôn/bán lẻ điện cạnh tranh theo lộ trình do Thủ tướng Chính Phủ quy định. PV Power sẽ triển khai nghiên cứu để nắm rõ nguyên tắc hoạt động của thị trường bán buôn cạnh tranh và đưa ra các kế hoạch cụ thể trong giai đoạn này.

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN

- Tập trung phát triển nhiệt điện khí, coi đây là thế mạnh số một trên cơ sở tận dụng tối đa các nguồn khí tự nhiên hiện có và LNG nhập khẩu. Đây là việc kết nối chuỗi trên cơ sở tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có ở khâu thượng nguồn, trung nguồn tại các đơn vị thành viên của PVN.
- Ưu tiên nghiên cứu đầu tư các dự án năng lượng tái tạo đạt hiệu quả đầu tư để gia tăng tỷ lệ sản xuất điện năng từ nguồn năng lượng tái tạo.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ

Bao gồm 02 lĩnh vực: Cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các nhà máy điện và dịch vụ cung ứng nhiên liệu.

01

Cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các nhà máy điện

Cùng với các đơn vị sản xuất điện đảm bảo, duy trì độ khả dụng và tin cậy các hệ thống thiết bị trong các nhà máy điện của Tổng công ty, cụ thể:

Tập trung cho công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ/thường xuyên các nhà máy điện của PV Power.

Tìm kiếm thị trường cung cấp dịch vụ vận hành O&M các nhà máy điện.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện cũng như vận hành O&M các nhà máy điện (Chiến lược đào tạo: Triển khai đào tạo nội bộ, đào tạo chuyên sâu, tuyển dụng các nhân sự giàu kinh nghiệm, xây dựng bộ máy nhân sự nòng cốt cho Trung tâm trong tương lai...).

Tận dụng, phát huy các nguồn lực, nhân lực, các điều kiện đã có từ Tổng công ty như nhân sự, nhà xưởng, công cụ dụng cụ... cũng như kinh nghiệm bảo dưỡng sửa chữa của các nhà máy điện.

02

Dịch vụ cung ứng nhiên liệu

Xây dựng, vận hành và quản trị các chuỗi cung ứng nhiên liệu hiện đại, tiên tiến và hiệu quả nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Đa dạng hóa nguồn cung nhiên liệu, tìm kiếm các nguồn nhiên liệu chất lượng tốt phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ của các nhà máy điện.

Phát huy mọi nguồn lực để đảm bảo luôn cung ứng đủ nhiên liệu cho các nhà máy điện vận hành với chất lượng tốt nhất, chi phí cạnh tranh, hợp lý, đem lại hiệu quả hoạt động, kinh tế cho Tổng công ty, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

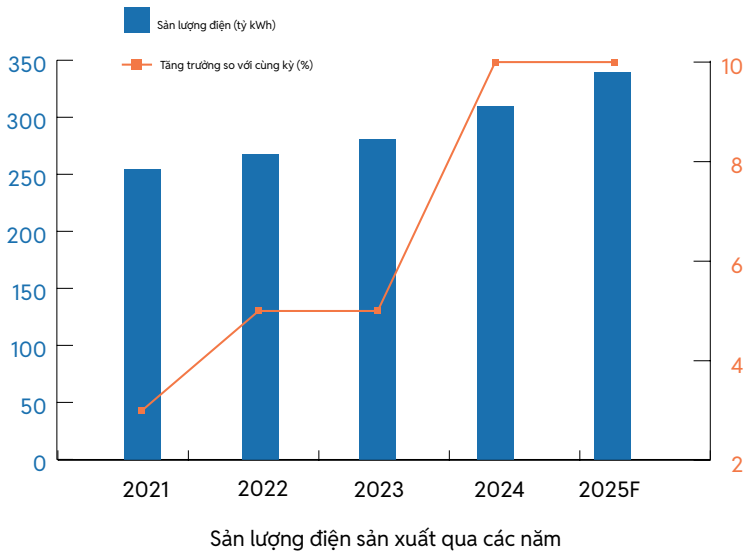
Hợp tác kinh doanh nhiên liệu và dịch vụ cho các nhà máy điện trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế.



CÁC RỦI RO

Các rủi ro

- Tăng trưởng phụ tải toàn quốc thấp hơn so với kịch bản đã dự báo: Đại dịch Covid 19 bùng phát từ năm 2020 đã gây đình trệ mọi mặt kinh tế xã hội với nhiều hệ lụy kéo dài. Mức tăng trưởng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống các năm 2021, 2022 và 2023 chỉ đạt 2,9%; 5,2% và 4,4%; thấp hơn rất nhiều so với giai đoạn 2011-2019 tăng trưởng đạt 9%-11,5%/năm và so với kịch bản cơ sở về tăng trưởng phụ tải toàn quốc giai đoạn 2021-2025 đã dự báo là 9,08%/năm.
- Nguồn cung điện năng lượng tái tạo (NLTT) tăng mạnh cùng chính sách ưu tiên huy động tối đa các nguồn NLTT theo khả năng giải tỏa lưới điện và khả năng hấp thụ của hệ thống đã ảnh hưởng lớn đến vận hành sản xuất của các nhà máy nhiệt điện: Đến cuối năm 2023, NLTT chiếm 27% công suất toàn hệ thống (QH Điện VII điều chỉnh phê duyệt đến năm 2025 điện NLTT chỉ chiếm 15,6%). Tỷ trọng điện khí giảm từ 16% năm 2019 xuống chỉ còn khoảng 9% năm 2023 trong tổng công suất nguồn điện.
- Cơ chế vận hành thị trường điện chưa rõ ràng, sản lượng điện hợp đồng (Qc) các nhà máy nhiệt điện các năm gần đây ngày càng thấp, trong khi Qc các nhà máy thủy điện tăng, giá trần thị trường điện giảm, gia tăng rủi ro lớn cho các nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường điện.
- Nguồn năng lượng sơ cấp (khí, dầu, than) suy giảm sản lượng và lệch pha với nhu cầu vận hành sản xuất, ảnh hưởng lớn đến khả năng vận hành, giảm sức cạnh tranh các nhà máy nhiệt điện của PV Power. Sự suy giảm sản lượng cung cấp của nguồn khí Đông Nam Bộ cùng với việc Hợp đồng mua bán khí cung cấp cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 hết thời điểm cam kết lượng khí tối thiểu nên sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả tham gia thị trường các nhà máy điện; nguồn cung cấp khí Tây Nam Bộ cho khu Điện-Đạm-Khí Cà Mau đi vào giai đoạn suy giảm, phải chia sẻ khí cho nhà máy xử lý khí Cà Mau. Tại Nhà máy điện Vũng Áng 1, việc thiếu than và phải sử dụng 100% than cám 5a10 và tỷ lệ than phối trộn có chất bốc cao >10% làm gia tăng khả năng xảy ra sự cố.



- Nhà máy điện Cà Mau 1&2 chính thức tham gia thị trường điện từ tháng 7/2021, hợp đồng mua bán điện phải đàm phán lại theo hướng bất lợi cho PV Power. Với phương án tính giá điện theo hợp đồng cũ (khi chưa tham gia thị trường điện), doanh thu phần cố định (gồm công suất và O&M cố định) được tính trên cơ sở công suất tin cậy của nhà máy điện (không phụ thuộc sản lượng điện phát). Tuy nhiên với hợp đồng mua bán điện PPA chuyển đổi khi tham gia thị trường điện, doanh thu phần cố định được tính theo sản lượng điện thực phát. Với mức sản lượng điện bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ở mức thấp do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nên phần doanh thu cố định thu được thấp làm lợi nhuận giảm.
- Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 là dự án nhà máy điện khí đầu tiên tại Việt Nam sử dụng nhiên liệu LNG nhập khẩu, các quy định về Hợp đồng mua bán điện PPA và Hợp đồng mua bán khí GSA đối với dự án sử dụng nhiên liệu khí LNG chưa có, Hiện Bộ Công thương mới ban hành Khung giá phát điện nhà máy nhiệt điện sử dụng khí hóa lỏng LNG vào ngày 27/5/2024.
- Tỷ lệ nội địa hóa vật tư, thiết bị thay thế cho các nhà máy điện hiện nay chưa cao: Chi phí/thời gian bảo dưỡng sửa chữa /thay thế vật tư các nhà máy điện phụ thuộc vào thời gian vận chuyển logistic quốc tế/ độ sẵn có của các nhà cung cấp nước ngoài..., ảnh hưởng tới công tác bảo dưỡng sửa chữa và tiến độ khắc phục sự cố tại các nhà máy điện.



- Xung đột chính trị Nga - Ukraine còn tiếp tục khốc liệt hơn và kéo dài, cùng với mức độ khó lường của xung đột chính trị giữa các thế lực, giữa các nước lớn (Nga, Trung Quốc, NATO, EU...) với các biện pháp trừng phạt lẫn nhau sẽ tiếp tục ảnh hưởng lớn đến kinh tế toàn cầu và Việt Nam nói chung. Lạm phát tăng khiến lãi suất ngân hàng và tỷ giá ngoại tệ có xu hướng tăng, giá nguyên, vật liệu sản xuất tăng làm chi phí tài chính, và các chi phí khác tăng cao.
- Bảo lãnh vay vốn nước ngoài của Chính phủ cho đầu tư các công trình điện đang được hạn chế theo chủ trương chung là tự vay - tự trả dẫn đến những khó khăn nhất định trong công tác thu xếp vốn.
- Các rủi ro an toàn, môi trường:
 - ▶ Các nhà máy điện đều có nguy cơ cháy nổ rất cao có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất của đơn vị. Các nhà máy điện của PV Power đều được trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ tự động hiện đại đồng thời mỗi nhà máy đều có đội PCCC chuyên ngành và xe chữa cháy với chế độ trực 24/24 luôn đảm bảo phòng tránh và sẵn sàng chữa cháy hiệu quả nhất.
 - ▶ Các nhà máy điện của PV Power được thiết kế và xây dựng đáp ứng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn

phát thải ban hành từ năm 2009. Năm 2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn phát thải mới cho các nhà máy điện với yêu cầu ngưỡng phát thải thấp hơn nhiều lần quy chuẩn cũ. Với công nghệ và thông số vận hành như hiện tại, một số nhà máy có thể phát thải khí thải vượt một số chỉ tiêu so với quy chuẩn hiện hành. Tuy nhiên Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới chỉ bắt đầu áp dụng từ năm 2032, nên PV Power có đủ thời gian để cải tiến, hiệu chỉnh hoạt động của nhà máy nhằm đáp ứng yêu cầu mới.

▶ Tuy đã hạn chế được ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng các rủi ro liên quan tới sức khỏe của người lao động luôn hiện hữu trong giai đoạn hiện tại, việc đảm bảo vận hành các nhà máy điện an toàn, liên tục trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch đồng thời kịp thời ứng phó với các rủi ro khác có thể phát sinh luôn là ưu tiên hàng đầu của PV Power, PV Power và các đơn vị đã chủ động xây dựng các phương án, kịch bản, tổ chức diễn tập, thường xuyên bổ sung các trang, thiết bị phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động và duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác quản trị rủi ro

Năm 2024, PV Power bắt đầu triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro Tổng công ty theo thông lệ quốc tế, phù hợp với mô hình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; bước đầu, PV Power đã ban hành Quy chế Quản trị rủi ro của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam vào tháng 02/2024. Tháng 3-4/2024, PV Power đã tổ chức làm việc với bốn nhà tư vấn quản trị rủi ro hàng đầu tại Việt Nam bao gồm PwC, EY, KPMG, Deloitte. Song song với đó, PV Power đã tập trung triển khai nghiên cứu các tài liệu, phân tích đánh giá hiện trạng về công tác quản trị rủi ro của PV Power theo tiêu chuẩn thế giới, kế hoạch triển khai cụ thể và chi phí tương ứng của từng phương án để từ đó đánh giá, lựa chọn phương án tổ chức tự thực hiện, phù hợp với năng lực nội tại của PV Power, phát huy những lợi thế của hệ thống, tổ chức, nhân sự với mục tiêu hiệu quả, tiết giảm chi phí.



Nhằm vận hành hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, PV Power đang xây dựng các công cụ trong quản trị rủi ro bao gồm:

1

Cơ cấu tổ chức giám sát hoạt động quản trị rủi ro phù hợp với chức năng, vai trò, nhiệm vụ cụ thể cho từng nhân sự chuyên trách.

2

Hệ thống các chỉ số cảnh báo rủi ro (Key Risk Indicators).

3

Thước đo rủi ro (Risk Parameters).

4

Bộ biểu mẫu báo cáo áp dụng toàn Tổng công ty.

5

Sổ tay Quản trị rủi ro.

Ngoài việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy trình quản trị rủi ro nội bộ, ngay trong tháng 11/2024, PV Power cũng đã tổ chức thành công Hội thảo chuyên môn quản trị rủi ro với chủ đề “Triển khai Quản trị rủi ro tại PV Power: Hiệu quả - Bền vững”. Tại Hội thảo, Ban lãnh đạo PV Power đã chia sẻ về tầm quan trọng của QTRR Doanh nghiệp và các giải pháp để hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, giảm thiểu các rủi ro, phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu đã được Tập đoàn giao; đồng bộ công tác QTRR trong công tác quản trị của doanh nghiệp; tiếp tục triển khai công tác QTRR đạt hiệu quả cao trong thời gian tới.



Chương 02

Tình hình hoạt động 2024

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Các khó khăn thách thức năm 2024

Các yếu tố đầu vào

Các xung đột, chiến tranh/ chiến tranh thương mại trên thế giới giữa các quốc gia (Nga/ Ukraine; ở Dải Gaza) vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến sự ổn định nguồn cung, giá nhiên liệu đầu vào (dầu/ khí/ than), giá vật tư/ thiết bị/ dịch vụ kỹ thuật của các nhà máy điện; Tiếp tục gây ra đứt gãy chuỗi cung ứng dẫn đến việc tăng giá các mặt hàng/ dịch vụ, tăng chi phí sản xuất kinh doanh của PV Power trong năm 2024.



Các nguồn khí nội địa cho sản xuất điện ngày càng suy giảm: Nguồn Đông Nam Bộ năm 2023 là 4,3 tỷ Sm³/ năm, 2024 là 3 tỷ Sm³/ năm, trong khi đó tổng nhu cầu tiêu thụ khí của các nhà máy điện khu vực Đông Nam Bộ là khoảng 5 tỷ Sm³/ năm. Thêm vào đó, giá khí tăng và Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 ở cuối nguồn cấp khí phải chịu phần cước phân phối Phú Mỹ - Nhơn Trạch (5,39 USD/ Tr.BTU) làm cho giá khí bình quân của nhà máy tăng cao, kéo theo giá biến đổi tăng (thường xuyên cao hơn giá điện thị trường toàn phần bình quân FMP) ảnh hưởng đến tính cạnh tranh khi tham gia thị trường điện và khả năng huy động của nhà máy.

Các Nhà máy điện khí Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 2 đã phát sinh khí trả trước dẫn đến áp lực về dòng tiền, tăng chi phí sử dụng vốn, áp lực vận hành để thu hồi khí trả trước, do đã ấn định khí tối thiểu các năm 2024 - 2026.



Các vấn đề phân bổ khí, chênh lệch giá khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2 (trước năm 2022) chưa được giải quyết, cước vận chuyển khí Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 vẫn chưa được thống nhất (đang hạch toán mức cao 0,65 USD/ triệu BTU).

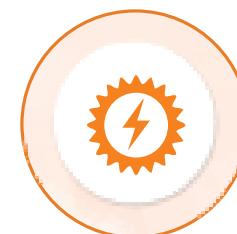
Với việc giảm nguồn than trong nước trong giai đoạn vừa qua và hiện nay, Nhà máy điện Vũng Áng 1 phải sử dụng than cám 5b10 (nhập khẩu), than 5a14 (trộn) với giá cao, tăng từ tháng 3/2024 đến nay, cùng với đó SHT tăng cao hơn so với định mức được thanh toán từ PPA làm giảm sự cạnh tranh khi tham gia thị trường điện, vận hành sản xuất hiệu quả sản xuất kinh doanh điện của Nhà máy điện Vũng Áng 1.



Chính sách bảo vệ sản xuất trong nước của Mỹ/ các quốc gia có nền kinh tế hàng đầu thế giới làm tỷ giá ngoại tệ tăng cao trong giai đoạn vừa qua, đồng thời giá nguyên, vật liệu sản xuất tăng, chi phí tài chính, chi phí chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác tăng cao.

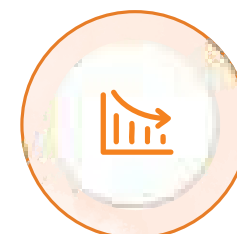
Các yếu tố đầu ra

Trong năm 2024, Bộ Công thương cho phép Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO) tính toán lại Qc tháng của các nhà máy trong hệ thống theo Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia tại Quyết định số 3110/QĐ-BCT của Bộ Công thương ngày 30/11/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024 dẫn tới Qc tháng của một số các nhà máy điện bị thay đổi giảm so với Qc được phân bổ từ đầu năm (Nhà máy điện Nhơn Trạch 1; Nhà máy điện Hòa Na; Nhà máy điện Vũng Áng 1).



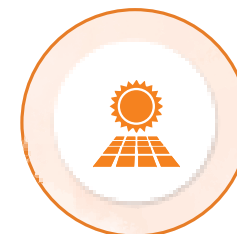
Giá trần thị trường năm 2024 thấp (thấp hơn nhiều so với các năm cụ thể là 1.510 đ/kWh, năm 2023 là 1.788 đ/kWh; năm 2022 là 1.670 đ/kWh) đã ảnh hưởng đến khả năng vận hành của các Nhà máy điện.

Mặc dù Qc cả năm 2024 đã rất thấp nhưng Qc tháng giao liên tục bị cắt giảm so với Qc cả năm đã công bố (đặc biệt trong 3 tháng đầu năm Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 được phân bổ Qc rất thấp làm sụt giảm nghiêm trọng sản lượng, doanh thu của các Nhà máy) cụ thể: Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 cắt giảm 451 triệu kWh; Nhà máy điện Vũng Áng 1 cắt giảm 449 triệu kWh; Nhà máy điện Hòa Na cắt giảm 26,3 triệu kWh.



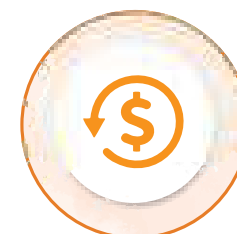
Các tháng đầu năm khu vực phía Nam thừa nguồn, truyền tải Bắc Nam bị giới hạn dẫn tới các nhà máy điện tại khu vực này bị giảm phát, trong đó có Nhà máy điện Cà Mau 1&2 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2. Các tổ máy của các nhà máy điện khí luôn phải vận hành trong điều kiện thường xuyên ngừng máy/ khởi động nhiều lần, điều này tiềm ẩn rủi ro cao về sự cố, ảnh hưởng đến độ sẵn sàng, tin cậy của nhà máy, gây nguy cơ mất an toàn hệ thống điện.

Tỷ trọng các nhà máy điện năng lượng tái tạo khu vực miền Nam tăng cao dẫn tới các Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2, Cà Mau 1&2 phải giảm phát trong các chu kỳ cao điểm ngày, làm sụt giảm sản lượng và doanh thu của các nhà máy.



Thường xuyên xảy ra tình trạng giới hạn truyền tải đường dây 500 kV đoạn Nho Quan - Nghi Sơn, do đó, nhiều thời điểm 2 tổ máy Nhà máy điện Vũng Áng 1 phải giảm phát để đảm bảo vận hành an toàn hệ thống.

Vướng mắc trong cơ chế mua bán điện giữa EVN và các chủ đầu tư nhà máy điện hiện vẫn chưa được tháo gỡ, EVN chưa thể cam kết Qc dài hạn với các chủ đầu tư do điều này có thể mang lại rủi ro trong tương lai khi EVN vẫn phải trả tiền tương ứng với sản lượng Qc đã cam kết mà không nhận được điện (do các nhà máy điện này có giá điện cao), sản lượng được huy động sẽ thấp. Việc EVN không cam kết Qc dài hạn là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng vận hành và hiệu quả của các nhà máy điện nói chung, trong đó có PV Power. Với chỉ tiêu giao Qc thấp hoặc liên tục bị cắt giảm so với kế hoạch sẽ ảnh hưởng đáng kể tới kết quả hoạt động kinh doanh của PV Power.



Một số kết quả, thành tựu đạt được trong năm 2024

Mặc dù tình hình thị trường điện hết sức khó khăn, tuy nhiên Tổng công ty đã áp dụng nhiều **giải pháp về kỹ thuật**, chào giá thị trường linh hoạt, có hiệu quả để đảm bảo việc vận hành các nhà máy điện an toàn, ổn định, liên tục theo điều độ của NSMO. Kết quả lợi nhuận Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty **vượt kế hoạch** được Đại hội đồng cổ đông giao.



Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, cụ thể:

- Hoàn thành tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 2 trong vòng 12 ngày, vượt tiến độ 2 ngày so với thời gian dự kiến là 14 ngày, đảm bảo an toàn, chất lượng.
- Thực hiện tiểu tu Nhà máy điện Hòa Na trong 35 ngày vượt tiến độ 05 ngày so với thời gian dự kiến là 40 ngày, đảm bảo an toàn, chất lượng.
- Thực hiện trung tu Tổ máy H1, H2 Nhà máy Thủy điện Đakrinh trong 34 ngày, vượt tiến độ mỗi Tổ máy 03 ngày so với kế hoạch, đảm bảo an toàn, chất lượng.
- Thực hiện trung tu Tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1 từ ngày 15/8/2024 và hoàn thành ngày 10/10/2024 (vượt tiến độ 09 ngày so với thời gian dự kiến là ngày 19/10/2024) đảm bảo an toàn, chất lượng.
- Các nhà máy vận hành ổn định sau bảo dưỡng sửa chữa định kỳ.

Tích cực thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí tại các đơn vị trong Tổng công ty. Tổng chi phí tiết kiệm, tiết giảm được năm 2024 đạt 311 tỷ đồng. Trong đó, tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng 171,5 tỷ đồng; tiết kiệm nguyên, vật liệu 12,6 tỷ đồng; tiết kiệm chi phí quản lý, sản xuất chung 122,7 tỷ đồng; tiết kiệm trong quản lý đầu tư xây dựng 4,7 tỷ đồng.

Thực hiện cung cấp than ổn định, liên tục, dài hạn và cơ bản triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

CTCP Thủy điện Hòa Na triển khai và hoàn thành mua Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn vào tháng 12/2024.

Tích cực triển khai dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

- Hoàn thành công tác thuê đất và được Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dự án (48,84 ha); Giúp dự án hoàn thuế được trên 1.444 tỷ đồng.
- Đã tích cực làm việc với các Bộ ngành và đề xuất cơ chế chính sách và xin hướng dẫn, đặc biệt làm việc với đối tác EVN/ EPTC để hoàn thành ký kết Hợp đồng mua bán điện LNG công suất lớn (1.624 MW) đầu tiên của cả nước.
- Hoàn thành các nội dung chính của Hợp đồng GSA và ký Hợp đồng mua bán khí phục vụ vận hành thử nghiệm.
- Hoàn thành công tác thu xếp vốn của dự án mặc dù không có bảo lãnh của Chính phủ/ Tập đoàn, đây là điểm thuận lợi để PV Power tiếp tục triển khai phát triển đầu tư các dự án điện LNG tiếp theo trong ngắn và dài hạn.

Một số kết quả, thành tựu đạt được trong năm 2024



Công tác đầu tư dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh: đơn vị đang triển khai lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội; đã ký hợp đồng tư vấn quốc tế và Hợp đồng lập hồ sơ mời thầu EPC dự án; đang làm việc với địa phương về công tác đền bù giải phóng mặt bằng.

Công tác lắp đặt hệ thống tiết kiệm năng lượng sử dụng biến tần tại Nhà máy điện Vũng Áng 1 đã hoàn thành lắp đặt tổ máy số 1; bước đầu mang lại nguồn doanh thu ổn định cho PV Power REC.

Ngày 31/10/2024, PV Power chính thức khánh thành và đưa vào vận hành trạm sạc xe điện thí điểm đầu tiên tại số 6 phố Huỳnh Thúc Kháng, Ba Đình, Hà Nội.

Dự án Tòa nhà Văn phòng sau khi hoàn thành thẩm định thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế PCCC vào tháng 5/2024, Tổng công ty đã tích cực triển khai công tác hoàn thiện tòa nhà để sớm đưa vào sử dụng trong thời gian sớm nhất.

Tiếp tục rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy từ Công ty mẹ đến các Đơn vị thành viên/trực thuộc; Đẩy nhanh thực hiện thoái vốn tại các công ty liên kết. Thoái vốn thành công dự án Luang Prabang tại Lào, thu hồi được hơn 144 tỷ chi phí đã thực hiện trong quá trình nghiên cứu khảo sát đầu tư dự án.

Năm thứ tư liên tiếp, được công nhận là “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động”.

Cổ phiếu POW tiếp tục duy trì vị trí trong nhóm VN30-INDEX .

Ngày 16/11/2024, PV Power được vinh danh trong Top 20 công ty có báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành phi tài chính năm 2023.

Ngày 29/11/2024, PV Power lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN (*)	TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN (**)
1	Ông Lê Như Linh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	0%	20%
2	Ông Ngô Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	0,00028%	
3	Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng Giám đốc	0%	
4	Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng Giám đốc	0,0009%	
5	Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng Giám đốc	0%	
6	Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	0%	
7	Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc	0%	
8	Ông Chu Quang Toàn	Kế toán trưởng	0%	

(*) Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành
(**) Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam tại PV Power



Những thay đổi trong Ban Điều hành

Không có

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến 31/12/2024, tổng số lao động của toàn Tổng công ty là **2.132** người (đã bao gồm Người quản lý và lực lượng lao động của PVPP, PV Power TSC).
Trong đó, số lao động tại Công ty mẹ Tổng công ty là: 1.317 người (gồm: Viên chức quản lý là 18 người và Người lao động Công ty mẹ (gồm cả Người lao động tại PVPP, PV Power TSC là 1.299 người), cụ thể:

Cơ cấu giới tính:

Nam: 1.043 người (chiếm 79,20%)
Nữ: 274 người (chiếm 20,80 %)

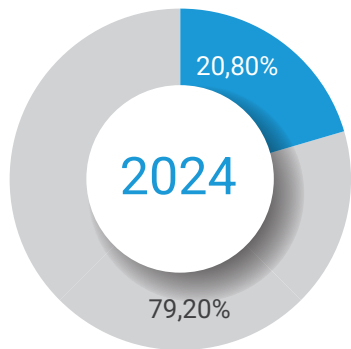
Cơ cấu trình độ:

Đại học trở lên: 1.063 người (chiếm 80,71 %); Cao đẳng, trung cấp, trung học: 98 người (chiếm 7,44 %); Công nhân kỹ thuật, lái xe: 149 người (chiếm 11,31 %); Sơ cấp, lao động phổ thông: 07 người (chiếm 0,53 %).

Tổng số lao động Công ty mẹ
tính đến 31/12/2024

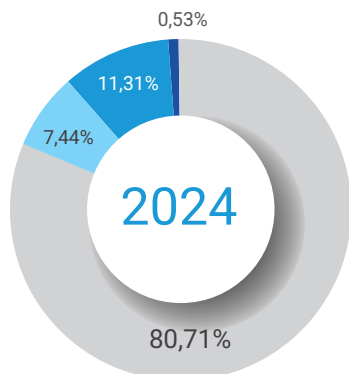
1.317 nhân sự

Cơ cấu giới tính

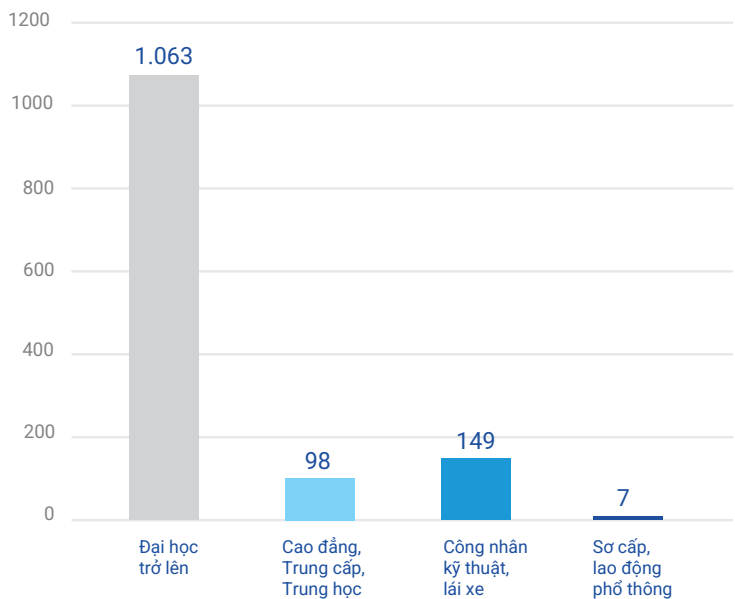


 274  1.043

Cơ cấu trình độ



Đại học trở lên
Cao đẳng, trung cấp, trung học
Công nhân kỹ thuật, lái xe
Sơ cấp, lao động phổ thông





Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Năm 2024 khép lại với con số tăng trưởng chỉ tiêu lợi nhuận đầy khích lệ, trên cơ sở Thông tư 28/TT-BLĐT-BXH và Nghị định 53/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện quản lý tiền lương, tiền thưởng đối với doanh nghiệp cổ phần vốn góp nhà nước chi phối, thu nhập bình quân của người lao động được đảm bảo và tăng trưởng ổn định, đi đôi với sự phát triển hoạt động SXKD của PVPower. Trong bối cảnh lạm phát gia tăng, Tổng công ty đã kịp thời điều chỉnh tăng đơn giá tiền lương từ mức 01 triệu đồng lên 1.3 triệu đồng trong hệ thống Công ty mẹ - Tổng công ty để tăng mức lương hằng tháng cho Người lao động cũng như hướng tới các chính sách phúc lợi trong dài hạn để thu hút nhân tài. Người lao động được hưởng mức lương hưu cũng như các chế độ Bảo hiểm tốt hơn, đời sống được đảm bảo ổn định... Tổng công ty đã

sửa đổi, hoàn thiện các chương trình, chính sách, quy chế quản trị nội bộ cho người lao động với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch công khai như: Quy chế dân chủ cơ sở, Thỏa ước Lao động tập thể, quy chế thưởng vận hành an toàn, các quy chế, quy định quản trị nội bộ của Tổng công ty... trong đó đặc biệt quan tâm tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động và thông qua tổ chức Công đoàn để lấy ý kiến Người lao động trước khi ban hành, tạo sự đồng thuận và thống nhất cao nhất với người lao động. Bước vào năm 2025, Tổng công ty hướng tới tăng cường năng lực đội ngũ, xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu suất lao động như đánh giá hiệu suất KPI để khuyến khích người lao động làm nhiều hưởng nhiều, có cơ chế trọng dụng nhân tài...



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Năm 2024, PV Power là chủ đầu tư và tham gia thực hiện (góp vốn đầu tư) các dự án lớn sau:

- Dự án các Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.
- Dự án mua tòa nhà làm văn phòng làm việc của PV Power.
- Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh.



DỰ ÁN CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN NHƠN TRẠCH 3 VÀ NHƠN TRẠCH 4

THÔNG TIN DỰ ÁN	
Quy mô (công suất)	1.624MW
Chủ đầu tư	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP
Địa điểm đầu tư	Khu công nghiệp Ông Kèo, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Tổng mức đầu tư	32.486,9 tỷ đồng
Kế hoạch dự kiến	- Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 vận hành thương mại tháng 6/2025; - Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 vận hành thương mại tháng 9/2025.
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN	

Đến nay, tiến độ tổng thể ước đạt 96%, cụ thể:

- Ngày 05/2/2025, Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 đã chính thức hòa lưới điện quốc gia;
- Hiện nay, nhà thầu EPC đang tiến hành chạy thử Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA PV POWER



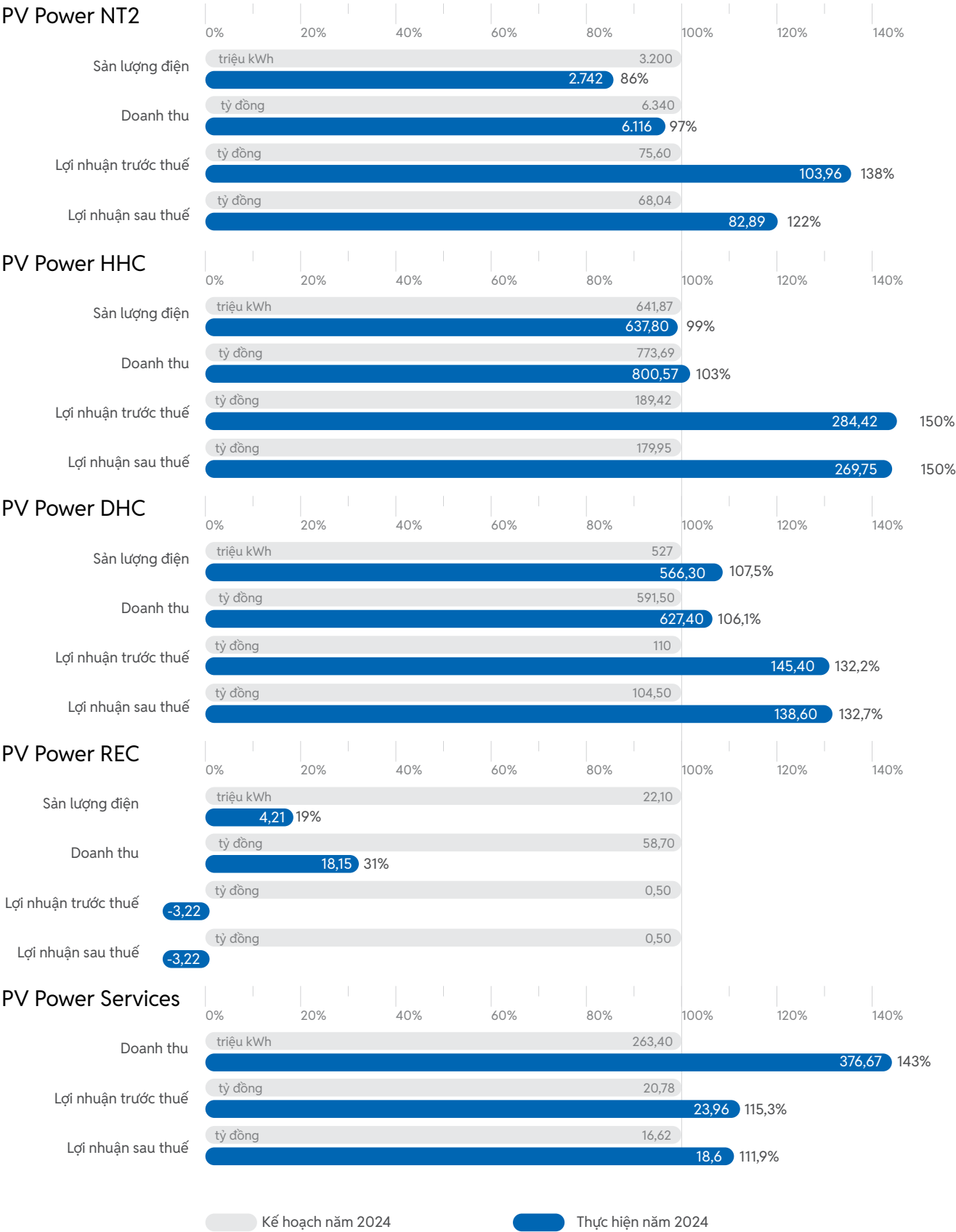
THÔNG TIN DỰ ÁN	
Diện tích đất xây dựng Tòa nhà văn phòng DLC	773,5m ² (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích sử dụng riêng là 773,5m ²)
Mật độ xây dựng	45% (theo mật độ dự án)
Tầng cao công trình	32 tầng nổi (có 04 tầng hầm sử dụng chung thuộc dự án DLC - Complex Nguyễn Tuấn)
Tổng diện tích sàn xây dựng	24.752 m ²
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN	
Bên bán và các nhà thầu hạng mục Hoàn thiện đang tập trung thi công hoàn thiện tòa nhà, dự kiến hoàn thành trong Quý II/2025	

DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN KHÍ LNG QUẢNG NINH

THÔNG TIN DỰ ÁN	
Quy mô (công suất)	- Nhà máy điện khí chu trình hỗn hợp: 1.500 MW; - Kho chứa LNG, hệ thống tái hóa khí, bến nhập LNG.
Chủ đầu tư	CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh (QN LNG Power). PV Power góp 30% vốn điều lệ
Địa điểm	Phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
Tổng mức đầu tư dự kiến	52.870,8 tỷ đồng
Tiến độ dự kiến vận hành thương mại	Trong quý IV/2028 – quý I/2029
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN	
- QN LNG Power đã hoàn thiện công tác lập Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án. Cấp có thẩm quyền đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo PCCC, Báo cáo đánh giá tác động môi trường... - Đến ngày 20/02/2025, Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh đã phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Điện Khí LNG Quảng Ninh.	

Các công ty con, công ty liên kết

CÁC CÔNG TY CON



CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
(PV Power NT2)

Sản lượng điện đạt

2.742 triệu kWh
hoàn thành 86% kế hoạch

Tổng doanh thu đạt

6.116 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế đạt

103,96 tỷ đồng
bằng 138% kế hoạch

CTCP Thủy điện Hòa Na
(PV Power HHC)

Sản lượng điện đạt

637,80 triệu kWh
hoàn thành 99% so với kế hoạch

Tổng doanh thu của Công ty đạt

800,57 tỷ đồng
bằng 103% kế hoạch 2024

Lợi nhuận sau thuế đạt

269,75 tỷ đồng
bằng 150% kế hoạch



Năm 2024, Sản lượng điện đạt 2.742 triệu kWh, hoàn thành 86% kế hoạch; Tổng doanh thu đạt 6.116 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 103,96 tỷ đồng, bằng 138% kế hoạch 2024; Cổ tức năm 2023 chia cho cổ đông là 15%. Mặc dù sản lượng điện không hoàn thành kế hoạch song PV Power NT2 vẫn vượt kế hoạch lợi nhuận do nhà máy thực hiện chào giá tốt, tăng cường công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



Năm 2024, Sản lượng điện đạt 637,80/641,87 triệu kWh, hoàn thành 99% so với kế hoạch; Mặc dù sản lượng chưa hoàn thành 100% nhưng do nhà máy có chiến lược chào giá trên thị trường điện tốt nên Tổng doanh thu của Công ty đạt 800,57/773,69 tỷ đồng, vượt 3% so với kế hoạch; Đồng thời Công ty luôn chú trọng trong công tác thực hành, tiết kiệm chống lãng phí, tiết giảm các chi phí hoạt động không cần thiết nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Kết quả năm 2024 Lợi nhuận sau thuế đạt 269,75/179,95 tỷ đồng, vượt 50% so với kế hoạch; Trong năm PV Power HHC đã thực hiện chia cổ tức của năm 2023 cho cổ đông là 10%.

**CTCP Thủy điện Đakdrinh
(PV Power DHC)**

Vào thời điểm 20 giờ 05 phút Thứ 4 ngày 18/12/2024 Công ty đã hoàn thành đạt sản lượng điện là 527,01 triệu kWh (kế hoạch 527 triệu kWh) và về đích trước 13 ngày so với kế hoạch cả năm được giao.

Các chỉ tiêu chính cả năm 2024 (theo báo cáo tài chính đã kiểm toán) đạt được như sau:



566,3 triệu kWh/
kế hoạch 527 triệu kWh

Sản lượng điện thương mại

đạt 107,5% kế hoạch,
vượt kế hoạch 39,3 triệu kWh

627,4 tỷ đồng/
kế hoạch 591,5 tỷ đồng

Doanh thu cả năm

đạt 106,1% kế hoạch,
vượt kế hoạch 35,9 tỷ đồng

145,4 tỷ đồng/
kế hoạch 110 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

đạt 132,2% kế hoạch,
vượt kế hoạch 35,4 tỷ đồng

138,6 tỷ đồng/
kế hoạch 104,5 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế

đạt 132,7% kế hoạch,
vượt kế hoạch 34,1 tỷ đồng

139,7 tỷ đồng/
kế hoạch 138,1 tỷ đồng

Nộp NSNN

đạt 101,2% kế hoạch,
vượt kế hoạch 1,6 tỷ đồng

**CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí
(PV Power Services)**

Năm 2024 chỉ tiêu Doanh thu và Lợi nhuận của công ty đều vượt so với kế hoạch được giao

Doanh thu đạt

376,67 tỷ đồng
bằng 143% kế hoạch
năm 2024

Lợi nhuận sau thuế đạt

18,6 tỷ đồng
bằng 111,9% kế hoạch
năm 2024



Năm 2024 không có hoạt động bảo dưỡng sửa chữa lớn, tuy nhiên PV Power Services đã nỗ lực phấn đấu, tìm kiếm và ký kết thêm các hợp đồng dịch vụ mới ngoài các hợp đồng trong Tổng công ty, tiết giảm tiết kiệm tối đa các khoản mục chi phí, mua sắm chưa cần thiết... nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty giao từ đầu năm.

**CTCP Năng lượng tái tạo Điện lực
Dầu khí
(PV Power REC)**

Doanh thu đạt

18,15 tỷ đồng

Sản lượng điện đạt

4,21 triệu kWh



PV Power REC đang trong giai đoạn vừa sản xuất kinh doanh điện vừa nghiên cứu, xúc tiến đầu tư các dự án Năng lượng tái tạo mới. Đến nay PV Power REC đã và đang sở hữu 5 dự án/ nhà máy điện mặt trời mái nhà cụ thể như là: Nhà máy Điện mặt trời mái nhà Phú Mỹ 1, 2, 3 và Nhà máy Điện mặt trời mái nhà Dung Quất 1, 2.
Năm 2024, sản lượng điện đạt 4,21 triệu kWh; Doanh thu đạt 18,15 tỷ đồng; Cả năm 2024 lỗ 3,22 tỷ đồng.

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	TÊN DOANH NGHIỆP	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ TẠI 31/12/2024 (TỶ ĐỒNG)	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG (TỶ ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU TẠI 31/12/2024 (*)	LNST (TỶ ĐỒNG)	GHI CHÚ
1	Nhóm các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện					
1.1	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	292,25	-	15,49%	238,14	BCTC 2024
1.2	CTCP Năng lượng Sông Hồng	32,89	-	44,07%	12,50	BCTC 2024
1.3	CTCP Điện Việt Lào	305,55	-	6,98%	812,3	BCTC 2024 công ty mẹ trước kiểm toán
1.4	CTCP EVN Quốc tế	28,22	-	7,69%	50,48	BCTC 2024
1.5	CTCP Thủy điện Sông Tranh 3	29,34	-	5,34%	-41,7	BCTC 2024
1.6	CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh	30,00	-	30%	-6,81	BCTC 2024
2	Nhóm các đơn vị dịch vụ - kinh doanh					
2.1	CTCP Cơ điện Dầu khí	1,0	0,3	13,51%		
2.2	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí	18,2	18,2	6,5%		

(*) Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ thực góp tại 31/12/2024 (%)



Nhóm các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện:

Bao gồm 05 đơn vị là các Công ty chủ quản thực hiện đầu tư và quản lý vận hành, khai thác các dự án thủy điện:

CTCP Thủy điện Nậm Chiến (NCC)	Năm 2024, NCC tăng vốn điều lệ từ 1.536,9 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng, tỷ lệ góp vốn của PV Power giảm từ 20,6% xuống 15,49% vốn điều lệ. Ngày 20/1/2025, NCC đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2018, 2019 cho cổ đông. Tổng số tiền cổ tức PV Power nhận được là 58,45 tỷ đồng.
CTCP Năng lượng Sông Hồng (SHE)	Năm 2024, SHE có lợi nhuận sau thuế đạt 12,5 tỷ đồng. Tổng số cổ tức của SHE mà PV Power nhận được là 1,97 tỷ đồng (bao gồm cổ tức năm 2021 và năm 2022 với tỷ lệ 3%/năm).
CTCP Điện Việt Lào (VLP)	Theo báo cáo tài chính công ty mẹ trước kiểm toán, năm 2024, lợi nhuận sau thuế của VLP đạt 812,3 tỷ đồng. Năm 2024, VLP chi trả cổ tức năm 2022 và một phần cổ tức năm 2023 cho cổ đông, tổng số cổ tức PV Power nhận được là 76,4 tỷ đồng.
CTCP EVN Quốc tế (EVNI)	Theo báo cáo tài chính 2024, LNST năm 2024 của EVNI đạt 50,48 tỷ đồng. Đơn vị chi trả cổ tức năm 2023 là 10% và tạm ứng một phần cổ tức năm 2024 (tỷ lệ 6%). Tổng số cổ tức PV Power nhận được năm 2024 là 4,79 tỷ đồng.
CTCP Thủy điện Sông Tranh 3	Tại báo cáo tài chính năm 2024, LNST của đơn vị âm 41,7 tỷ đồng. Công ty hiện đang lỗ lũy kế.
CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh	Công ty được thành lập tháng 11/2022 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng, bao gồm các cổ đông: PV Power (30%), COLAVI (30%), Marubeni (20%) và Tokyo Gas (20%). QN LNG Power được góp vốn lần 1 vào ngày 13/01/2023. Năm 2024, ĐHĐCĐ bất thường lần 1 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ 260 tỷ đồng, vốn điều lệ sau khi tăng là 360 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ dự kiến thực hiện trong 02 lần: lần 1 là 100 tỷ đồng (góp vốn xong trước ngày 28/02/2025) và lần 2 là 160 tỷ đồng (góp vốn xong trước ngày 29/8/2025). Doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 đạt 1,09 tỷ đồng, chi phí quản lý Doanh nghiệp 7,9 tỷ đồng.

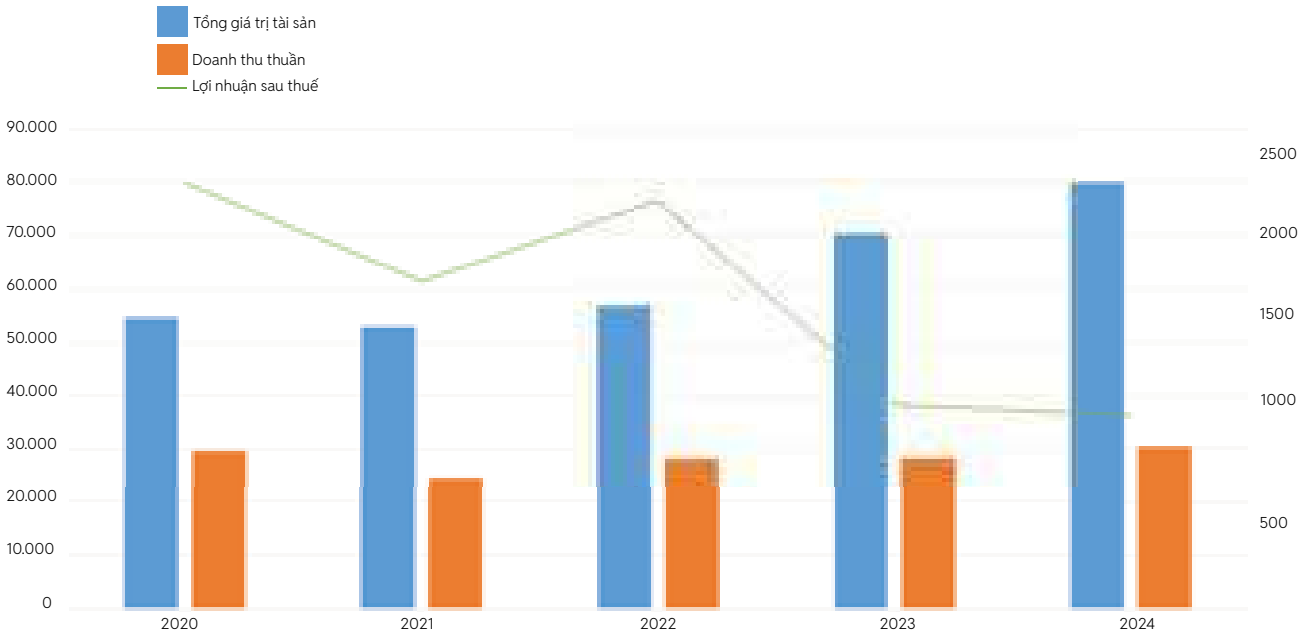
Nhóm các đơn vị kinh doanh - dịch vụ:

Bao gồm 02 đơn vị là CTCP Cơ điện Dầu khí Việt Nam (ngành nghề chính là thi công bảo dưỡng cơ điện), CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí - PVC Mekong (ngành nghề chính là tư vấn thiết kế và kinh doanh bất động sản)	Đến nay, hầu như 02 doanh nghiệp đã dừng hoạt động, lỗ lũy kế ngày càng tăng, cổ phiếu của PVC Mekong (mã CK: PXC) đã bị Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tạm dừng giao dịch. PV Power đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với 02 khoản đầu tư này theo đúng quy định (tại 31/12/2024) dự phòng cho khoản đầu tư tại PVC Mekong là 18,2 tỷ đồng/giá trị đầu tư 18,202 tỷ đồng, dự phòng cho khoản đầu tư tại CTCP Cơ điện Dầu khí là 0,3 tỷ đồng/01 tỷ đồng vốn đầu tư).
---	--

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2023 (TỶ ĐỒNG)	NĂM 2024 (TỶ ĐỒNG)	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	70.362	79.915	13,58
Doanh thu thuần	28.329	30.306	6,98
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.290	883	-31,58
Lợi nhuận khác	152	500	229,52
Lợi nhuận trước thuế	1.442	1.383	-4,08
Lợi nhuận sau thuế	1.283	1.211	-5,58



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2023	NĂM 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,08	0,90
+ Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,00	0,84
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	51,51	56,60
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	106,22	130,43
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho bình quân <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	12,05	14,29
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,45	0,40
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,53	4,00
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,81	3,52
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,02	1,61
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,55	2,91

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán: So với năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn của Tổng công ty giảm từ 1,08 xuống 0,90; hệ số thanh toán nhanh cũng giảm từ 1,00 xuống 0,84. Nguyên nhân do Tổng công ty đang trong giai đoạn trọng điểm của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, trong đó phát sinh các khoản vay ngắn hạn có giá trị lớn để đầu tư tài sản dài hạn.

Về chỉ tiêu cơ cấu vốn: Hệ số nợ/Tổng tài sản của Tổng công ty tăng từ mức 51,51% trong năm 2023 lên mức 56,60% trong năm 2024, đồng thời Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng tăng từ mức 106,22% trong năm 2023 lên mức 130,43% trong năm 2024, điều này cho thấy Tổng công ty đang sử dụng nhiều nợ hơn để tài trợ cho tài sản, cụ thể là các dự án mới đang trong quá trình xây dựng của Tổng công ty.

Về chỉ tiêu hiệu quả hoạt động: Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2024 tăng lên mức 14,29 vòng, cho thấy Tổng công ty đang quản lý hàng tồn kho hiệu quả hơn. Đồng thời chỉ tiêu Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân tăng từ mức 0,65 lần lên 0,70 lần trong năm 2024, phản ánh hiệu suất sử dụng tài sản của Tổng công ty đã có cải thiện nhẹ trong năm nay.

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời: Các chỉ số sinh lời năm 2024 đều giảm so với năm 2023 nhưng đều nằm trong ngưỡng an toàn và phù hợp với Tổng công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: **2.341.871.600** cổ phần
- Mệnh giá: **10.000** đồng/ cổ phần
- Loại cổ phần: **cổ phần phổ thông**
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **1.146.699.884** cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **1.195.171.716** cổ phần

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 22/04/2024)

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG
1	Tỷ lệ sở hữu			
	Cổ đông lớn	1.872.141.477	79,97	1
	Cổ đông nhỏ	469.730.123	20,06	59.225
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
	Cổ đông tổ chức	1.993.576.274	85,13	146
	Cổ đông cá nhân	348.295.326	14,87	59.080
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			
	Cổ đông trong nước	2.255.615.517	96,32	58.744
	Cổ đông nước ngoài	86.256.083	3,68	482
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác			
	Cổ đông nhà nước	1.872.141.477	79,94	1
	Cổ đông khác	469.730.123	20,06	59.225
5	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa		49	

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi thành lập, Tổng công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.

Trong năm 2024, Tổng công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Trong năm 2024, Tổng công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường



13 Dự án

giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
giai đoạn 2018-2030



Giai đoạn 2018-2025

160.884

tấn CO₂e



Giai đoạn 2026-2030

109.420

tấn CO₂e

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG)

9.538.546 tấn CO₂

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp từ hoạt động sản xuất điện năng tại 4 nhà máy nhiệt điện của PV Power: 9.538.546 tấn CO₂ quy đổi (thực hiện kiểm kê khí thải theo hướng dẫn của Tập đoàn dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 445/QĐ-PVN ngày 25/01/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Theo kế hoạch đã đăng ký với PVN và được ban hành theo kế hoạch chung của PVN tại Quyết định số 2128/QĐ-DKVN ngày 19/04/2024 về việc “Ban hành kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Dầu khí, giai đoạn 2018-2030” PV Power có 13 dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thực hiện tại các nhà máy điện, dự kiến theo tính toán của PVN sẽ giảm thiểu được 160.884 tấn CO₂e trong giai đoạn 2018-2025 và 109.420 tấn CO₂e trong giai đoạn 2026-2030. Trong đó, trừ giải pháp vận hành Nhà máy Nhiệt điện Nậm Cắt (hiện nay không thuộc sở hữu PV Power), 12 giải pháp còn lại dự kiến giảm thiểu 101.252 tấn CO₂e trong giai đoạn 2018-2025 và 72.150 tấn CO₂e trong giai đoạn 2026-2030.

Do đặc điểm nhà máy điện là đơn vị sản xuất năng lượng nên sử dụng lượng nhiên liệu rất lớn và lượng phát thải khí nhà kính cũng rất lớn và khó có giải pháp giảm thiểu hiệu quả. Các nhà máy điện của PV Power đều sử dụng công nghệ tiên tiến của các nước phát triển nên tiềm năng cải tiến công nghệ để giảm thiểu trực tiếp nhiên liệu sử dụng, nâng hiệu suất là rất thấp. Các giải pháp đã đăng ký đa phần thuộc giải pháp tiết kiệm, giảm thiểu năng lượng sử dụng trong sản xuất và sử dụng năng lượng mặt trời.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM

- PV Power không sử dụng nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Tổng công ty trong năm.

BÁO CÁO TỶ LỆ PHẦN TRĂM NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

- PV Power không tái chế vật liệu để sử dụng sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Tổng công ty.

Tiêu thụ năng lượng

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

NHÀ MÁY	NHIÊN LIỆU	ĐƠN VỊ	NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ
Cà Mau 1	Khí	Triệu.Sm ³	480,06
	Dầu	Tấn	56,64
Cà Mau 2	Khí	Triệu.Sm ³	729,50
	Dầu	Tấn	0,88
Nhơn Trạch 1	Khí	Triệu.Sm ³	58,59
	Dầu	Tấn	39,50
Nhơn Trạch 2	Khí	Triệu.Sm ³	530,70
	Dầu	Tấn	0
Vũng Áng 1	Than	Tấn	2.720.330
	Dầu	Tấn	5.418

NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM ĐƯỢC THÔNG QUA CÁC SÁNG KIẾN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

NHÀ MÁY	ĐƠN VỊ	NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM
Cà Mau	Triệu.BTU	360.719
Nhơn Trạch 1	Triệu.BTU	8.852
Nhơn Trạch 2	Triệu.BTU	141.058
Vũng Áng	Triệu.BTU	137.700

CÁC BÁO CÁO SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG; BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA CÁC SÁNG KIẾN NÀY

Năm 2024, PV Power có 110 sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được công nhận, trong đó có 10 sáng kiến tiết kiệm năng lượng như sau:



STT	TÊN SÁNG KIẾN	ĐƠN VỊ
1	Phương án thu hồi nước mặt Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	PV Power Hà Tĩnh
2	Thực hiện giải pháp nâng cao hiệu năng bơm rút chân không bình ngưng hai tổ máy Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng	PV Power Hà Tĩnh
3	Nghiên cứu lắp đặt cuộn kháng khởi động cho động cơ bơm dầu khẩn bơm cấp tuabin 1B	PV Power Hà Tĩnh
4	Điều chỉnh thời gian làm sạch (purge) được mỗi trong quá trình khởi động tổ máy GT11/GT12	PV Power Nhơn Trạch
5	Thu hồi nước sạch từ quá trình rửa lọc thẩm thấu ngược tại hệ thống xử lý nước	PV Power Nhơn Trạch
6	Điều chỉnh mạch điều khiển và các thông số cài đặt của bộ biến tần động cơ cầu trục để thay thế cho bộ biến tần động cơ trở trực tổ máy ST18	PV Power Nhơn Trạch
7	Phương án xử lý rác thải hữu cơ thành phân bón	PV Power Cà Mau
8	Thiết kế, lắp đặt biến tần điều khiển các động cơ di chuyển ngang của cầu trục Workshop	PV Power Service
9	Nghiên cứu, tính toán, chỉnh định lại thông số làm việc của biến tần điều khiển động cơ các máy cấp than	PV Power Service
10	Thiết kế và lắp đặt biến tần Pumpdrive cung cấp nước dịch vụ hệ thống nhiên liệu vận hành ở chế độ MAN/AUTO theo tín hiệu áp suất trên đường ống	PV Power Service

Tiêu thụ nước

NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG

NHÀ MÁY ĐIỆN	NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC	ĐƠN VỊ	LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG
Cà Mau	Nhà máy nước U Minh và Nhà máy nước Khánh An	m ³	334.352
Nhơn Trạch 1	Nhà máy nước Nhơn Trạch	m ³	70.154
Nhơn Trạch 2	Nhà máy nước Nhơn Trạch	m ³	72.861
Vũng Áng	Nhà máy cấp nước CTCP tập đoàn Hoàn Sơn	m ³	1.461.910
Hòa Na	Thiên nhiên (hồ chứa)	Triệu. m ³	2.238
Đakđrinh	Thiên nhiên (hồ chứa)	Triệu. m ³	948

**TỶ LỆ
PHẦN TRĂM VÀ
TỔNG LƯỢNG
NƯỚC TÁI CHẾ
VÀ TÁI SỬ DỤNG**

NHÀ MÁY ĐIỆN	TỶ LỆ (%)	TỔNG LƯỢNG NƯỚC TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG (M³)
Cà Mau		Không tái chế và tái sử dụng
Nhơn Trạch 1		Không tái chế và tái sử dụng
Nhơn Trạch 2		Không tái chế và tái sử dụng
Vũng Áng	40,36%	590.020
Hòa Na		Không tái chế và tái sử dụng
Đakdrinh		Không tái chế và tái sử dụng

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Tại PV Power, công tác đảm bảo an toàn sức khỏe môi trường (ATSKMT) luôn được ban lãnh đạo chú trọng và quan tâm trong công tác vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện, góp phần đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Để công tác ATSKMT ngày càng được thực hiện chuyên nghiệp, văn hóa an toàn trong toàn Tổng công ty từng bước được triển khai sâu rộng; hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, quy trình, quy phạm về công tác ATSKMT giúp người lao động PV Power nâng cao nhận thức về công tác ATSKMT, đem lại môi trường làm việc lành mạnh, chuyên nghiệp góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh tại từng đơn vị giúp PV Power phát triển bền vững, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Định kỳ hằng năm, PV Power đều tổ chức Hội nghị thường niên về “An toàn – Sức khỏe – Môi trường” với sự tham gia của đại diện Cục kỹ thuật an toàn và môi trường

Công nghiệp (Bộ Công thương), đại diện Cục cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn Cứu hộ (Bộ Công An) nhằm tổng kết và đánh giá lại công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, cứu hộ cứu nạn toàn Tổng Công ty trong năm.

Trong bối cảnh năm 2024 đối mặt với nhiều khó khăn khách quan, PV Power đã nỗ lực để công tác ATSKMT được đảm bảo, không để xảy ra sự cố môi trường, sự cố hóa chất, không có cháy nổ, đảm bảo tốt công tác vận hành, sản xuất kinh doanh. Tính đến kết thúc năm 2024, PV Power và các đơn vị thành viên không có các vi phạm nào về môi trường, cụ thể:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

Chính sách liên quan đến người lao động

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG,
MỨC LƯƠNG
TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI
NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tổng số cán bộ công nhân viên

1.317 người

Mức tiền lương bình quân

28,2 triệu đồng/ người/tháng

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc/ngủ nghỉ, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp BHXH&BHYT cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức tham quan nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao,... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện an toàn – bảo hiểm lao động cho Người lao động.
- Tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe chất lượng cao PVI Care, chương trình bảo hiểm Hưu trí tự nguyện cho cán bộ công nhân viên...;
- Năm 2024, Tổng công ty đã phê duyệt chương trình và khái toán mua Bảo hiểm nhân thọ trả sau cho cán bộ công nhân viên Công ty mẹ - PV Power và hiện tại đang thực hiện các bước tổ chức lựa chọn nhà thầu rộng rãi công khai theo Quy định của pháp luật, của Tổng công ty.

**HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO
NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Năm 2024, Tổng công ty đã triển khai thực hiện công tác đào tạo và phát triển nhân lực theo kế hoạch được phê duyệt, cụ thể tính đến thời điểm 31/12/2024 Công ty mẹ - Tổng công ty đã triển khai đào tạo cho 2.013 lượt người tham gia các chương trình đào tạo Thạc sĩ, kỹ thuật/kỹ thuật chuyên sâu, bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn nghiệp vụ với tổng kinh phí 8,575 tỷ đồng.

Một số chương trình đào tạo trọng tâm trong năm 2024, cụ thể:



01

Các khóa học phát triển năng lực lãnh đạo dành cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao và cán bộ thuộc diện quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao của Tổng công ty do PVN tổ chức nằm trong chương trình đào tạo khung - phát triển cán bộ Quản lý PVN.

02

Các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật tại Cơ quan Tổng công ty, các đơn vị trực thuộc Tổng công ty: (i) Kiểm tra vật liệu, phân tích thiết bị hư hỏng thiết bị công nghiệp; (ii) Ăn mòn và kiểm soát ăn mòn nhà máy điện; (iii) Thực hành bôi trơn máy móc thiết bị; (iv) Nâng cao kiến thức về vận hành hệ thống điều khiển - thủy lực trong nhà máy điện; (v) Nâng cao kiến thức về kỹ thuật cháy và công nghệ đốt than, dầu trong lò hơi - Nguyên nhân và cách xử lý các vấn đề gây ra hư hỏng và ảnh hưởng đến hiệu suất cháy và buồng đốt lò hơi nhà máy nhiệt điện tổ máy 600 MW...

03

Các khóa học Thạc sĩ Quản trị kinh doanh cao cấp, đào tạo nâng cao kỹ năng công tác, phát triển, xây dựng văn hóa doanh nghiệp - truyền thông nội bộ; Thị trường bán buôn điện cạnh tranh; chuyển đổi số/ứng dụng công cụ số nâng cao hiệu quả công việc và các khóa học cập nhật kiến thức pháp luật mới về các lĩnh vực chuyên môn (Pháp luật về tiền lương, chế độ chính sách, tuyển dụng và sử dụng lao động, quản lý dự án đầu tư...) để cán bộ công nhân viên cập nhật kịp thời các quy định mới, vận dụng có hiệu quả vào công việc thực tế tại Tổng công ty.

Về cơ bản các chương trình đào tạo đều nhận được sự phản hồi tích cực từ các học viên tham gia khóa học về nội dung chương trình đào tạo thiết thực, giúp cán bộ công nhân viên hiểu biết/nâng cao kỹ năng công tác/trình độ chuyên môn phục vụ công việc cán bộ công nhân viên; công tác tổ chức đào tạo, đội ngũ giảng viên/chuyên gia chất lượng, có trình độ chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm; đặc biệt là các khóa học chuyên ngành kỹ thuật/kỹ thuật chuyên sâu ngoài việc được cập nhật, bổ sung thêm kiến thức mới về lĩnh vực đào tạo các học viên còn được hướng dẫn thực hành thực tế trên máy móc, thiết bị mô phỏng tại hiện trường khóa học/nhà máy điện tăng tính ứng dụng và hiệu quả đào tạo.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

01

Tổng kinh phí an sinh xã hội (ASXH) PV Power giải ngân theo tiến độ năm 2024/ tổng kinh phí PVN giao năm 2024-2025 là: 15,625 tỷ đồng/40 tỷ đồng
Tổng số chương trình đang triển khai/tổng số được giao: 10/10.

02

Tổng kinh phí ASXH PV Power tự thực hiện đã giải ngân là: 6,792 tỷ đồng.

03

Kết quả thực hiện hỗ trợ xây dựng Nhà đại đoàn kết cho các địa phương: Năm 2024, PV Power thực hiện xây dựng 45 căn Nhà đại đoàn kết thông qua Hội người cao tuổi Việt Nam với kinh phí 3,225 tỷ đồng (Tổng thực hiện 119 căn nhà đại đoàn kết với kinh phí thực hiện 7,465 tỷ đồng)

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

PV Power đang làm việc với các đối tác để hợp tác đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, tìm kiếm nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng cho vay để thực hiện các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện... nhằm khai thác tiềm năng thị trường vốn xanh.



Chương 03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN
6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Về quản lý kỹ thuật, vận hành sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện

Đảm bảo an toàn tuyệt đối, đáp ứng yêu cầu huy động của NSMO, tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường và thị trường điện, hiệu quả cao.

Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty

16,075 tỷ kWh
bằng 96% kế hoạch năm 2024

Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản lượng điện được PVN giao là:

- Qc cả năm 2024 rất thấp, Qc giao rồi lại điều chỉnh theo thực tế, liên tục bị cắt giảm theo tháng; Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 không được giao Qc trong quý I.
- Các tháng 6, 7, 8, 9, mưa nhiều ở miền Bắc, nên sản lượng của các nhà máy nhiệt điện giảm do ưu tiên huy động thủy điện.
- Bốn nhà máy điện của Tổng công ty thực hiện trung tu/ tiểu tu (Vũng Áng 1, Đakđrinh, Cà Mau 1, Hòa Na).
- Nhà máy điện Vũng Áng 1 phải sử dụng than cám 5a.14 và than nhập khẩu tại Lào, làm giảm sức cạnh tranh khi tham gia thị trường do tăng suất hao và giá than.
- Nguồn khí trong nước sụt giảm mạnh.
- Lấy mục tiêu lợi nhuận làm trọng, không đánh đổi số lượng lấy kinh doanh lỗ.

Chỉ tiêu Doanh thu

Doanh thu Công ty Mẹ

24.769 tỷ đồng
đạt 103% kế hoạch năm 2024
bằng 113% so với năm 2023

Doanh thu của toàn Tổng công ty năm 2024

32.112 tỷ đồng
đạt 101% kế hoạch năm 2024
bằng 110% so với năm 2023

Doanh thu của Tổng công ty hoàn thành vượt kế hoạch được giao chủ yếu bởi:

- Doanh thu công ty mẹ đạt 103% so với kế hoạch.
- Cổ tức từ các đơn vị thành viên cũng tăng so với kế hoạch (tăng 11% so với kế hoạch), mặc dù doanh thu của các đơn vị thành viên không đạt kế hoạch do sản lượng điện thương mại của các đơn vị đạt thấp hơn kế hoạch dẫn đến doanh thu của PV Power Nhơn Trạch 2 chỉ đạt 91% so với kế hoạch; doanh thu của PV Power REC chỉ đạt 27% so với kế hoạch; mặc dù sản lượng điện của PV Power DHC tăng nhưng do giá thị trường thấp hơn kế hoạch nên doanh thu của PV Power DHC chỉ đạt 96% kế hoạch.

Chỉ tiêu Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ

1.330 tỷ đồng
đạt 123% kế hoạch được giao

Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty

1.383 tỷ đồng
đạt 139% kế hoạch được giao

Các đơn vị đều cơ bản thực hiện tốt các giải pháp tăng cường quản trị chi phí, tiết kiệm và giảm chi phí, ứng phó với ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các khó khăn bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng để nâng cao lợi nhuận của từng đơn vị nói riêng và toàn Tổng công ty nói chung.

Nộp ngân sách nhà nước

Nộp ngân sách của Công ty Mẹ trong năm 2024

789 tỷ đồng
đạt 217% kế hoạch được giao

Toàn Tổng công ty nộp ngân sách

1.263 tỷ đồng
đạt 151% kế hoạch được giao

Thực hành tiết giảm chi phí

Tổng chi phí tiết kiệm, tiết giảm được năm 2024

311 tỷ đồng
đạt 130% so với kế hoạch



Lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng và cung ứng nhiên liệu

Về lĩnh vực cung ứng nhiên liệu: PV Power đã nỗ lực phối hợp với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn than cấp ổn định, đảm bảo tồn kho an toàn, không xảy ra tình trạng thiếu than, kiểm soát tốt chất lượng than. Chủ động tìm kiếm nguồn than bổ sung, mở ra hướng mới là đốt than Lào, loại than phù hợp với thiết kế của nhà máy.

Về công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ các nhà máy điện: PV Power đã chủ động xây dựng kế hoạch sửa chữa định kỳ phù hợp, hiệu quả, tổ chức triển khai thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện đảm bảo an toàn, tiến độ, cụ thể: Hoàn thành tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 2 trong vòng 12/14 ngày, vượt tiến độ 2 ngày; Thực hiện tiểu tu Nhà máy điện Hòa Na trong 35/40 ngày vượt tiến độ 05 ngày, đảm bảo an toàn, chất lượng; Thực hiện trung tu Tổ máy H1, H2 Nhà máy

thủy điện Đakdrinh trong 34 ngày, vượt tiến độ mỗi Tổ máy 03 ngày, đảm bảo an toàn, chất lượng; Thực hiện trung tu Tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1 từ ngày 15/8/2024 và hoàn thành ngày 10/10/2024 (vượt tiến độ 09 ngày so với thời gian dự kiến là ngày 19/10/2024) đảm bảo an toàn, chất lượng. Trong đó tổng giá trị dự toán cho trung tu là hơn 450 tỷ đồng, giá trị thực hiện là hơn 423 tỷ đồng, tiết kiệm được gần 27 tỷ đồng.

Sửa chữa định kỳ năm 2024 hoàn thành an toàn, rút ngắn thời gian và đặc biệt TSC đã khẳng định được vai trò của mình trong công tác này. Sự phối hợp giữa TSC với Nhà máy và Tổng Công ty đã nhịp nhàng hơn, tuân thủ quy định và khuyến cáo của nhà sản xuất gốc, nhờ vậy đã kịp thời phát hiện bất thường tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.



Công tác đầu tư xây dựng

Tập trung triển khai công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư/quyết toán các dự án đầu tư bao gồm:

Đối với các dự án đã và đang thực hiện đầu tư

- **Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:** Trong suốt năm 2024, Tổng Công ty đã dồn phần lớn nhân lực và tài lực cho Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 – dự án trọng điểm quốc gia, triển khai được các nội dung quan trọng, cụ thể: Thu xếp xong vốn vay của dự án (4.000 tỷ đồng từ VCB, 200 triệu USD ECA không ràng buộc, 521,5 triệu USD ECA ràng buộc và 300 triệu USD vay ngắn hạn); Ký xong hợp đồng thuê đất với Tổng Công ty Tín Nghĩa; Ký Hợp đồng mua bán khí phục vụ vận hành thử nghiệm, và hoàn thành các nội dung chính của Hợp đồng GSA; Giải quyết xong thủ tục và đã hoàn hơn 1.444 tỷ đồng tiền thuế GTGT của dự án; Thực hiện Hợp đồng EPC đạt trên 94,5%.
- **Dự án Thủy điện Đakdrinh và Thủy điện Hòa Na:** Dự án Thủy điện Hòa Na hoàn thành quyết toán giai đoạn 1 với giá trị là 6.474,33 tỷ đồng và đang hoàn thiện công tác quyết toán giai đoạn 2. Dự án Thủy điện Đakdrinh đang rà soát thẩm định báo cáo quyết toán vốn và tiếp tục phối hợp hoàn thiện các tồn tại vướng mắc với địa phương,...
- **Dự án Thủy điện Nậm Nơn:** PV Power HHC đã ký Hợp đồng mua lại Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn trong tháng 11-12/2024.
- **Văn phòng làm việc Tổng công ty:** Tổng công ty đã tổ chức và ký kết hợp đồng ngày 02/7/2024 với nhà thầu “Cung cấp, lắp đặt thiết bị hạng mục hoàn thiện thuộc Dự án mua tòa nhà làm văn phòng làm việc của PV Power”. Hiện nhà thầu đang triển khai thực hiện hợp đồng.

Công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư

- **Đối với dự án LNG Quảng Ninh:** Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh đã trình lại Bộ Công thương thẩm định Báo cáo NCKT Dự án sau khi đã hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo PCCC, cập nhật Báo cáo NCKT. Đang triển khai lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESIA); Hoàn thiện và ký hợp đồng với tư vấn quốc tế, hợp đồng với Ban QLDA Điện thực hiện lập hồ sơ mời thầu EPC dự án; Đang làm việc với địa phương về công tác đền bù GPMB, chuẩn bị công tác thuê tư vấn thiết kế san lấp mặt bằng.
- **Dự án Nhà máy điện LNG Quỳnh Lập (Nghệ An) có công suất dự kiến 1.500MW:** Ngày 11/6/2024, PV Power đã ký thỏa thuận hợp tác với đối tác SK E&S (Hàn Quốc) và NASU (TH Group) để tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và thực hiện các công việc tiếp theo;

PV Power và các đối tác (Liên danh) đã trình Hồ sơ đề xuất thực hiện Dự án vào ngày 20/9/2024.

- **Dự án Nhà máy điện LNG Vũng Áng (Hà Tĩnh) có công suất dự kiến 1.500MW:** Ngày 07/3/2024, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có văn bản chấp thuận chủ trương nghiên cứu đầu tư Dự án và PV Power được tổ chức khảo sát, lập dự án theo quy định; PV Power đã ký thỏa thuận với đối tác Cao Xuân Chiến/ B. Grimm Power. Đối tác đã ký hợp đồng với tư vấn PECC2 để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo NCKT Dự án; Tiếp tục triển khai làm việc với các đơn vị tư vấn về công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo NCKT của dự án. Báo cáo Tỉnh đề xuất với Bộ Công thương/ Chính phủ chấp thuận dự án Nhà máy điện LNG Vũng Áng là dự án nguồn điện quan trọng, ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2021 - 2030 thay thế dự án điện LNG khác chậm tiến độ hoặc không triển khai.
- **Các dự án trạm sạc xe điện:**
 - Dự án trạm sạc xe điện tại số 6, Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội: Khởi công xây dựng, lắp đặt vào ngày 14/7/2024; Đã hoàn thành xây dựng/ lắp đặt và nghiệm thu kỹ thuật vào ngày 08/8/2024. Ngày 31/10/2024, PV Power đã đưa trạm sạc vào vận hành.
 - Dự án trạm sạc xe điện tại Big C Thăng Long (Hà Nội): Đã lập và hoàn thành thẩm tra Báo cáo Kinh tế kỹ thuật; đang xem xét phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật dự án. PV Power hiện đang xem xét Báo cáo NCKT dự án.
- **Các dự án khác:**
 - Dự án thủy điện tích năng Lâm Sơn: Ngày 22/7/2024, PV Power đã báo cáo UBND tỉnh Ninh Thuận về đề xuất thực hiện Dự án và UBND tỉnh Ninh Thuận đã có văn bản đồng ý cho PV Power lập báo cáo đề xuất bổ sung dự án vào Quy hoạch Điện VIII. PV Power hiện đang tìm kiếm đối tác để triển khai nghiên cứu, lập báo cáo bổ sung quy hoạch.
 - Dự án nhiệt điện tại Xê Kông (Lào): PV Power đã có văn bản báo cáo PVN, tiếp tục bám sát PVN để có văn bản báo cáo Bộ Công thương, đồng thời làm việc với Tập đoàn Phosac Group/Xekong Power Plant Ltd về cung cấp dịch vụ QLDA và dịch vụ vận hành, bảo trì sửa chữa cho nhà máy.
 - Dự án Nhà máy điện rác Khe Giang (Uông Bí, Quảng Ninh): PV Power đang xem xét hợp tác với Công ty Cổ phần Việt Long trong việc triển khai Dự án.

Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp

- Sửa đổi, bổ sung kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025: Trình PVN phương án sửa đổi, bổ sung kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025. Trong đó: bổ sung PV Power DHC vào danh sách nắm cổ phần chi phối; thay đổi phương án sắp xếp/ tái cơ cấu PV Power Hà Tĩnh, PV Power NT và điều chỉnh nội dung thoái vốn tại 04 Công ty liên kết (Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến; Công ty CP Năng lượng Sông Hồng; Công ty CP EVN Quốc tế; Công ty CP Điện Việt - Lào).
- Tình hình triển khai kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025:
 - Xây dựng, ban hành Chương trình hành động của PV Power thực hiện Quyết định số 8651/QĐ-DKVN ngày 26/12/2023 của Tập đoàn (số 380/CTr-ĐLĐK ngày 07/3/2024, trên cơ sở kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt và kế hoạch đang trình điều chỉnh); báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm Chương trình hành động của PV Power về công tác sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty.
 - Để đảm bảo công tác chuẩn bị sản xuất, vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4 được thông suốt, đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD, Tổng công ty đã giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4 cho Chi nhánh của Tổng công ty - PV Power NT.
- Tiếp tục triển khai công tác chuyển giao quản lý và thực hiện bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện thuộc Tổng công ty cho PV Power TSC làm đầu mối quản lý thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện thuộc Tổng công ty và đang triển khai các bước tiếp theo nhằm nâng cao năng lực cốt lõi của PV Power TSC như:
 - Thành lập 03 bộ phận Bảo dưỡng sửa chữa thuộc PV Power TSC (Quyết định số 648/QĐ-ĐLĐK ngày 11/7/2024) sau khi có Nghị quyết của HĐQT về việc đổi tên 03 Phân xưởng bảo dưỡng sửa chữa (Nghị quyết số 54/NQ-ĐLĐK ngày 10/7/2024);
 - Cử biệt phái nhân sự từ PV Power Nhơn Trạch, PV Power Hà Tĩnh sang PV Power TSC nhận nhiệm vụ (Tờ trình số 202/TTr-TCNS, Quyết định số 613/QĐ-ĐLĐK ngày 01/7/2024 và Quyết định số 620/QĐ-ĐLĐK ngày 02/7/2024).
 - Hoàn thiện các báo cáo, giải trình về công tác tổ chức, đổi mới phát triển doanh nghiệp theo yêu cầu của Tập đoàn, đoàn kiểm tra Kiểm toán Nhà nước, UBQLVNN tại doanh nghiệp.
 - Thực hiện trình/ giải trình PVN về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP theo nội dung Tờ trình số 1851/TTr-ĐLĐK ngày 04/10/2024, báo cáo số 2066/BC-ĐLĐK ngày 04/11/2024.



Công tác An toàn - sức khỏe - môi trường (ATSKMT)

Tới thời điểm cuối tháng 11/2024 toàn Tổng công ty đã đảm bảo an toàn, không để xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố môi trường, đảm bảo tốt công tác vận hành, sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4, BDSC thường xuyên/ định kỳ các nhà máy điện cho nhiều nhà máy của Tổng công ty.

Qua các đợt kiểm tra của các cơ quan chức năng về công tác PCCC của địa phương, cũng như của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an đã ghi nhận, đánh giá về sự nỗ lực, tích cực của Tổng công ty trong công tác PCCN.

Trong 02 ngày 06, 07/5/2024 Tổng công ty đã tổ chức thành công Hội nghị An toàn Sức khỏe Môi trường và Hội thao An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ năm 2024 tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.

Các đơn vị đã đăng ký tham gia phong trào xanh - sạch - đẹp năm 2024, thi đua đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và xây dựng chương trình công tác an toàn vệ sinh lao động tại đơn vị, tổ chức triển khai huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ khác ... tại đơn vị, xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị bảo vệ cá nhân, tổ chức khám sức khỏe và các nội dung khác đảm bảo hoàn thành trong năm 2024.

Tại cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên/ trực thuộc đã xây dựng hệ thống quản lý ATSKMT theo tiêu chuẩn OHSAS 18001 (nay là ISO 45001), ISO 14001 làm cơ sở xây dựng các quy định liên quan tới công tác ATSKMT. Hiện tại trong toàn Tổng công ty đã ban hành 489 Quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn, phương án liên quan tới công tác ATSKMT.

Trong năm 2024, Tổng công ty và các đơn vị thành viên/trực thuộc đã cập nhật, điều chỉnh 36 quy định để phù hợp với các quy định pháp luật liên quan tới công tác ATSKMT hiện hành.

Đã cử cán bộ tham gia 02 tổ phục vụ cho công tác quản lý an toàn sức khỏe môi trường tại dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4 gồm: tổ công tác môi trường xã hội và tổ công tác thu xếp vốn.

Đã cử cán bộ tham gia giám sát công tác ATSKMT trong các kỳ tiểu tu/ trung tu/ đại tu tại các Nhà máy điện của Tổng công ty để phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát công tác ATSKMT, hỗ trợ đơn vị hoàn thành công tác trung tu an toàn, hiệu quả.

Công tác khác

Thường xuyên cập nhật thông tin, đăng bài nâng cao hình ảnh, thương hiệu POW. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và báo cáo thường niên năm 2023 của PV Power. Tổ chức thành công Hội nghị Analyst meeting thường niên (Hội thảo gặp gỡ các nhà phân tích chứng khoán kết hợp tham quan Nhà máy điện của PV Power năm 2024 với chủ đề “Hành trình sinh năng lượng”) vào ngày 15/11/2024. PV Power lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam. Ngày 16/11/2024, PV Power được vinh danh trong Top 20 công ty có Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành phi tài chính năm 2023.

Công tác An sinh xã hội được Tổng công ty thực hiện năm 2024 khoảng hơn 30 tỷ đồng để ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, hỗ trợ chi xây dựng nhà ở đại đoàn kết...

Tổng công ty thường xuyên chăm lo cho đời sống của CBCNV, tạo môi trường làm việc hăng say, đoàn kết cho các phòng, Ban, đơn vị. Tổ chức chương trình gặp gỡ giao lưu học hỏi giữa các đơn vị...nhằm nâng cao tinh thần, trách nhiệm và chuyên môn cho người lao động.



*Doanh nghiệp
bền vững Việt Nam*



*Báo cáo thường niên
tốt nhất nhóm ngành
phi tài chính năm 2023*

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	31/12/2023 (TỶ ĐỒNG)	31/12/2024 (TỶ ĐỒNG)	+/- (%)
Tài sản ngắn hạn	29.042	29.981	3%
Tài sản dài hạn	41.320	49.934	21%
Tổng tài sản	70.362	79.915	14%
Nợ phải trả	36.243	45.234	25%
Nợ ngắn hạn	26.785	33.457	25%
Nợ dài hạn	9.458	11.777	25%
Vốn chủ sở hữu	34.119	34.681	2%
Tổng nguồn vốn	70.362	79.915	14%

Tình hình tài sản

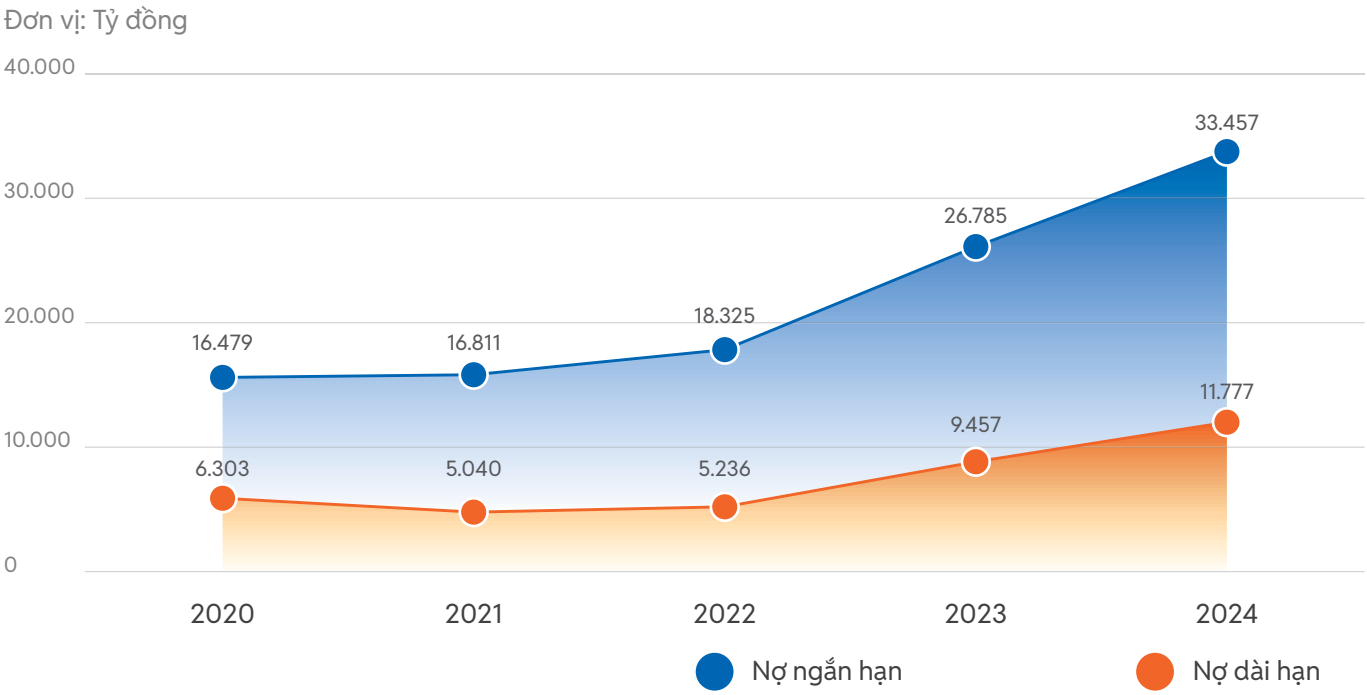
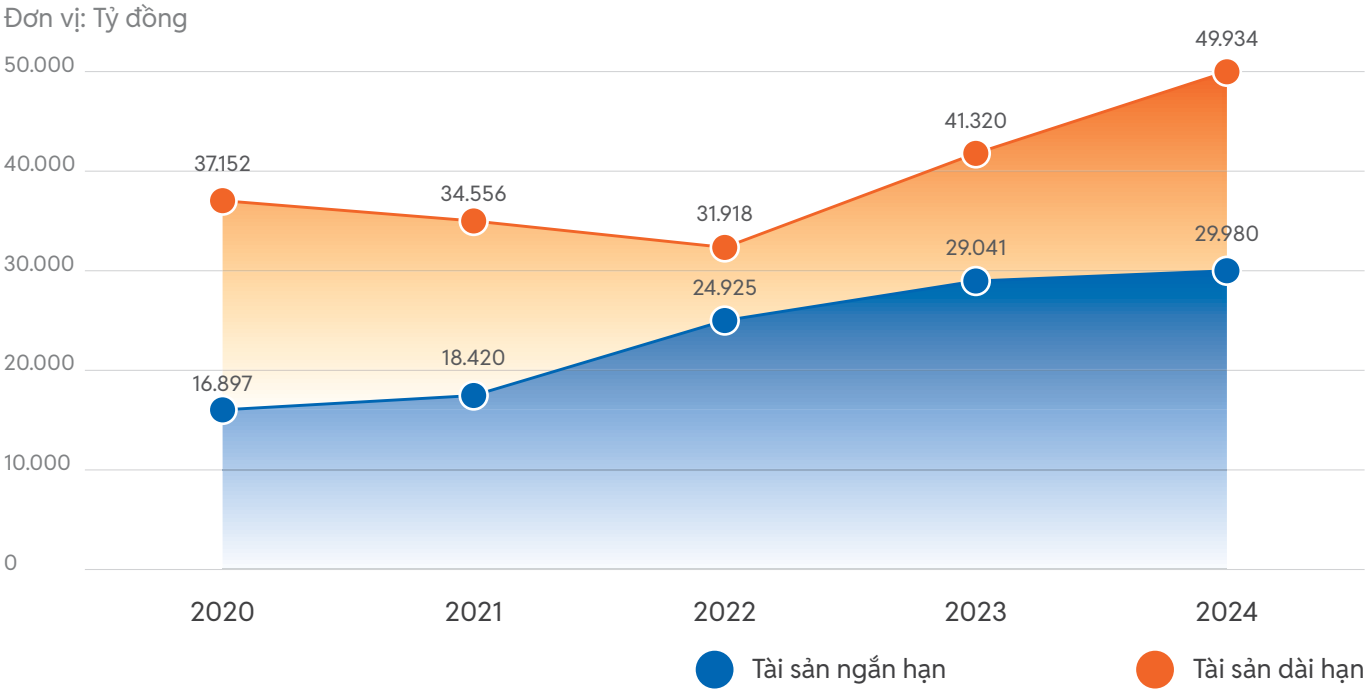
Tại thời điểm 31/12/2024, Tổng tài sản đạt 79.915 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 29.981 tỷ đồng, tương ứng tăng 3% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó:
 - Khoản tiền và tương đương tiền năm 2024 tăng 37% so với năm 2023, đạt 11.564 tỷ đồng
 - Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn năm 2024 tăng 72% so với năm 2023, đạt 4.112 tỷ đồng
 - Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng năm 2024 giảm 18% so với năm 2023, đạt 11.873 tỷ đồng (trong đó chủ yếu là khoản phải thu ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam giảm từ mức 12.612 tỷ đồng của năm 2023 còn 11.045 tỷ đồng)
 - Hàng tồn kho và Tài sản ngắn hạn khác năm 2024 giảm tương ứng lần lượt là 17% và 57%
- Tài sản dài hạn đạt 49.934 tỷ đồng, tăng 121% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do khoản chi phí Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 tăng từ mức 8.096 tỷ đồng của năm 2023 lên mức 18.703 tỷ đồng trong năm 2024.

Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2024, Nợ phải trả của Tổng công ty đạt 45.234 tỷ đồng, tương ứng tăng 25% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn đạt 33.457 tỷ đồng, tương ứng tăng 25% so với năm 2023, Nợ dài hạn đạt 11.777 tỷ đồng, tương ứng tăng 25% so với năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2024 Tổng công ty thực hiện vay để tài trợ cho Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.
 - Khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Tổng công ty tăng mạnh từ mức 5.507 tỷ đồng của năm 2023 lên mức 13.508 tỷ đồng trong năm 2024 (tương ứng mức tăng 145%)
 - Khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Tổng công ty tăng từ mức 7.172 tỷ đồng của năm 2023 lên mức 9.151 tỷ đồng trong năm 2024 (tương ứng mức tăng 28%)



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Những cải tiến về chính sách, quản lý: Không.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhiệm vụ, kế hoạch trọng tâm năm 2025

- Quản lý vận hành sản xuất, BDSC các nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, an toàn, hiệu quả các nhà máy điện. Phấn đấu tổng sản lượng điện sản xuất cả năm đạt 18,864 tỷ kWh.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động SXKD các nhà máy điện khi tham gia thị trường. Đồng thời triển khai các công việc để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Đàm phán với EVN/EPTC về Qc cho các nhà máy điện một cách hợp lý, đảm bảo an toàn vận hành và hiệu quả SXKD của các nhà máy điện; đặc biệt Qc tại các nhà máy điện Cà Mau 1&2 và TOP khí phù hợp kế hoạch giao khí. Tìm nguồn khí và đàm phán ký hợp đồng bổ sung về mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2, cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau giai đoạn 2026 - 2027 và các năm tiếp theo.
- Tìm kiếm nguồn và đảm bảo cấp than (ưu tiên nguồn than cám 5a.10) ổn định, liên tục và dài hạn cho nhà máy điện Vũng Áng 1; triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai đàm phán giá điện chính thức nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt; cũng như đệ trình các cấp có thẩm quyền và đàm phán với EVN về giá điện khi sử dụng than chất bốc cao.
- Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện: đại tu nhà máy điện Hòa Na, tiểu tu các nhà máy điện Cà Mau 1, nhà máy điện Nhơn Trạch 2, nhà máy điện Đakrinh trong năm 2025 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác BDSC các nhà máy điện năm 2026.
- Nâng cao công tác quản trị, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động các đơn vị thành viên để đảm bảo việc quản lý, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả; đặc biệt tập trung triển khai các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD tại nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tập trung đàm phán với EVN/PVN để thu hồi khoản chênh lệch tiền khí do chưa thống nhất tỷ lệ phân bổ nguồn khí mua bổ sung từ Petronas đối với nhà máy điện Cà Mau 1&2.
- Tiếp tục phối hợp với PVN bám sát các cấp có thẩm quyền để sớm hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power, tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ - PV Power. Bám sát cấp có thẩm quyền hoàn thành quyết toán dự án nhà máy điện Vũng Áng 1.





- Đẩy mạnh công tác đầu tư, song song củng cố hệ thống quản trị danh mục đầu tư; tập trung triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm 2024, đảm bảo tiến độ và hiệu quả. Xây dựng phương án cân đối vốn cụ thể cho từng hạng mục đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ, đảm bảo triển khai công tác đầu tư XDCB và mua sắm TTB&TSCĐ theo khả năng tài chính của PV Power. Chủ động xây dựng kịch bản cân đối vốn với các giải pháp tài chính hữu hiệu trong trường hợp phương án tăng vốn điều lệ chưa được phê duyệt hoặc phê duyệt chậm hơn so với tiến độ giải ngân dự án, đảm bảo ưu tiên tối đa nguồn lực, cân đối đủ nhu cầu vốn cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Đưa dự án tòa nhà văn phòng Tổng công ty vào vận hành. Triển khai công tác đầu tư dự án Nhà máy điện TBKHH Quảng Ninh. Thực hiện chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án Thủy điện Luang Prabang.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đảm bảo dự án đưa vào vận hành phát điện đúng tiến độ, bao gồm các công việc: tổ chức giám sát, quản lý thực hiện các hợp đồng của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; hoàn thành công tác đào tạo vận hành, hoàn thành xây dựng các quy trình, quy định vận hành chạy thử và phát điện thương mại đúng tiến độ. Hoàn thành đàm phán, ký kết hợp đồng GSA với PV Gas về việc cung cấp nhiên liệu khí LNG cho công tác vận hành thương mại tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.
- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án Nhà máy điện LNG như: Nhà máy điện Quỳnh Lập (Nghệ An), Nhà máy điện Vũng Áng 3 (Hà Tĩnh), Nhà máy điện Cà Mau mở rộng (Cà Mau). Nghiên cứu xúc tiến đầu tư, xúc tiến đầu tư các dự án mới, nghiên cứu phát triển đầu tư các dự án điện như: dự án điện năng lượng tái tạo như: tổ hợp điện sạch tích năng Lâm Sơn - Ninh Thuận, Nhà máy điện rác Khe Giang - Quảng Ninh, Nhà máy điện than SeKong (Lào) và các dự án khác khi có hiệu quả.
- Thực hiện công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp theo các Nghị quyết của Hội đồng thành viên PVN, đảm bảo phù hợp với Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-TTg ngày 25/10/2023. Rà soát sắp xếp tổ chức gọn bộ máy từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh nhuệ, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power và phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng xanh, sạch hiện nay.
- Thực hiện công tác chuyển đổi số, hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp ERP theo lộ trình và tích hợp, đồng bộ thông tin/dữ liệu hóa SXKD với Tập đoàn đảm bảo triển khai hệ thống ERP thông suốt, hiệu quả.
- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015. Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy điện. Đối với các nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cất lũ và đảm bảo thủy lợi.
- Thực hiện công tác an sinh xã hội, truyền thông & văn hóa doanh nghiệp phù hợp với hiệu quả hoạt động SXKD.
- Thực hiện các công việc khác được Đại hội đồng cổ đông giao.

Các chỉ tiêu kế hoạch chính

CƠ SỞ XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

- Căn cứ công suất khả dụng của các nhà máy điện, dự báo tình hình thủy văn, dự báo nhu cầu phụ tải điện quốc gia; kế hoạch cấp nhiên liệu (khí/than)/sử dụng nhiên liệu (khí/than); kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện; kế hoạch 5 năm 2021-2025 của PV Power và tình hình thực hiện thực tế của PV Power trong 3 năm gần nhất.
- Các văn bản/quy định của Nhà nước về thị trường điện, chính sách thuế, tài chính kế toán,...; các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVNEPTC; các hợp đồng mua bán nguyên nhiên vật liệu ký kết với PV Gas/Vinacomin,...; các hợp đồng vay vốn, định mức kinh tế kỹ thuật,...
- Giá dầu 70 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 25.000 VNĐ.



CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA PV POWER CỤ THỂ NHƯ SAU

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2025
I	Sản lượng điện		
1	Toàn Tổng công ty	Triệu kWh	18.864
2	Công ty mẹ	Triệu kWh	14.648
II	Doanh thu		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	38.185
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	30.790
III	Lợi nhuận trước thuế		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	493
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	773
IV	Lợi nhuận sau thuế		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	439
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	739
V	Nộp NSNN		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	734
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	248
VI	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu	%	2,5
VII	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0
VIII	Kế hoạch mua sắm, đầu tư		
1	Nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	6.632
	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	6.365
	Mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định	Tỷ đồng	140
	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	127
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	6.632
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.885
	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	4.747
3	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	9.052
	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.490
	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	6.562

Năm 2025, PV Power - Công ty Mẹ tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; thực hiện đầu tư dự án trụ sở làm việc của Tổng công ty; nghiên cứu xúc tiến và tham gia góp vốn các dự án điện khí LNG và năng lượng tái tạo; triển khai mua sắm trang thiết bị cho phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực sản xuất kinh doanh...



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN:

không có.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Bảng thông số các chỉ tiêu môi trường toàn Tổng công ty năm 2024:

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	
Nước sạch tiêu thụ	m ³	1.929.950
Nước mặt làm mát ⁽¹⁾	m ³	1.517.767.337
Tiêu thụ năng lượng (tỉ lệ điện tự dùng)		4,21%
Tổng lượng khí thải	triệu m ³	123,83
Tổng lượng nước thải ⁽²⁾	m ³	282.796.205
Chất thải rắn thông thường	tấn	823,46
Tro xỉ nhiệt điện than	tấn	788.894
Chất thải nguy hại	tấn	414,70

Tất cả khối lượng chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh đều được các nhà máy thuê đơn vị đủ năng lực xử lý, nước thải trước khi xả vào môi trường đều được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn.

Năm 2024, PV Power và PV Power Hà Tĩnh đã nỗ lực thúc đẩy xử lý, tiêu thụ tro xỉ, kết quả tiêu thụ được 886.876 tấn trong đó 579.829 tấn tro bay trực tiếp tại silo và 307.047 tấn hỗn hợp tro xỉ từ bãi thải xỉ.

(1) trong đó 1.173.417.108 m³ nước biển sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1;
(2) trong đó 282.591.200 m³ nước biển dùng cho hệ thống FGD do Nhà máy điện Vũng Áng 1 sử dụng nước biển để khử lưu huỳnh thay cho hệ thống dùng đá vôi truyền thống.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc/ngủ nghỉ, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp BHXH&BHYT cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...
- Tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe chất lượng cao PVI Care, chương trình bảo hiểm Hưu trí tự nguyện cho cán bộ công nhân viên...
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức tham quan nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao,... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện an toàn – bảo hiểm lao động cho Người lao động.
- Năm 2024, Tổng công ty đã phê duyệt chương trình và khái toán mua Bảo hiểm nhân thọ trả sau cho cán bộ công nhân viên Công ty mẹ - PV Power và hiện tại đang thực hiện các bước tổ chức lựa chọn nhà thầu rộng rãi công khai theo Quy định của pháp luật, của Tổng công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

PV Power luôn nhận thức một cách cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của PV Power đối với cộng đồng đặc biệt trong môi trường cạnh tranh, xã hội ngày càng có cái nhìn khắt khe hơn đối với doanh nghiệp về bổn phận, trách nhiệm trước cộng đồng, xã hội. Hiện nay, trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với xã hội ngày càng trở nên quan trọng hơn; Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững không chỉ bảo đảm sản xuất kinh doanh phải có lợi nhuận, mà còn cả những chuẩn mực về bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường lao động, về thực hiện bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động... Các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của Tổng công ty được thống nhất triển khai tới toàn bộ các đơn vị thành viên/trực thuộc thông qua việc triển khai các chương trình công tác gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nên ảnh hưởng tốt cho xã hội ở từng địa phương như:

- 1

PV Power và các đơn vị thành viên thường xuyên có các hoạt động tại các địa phương nhằm hỗ trợ cộng đồng cũng như thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp như thực hiện tốt việc quản lý/xử lý tốt chất thải/chất thải độc hại, hưởng ứng các hoạt động thường niên về công tác bảo vệ môi trường, làm sạch bãi biển, trồng cây xanh, khơi thông cống rãnh vào các ngày Môi trường thế giới, ngày Nước thế giới, chiến dịch giờ trái đất ...
- 2

Các đơn vị sản xuất của PV Power có khai thác sử dụng nguồn nước đều đã ký hợp đồng với Quý môi trường rừng của địa phương để đóng phí dịch vụ môi trường rừng tương ứng với phần nước khai thác.
- 3

Các đơn vị vận hành nhà máy thủy điện luôn tuân thủ quy định vận hành liên hồ, thường xuyên phối hợp với địa phương để điều tiết thủy lợi trên lưu vực sông phù hợp với kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đã phối hợp với địa phương trồng rừng, tái định cư các hộ dân tại khu vực lòng hồ đúng quy định.
- 4

Đối với đơn vị vận hành nhà máy nhiệt điện đều kiểm soát liên tục nguồn nước thải, khí thải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn về môi trường; số liệu được hiển thị trên bảng thông tin công khai tại từng nhà máy.
- 5

Trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh PV Power luôn xem xét phương án hạn chế thấp nhất những tác động bất lợi đến lợi ích của cộng đồng (các nhà máy điện của PV Power đều nằm trong khu công nghiệp, xa khu dân cư, hạn chế thấp nhất nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn giao thông, nguy cơ thiệt hại đến người dân khi xảy ra sự cố cháy nổ...).
- 6

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua hoạt động đào tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, giảm hao phí xã hội, nâng cao lợi nhuận doanh nghiệp qua sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, chi phí thấp. Phối hợp với các tổ chức công đoàn thực thi đầy đủ hoặc cao hơn luật định trách nhiệm về vật chất, tinh thần đối với người lao động của đơn vị.
- 7

PV Power luôn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội hướng tới cộng đồng: Hoạt động hỗ trợ khắc phục thiên tai, hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các hoạt động hỗ trợ về giáo dục, tích cực tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo ...

Chương 04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Về kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2024 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 của PV Power, với sự lãnh đạo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Tập thể cán bộ công nhân viên PV Power đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao và kết quả các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2024 của PV Power như sau:

CHỈ TIÊU DOANH THU

Doanh thu hợp nhất

32.112 tỷ đồng
đạt 103% kế hoạch năm 2024
bằng 113% so với năm 2023

Doanh thu công ty Mẹ

24.769 tỷ đồng
đạt 101% kế hoạch năm 2024
bằng 110% so với năm 2023

CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN

Lợi nhuận trước thuế
Công ty mẹ

1.330 tỷ đồng
đạt 123% kế hoạch được giao

Lợi nhuận trước thuế toàn
Tổng công ty

1.383 tỷ đồng
đạt 139% kế hoạch được giao

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Doanh thu của Tổng công ty hoàn thành vượt kế hoạch được giao chủ yếu bởi:

- Doanh thu công ty mẹ đạt 103% so với kế hoạch;
- Cổ tức từ các đơn vị thành viên cũng tăng so với kế hoạch (tăng 11% so với kế hoạch), mặc dù doanh thu của các đơn vị thành viên không đạt kế hoạch do sản lượng điện thương mại của các đơn vị đạt thấp hơn kế hoạch dẫn đến doanh thu của PV Power NT 2 chỉ đạt 91% so với kế hoạch; doanh thu của PV Power REC chỉ đạt 27% so với kế hoạch; mặc dù sản lượng điện của PV Power DHC tăng nhưng do giá thị trường thấp hơn kế hoạch nên doanh thu của PV Power DHC chỉ đạt 96% kế hoạch.

THỰC HÀNH TIẾT GIẢM CHI PHÍ

Tổng chi phí tiết kiệm, tiết giảm được năm 2024

311 tỷ đồng
đạt 130% so với kế hoạch

Các đơn vị đều cơ bản thực hiện tốt các giải pháp tăng cường quản trị chi phí, tiết kiệm và giảm chi phí, ứng phó với suy thoái kinh tế sau đại dịch Covid-19, các khó khăn bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng để nâng cao lợi nhuận của từng đơn vị nói riêng và toàn Tổng công ty nói chung.

Nộp ngân sách của Công ty
Mẹ trong năm 2024

789 tỷ đồng
đạt 217% kế hoạch được giao

Toàn Tổng công ty
nộp ngân sách

1.263 tỷ đồng
đạt 151% kế hoạch được giao

Về các mặt hoạt động của Tổng công ty

CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Hội đồng quản trị đã phê duyệt Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các nhà máy điện của Tổng công ty và Định mức bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; tiếp tục chỉ đạo xây dựng định mức bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên tại các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Cà mau 1&2 và sửa chữa định kỳ tại các Nhà máy điện Vũng Áng 1, Nhơn Trạch 1, Cà Mau 1&2 mục tiêu áp dụng thống nhất trong toàn Tổng công ty, đảm bảo vận hành tiết kiệm và hiệu quả.

Trong năm 2024, Tổng công ty đã thực hiện bảo dưỡng sửa chữa tại các nhà máy điện sau: Tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 2; tiểu tu 02 tổ máy của Nhà máy điện Hòa Na; Trung tu tổ máy H1, H2 Nhà máy Thủy điện Đakrinh; Trung tu Tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1. Sau bảo dưỡng sửa chữa, các nhà máy điện vận hành an toàn, ổn định, đảm bảo độ khả dụng của các nhà máy.

CÔNG TÁC THƯƠNG MẠI

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã xử lý kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền trong công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm vật tư, hàng hóa, nhiên liệu, dịch vụ... phục vụ vận hành, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện, các Hợp đồng mua bán điện, thị trường điện... ; Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị thực hiện phân cấp cho Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị trong lĩnh vực mua sắm dùng nguồn vốn sản xuất kinh doanh, tăng sự chủ động cho các nhà máy điện của PV Power. Trong năm 2024, các nhà máy điện có đủ vật tư, hàng hóa, dịch vụ... sửa chữa, thay thế kịp thời trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa, đủ nhiên liệu trong vận hành.

Công tác bảo hiểm cho các nhà máy điện của PV Power cũng được quan tâm đúng mức, các nhà máy điện của PV Power đều được mua bảo hiểm nhằm giảm thiểu các thiệt hại khi có sự cố/rủi ro xảy ra.

04/10/2024

PPA (hợp đồng mua bán điện) cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đã được PV Power và EVNEPTC ký kết

07/11/2024

Ký hợp đồng với PV Gas về cung cấp khí LNG tái hoá phục vụ giai đoạn chạy thử cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Tổng công ty đã thực hiện các nội dung báo cáo bổ sung, giải trình với cấp có thẩm quyền về hồ sơ quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty.

Hội đồng quản trị đã phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mở tài khoản tiền gửi thanh toán và hạn mức đầu tư tiền gửi của Công ty mẹ - Tổng công ty; Phê duyệt đầu tư tiền gửi có kỳ hạn. Tổng công ty đã thực hiện đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo danh sách đã được phê duyệt.

Chấp thuận chủ trương tái cấu trúc tài chính để trả nợ trước hạn cho 02 hợp đồng vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - CN Hà Nội của PV Power HHC; Thông qua phương án huy động vốn vay dự án mua Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn của PV Power HHC.

PV Power đã ký các hợp đồng tín dụng tài trợ cho dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

Hợp đồng vay vốn nước ngoài đối với khoản vay ECA không ràng buộc với SACE/SMBS trị giá 200 triệu USD

Hợp đồng vay ECA ràng buộc trị giá 521,5 triệu USD

Hợp đồng vay ngắn hạn trị giá 300 triệu USD với Ngân hàng Citibank, N.A – Ngân hàng ING bank N.V

Hợp đồng vay trong nước với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam trị giá 4.000 tỷ đồng



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

PV Power đã nỗ lực cho hoạt động đầu tư xây dựng và Hội đồng quản trị đã phê duyệt/thông qua các nội dung theo thẩm quyền:

- Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:
 - Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tổ chức nhiều phiên họp và giao ban hàng tháng về tình hình thực hiện dự án để có những chỉ đạo kịp thời. Hội đồng quản trị đã thông qua việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; Giao nhiệm vụ cho Chi nhánh PV Power - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch tiếp nhận, quản lý vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; Có ý kiến chỉ đạo kịp thời đối với các nội dung thuộc phạm vi công việc của Hợp đồng EPC như: (i) Chuyển đổi giá Hợp đồng từ USD sang VND và thanh toán đối với hạng mục PS4.IV.5 - Tuyến ống nước xả ngầm nước làm mát; (ii) Thanh toán đối với các hạng mục Máy móc/Thiết bị/Vật tư nhập khẩu được Nhà thầu Lilama mua thông qua đơn vị thương mại trong nước của Hợp đồng EPC Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; đồng ý chủ trương ký hợp đồng thuê lại đất và thông qua việc điều chỉnh nguyên tắc xác định phí sử dụng hạ tầng với Tổng công ty Tín Nghĩa để xây dựng và vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.
 - Tổng công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Nai và Tổng công ty Tín Nghĩa; ký thỏa thuận đấu nối tạm Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 vào hệ thống điện quốc gia. Ngày 05/02/2025, Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 đã chính thức hoà lưới điện Quốc gia.
- Dự án đầu tư trụ sở làm việc của Tổng công ty: Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà

thầu các gói thầu thuộc Dự án mua tòa nhà làm văn phòng làm việc của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP; có ý kiến về việc triển khai công tác thi công hoàn thiện tòa nhà văn phòng làm việc của Tổng công ty. Tổng công ty đã tổ chức và ký kết hợp đồng với nhà thầu “cung cấp lắp đặt thiết bị hạng mục hoàn thiện thuộc dự án mua Tòa nhà làm văn phòng làm việc của PV Power” vào ngày 02/07/2024. Hiện nhà thầu đang triển khai thực hiện theo hợp đồng đã ký.

- Chuỗi dự án kho cảng LNG và Nhà máy điện Cà Mau 3: Căn cứ vào thực trạng các nguồn cung cấp khí trong nước có nhiều thay đổi và tình hình triển khai một số dự án điện trong Quy hoạch điện VIII đang chậm thực hiện tại khu vực Miền Nam, PV Power đang cùng Viện Năng lượng cập nhật phương án cung cấp khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 và cập nhật báo cáo đề xuất Dự án Nhà máy điện Cà Mau 3 (Nhà máy điện Cà Mau mở rộng) đảm bảo phù hợp với Quy hoạch điện VIII và tình hình thực tế.
- Đối với Dự án Nhà máy điện Tua bin khí hỗn hợp Quảng Ninh: CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh đã trình lại Bộ Công thương thẩm định Báo cáo Nghiên cứu khả thi dự án sau khi hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo phòng cháy chữa cháy, cập nhật Báo cáo Nghiên cứu khả thi. CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh được Sở KHĐT tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 1.
- Đối với nghiên cứu phát triển nguồn điện mới: CTCP Thủy điện Hòa Na triển khai và hoàn thành mua Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn vào tháng 10/2024; thông qua chủ trương ký thỏa thuận hợp tác với đối tác để nộp hồ sơ đề nghị thực hiện dự án Nhà máy điện LNG Quỳnh Lập.



CÔNG TÁC TÁI CƠ CẤU, THOÁI VỐN, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

PV Power tập trung chỉ đạo, sắp xếp bộ máy các đơn vị, các Ban chức năng phù hợp với yêu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã quyết định thành lập 03 bộ phận trực thuộc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC) và sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức hoạt động của PV Power TSC; tiếp tục bám sát thị trường, triển khai thoái vốn khi có điều kiện tốt nhất đối với các Công ty liên kết kém hiệu quả.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Hội đồng quản trị tăng cường vai trò giám sát, quản trị rủi ro, nắm bắt và đánh giá đúng đắn về thực trạng, hiệu quả hoạt động, việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của PV Power đối với các đơn vị, kịp thời chấn chỉnh hoặc áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế để hoàn thành mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của các đơn vị. Năm 2024, Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát tại PV Power Hà Tĩnh, Cơ quan văn phòng Tổng công ty, PV Power HHC, PV Power Services, Chi nhánh Ban Quản lý dự án điện (giám sát thường xuyên).

PV Power tiếp tục thực hiện việc xây dựng, rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với quy định mới của pháp luật và tình hình hoạt động của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị đã thông qua các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định đối với CTCP đại chúng; thông qua các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan của Tổng công ty và thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật.

PV Power đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty, chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp của PV Power thực hiện biểu quyết/có ý kiến về các nội dung thuộc thẩm quyền, liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty trong quá trình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại các đơn vị theo đúng quy định của pháp luật.



CÔNG TÁC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

Hội đồng quản trị PV Power đã phê duyệt định biên lao động năm 2024 của Công ty mẹ làm cơ sở để Tổng Giám đốc quyết định giao định biên cho các đơn vị trực thuộc, tổ chức triển khai công tác sắp xếp, bố trí và tuyển dụng lao động; Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2023 của người lao động, người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên; thông qua kế hoạch lao động, tiền lương năm 2024 của Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên; thông qua kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (trích từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023) sau khi được ĐHĐCĐ thông qua quỹ khen thưởng, phúc lợi; quyết định điều chỉnh đơn giá tiền lương chức danh của Người lao động, người quản lý Tổng công ty. Đồng thời chỉ đạo Ban điều hành ban hành Bộ tiêu chuẩn chức danh công việc với mục tiêu gắn tiền lương, thu nhập của Người lao động với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, kết quả/hiệu quả hoạt động của đơn vị, tạo động lực cho đơn vị nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao; thực hiện rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, quy chế đánh giá của Công ty mẹ.

Năm 2024, tiền lương thu nhập của người lao động được duy trì ổn định và là năm thứ 5 liên tiếp Tổng công ty đạt danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động – Thương Binh Xã hội và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức.



CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG, AN SINH XÃ HỘI

Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra an toàn, sức khỏe môi trường được tập trung thực hiện có hiệu quả. Trong năm 2024, toàn Tổng công ty đảm bảo an toàn, không để xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố môi trường, sự cố hóa chất, đảm bảo tốt công tác vận hành, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy.

Tổ chức thành công Hội nghị thường niên về ATSKMT và Hội thao An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ năm 2024 tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.

Triển khai công tác đăng ký tham gia phong trào xanh – sạch – đẹp năm 2024, thi đua đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và xây dựng chương trình công tác an toàn vệ sinh lao động tại các đơn vị, tổ chức triển khai huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, huấn luyện nghiệp vụ tại đơn vị, xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị bảo vệ cá nhân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên toàn Tổng công ty.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Power cũng luôn quan tâm đến đời sống của người lao động và các hoạt động an sinh xã hội, phù hợp với điều kiện và khả năng của PV Power. Tổng công ty đã tuyên truyền, vận động các cán bộ công nhân viên Tổng công ty tham gia đóng góp, ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bão lụt, hỗ trợ chi phí xây dựng nhà ở đại đoàn kết... nhằm góp phần khắc phục các khó khăn cho các cá nhân, đồng bào cả nước.

CÔNG TÁC
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ,
CHUYỂN ĐỔI SỐ

Hội đồng quản trị đã phê duyệt Kế hoạch hoạt động Khoa học công nghệ năm 2024 của Tổng công ty để làm cơ sở thực hiện; thông qua Đề án chuyển đổi số giai đoạn năm 2023 - 2026 của Tổng công ty với mục tiêu chuyển đổi số toàn diện công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tham gia chương trình thi đua “Đổi mới sáng tạo Dầu khí” giai đoạn 2024-2028 do Công đoàn Dầu khí Việt Nam phát động; tổ chức hội nghị về phổ biến chương trình và thành lập bộ phận hỗ trợ, hướng dẫn việc đăng ký sản phẩm sáng tạo Dầu khí. Hiện tại đã có 118 sản phẩm sáng tạo của PV Power tham gia chương trình.



CÔNG TÁC
QUẢN LÝ VÀ
QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

PV Power đã thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đối với CTCP đại chúng; công tác truyền thông cổ phiếu POW ra công chúng và quản lý thông tin trên website của PV Power đảm bảo đúng quy định của công ty đại chúng; chủ động cung cấp thông tin và giải đáp thắc mắc về các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đến các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, cổ đông...

Đã phát hành Báo cáo thường niên năm 2023, Báo cáo quản trị Công ty năm 2023 và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật.

Tổng công ty đã tổ chức thành công Hội thảo gặp gỡ các nhà phân tích chứng khoán kết hợp thăm quan nhà máy điện của PV Power năm 2024 với chủ đề “Hành trình sinh năng lượng” thường niên vào ngày 15/11/2024.

PV Power tiếp tục lọt Top 100 doanh nghiệp bền vững lĩnh vực sản xuất năm 2024; Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành phi tài chính.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

1



Ban Tổng Giám đốc, đứng đầu là Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty. Tổng Giám đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; xây dựng cơ chế làm việc dân chủ, công khai, phân cấp, phân quyền cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc để mỗi người có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao phụ trách. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa cho Tổng công ty và các cổ đông.

2



Với vai trò là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác điều hành, Tổng Giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xây dựng quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tháng với sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị, Trưởng các Ban chức năng Tổng công ty, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

3



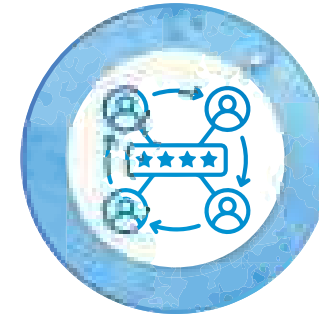
Bên cạnh việc tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã chủ động đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp chuyên đề, trao đổi với Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm báo cáo, đánh giá, rà soát các nội dung liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo Hội đồng quản trị kịp thời các vấn đề phát sinh về thẩm quyền, phân cấp trong quá trình điều hành nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐQT thông qua.

4



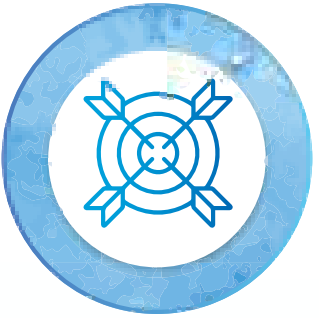
Thường xuyên làm việc với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị trong Tổng công ty.

5



Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự, tiếp tục triển khai việc chi lương hiệu quả cho cán bộ công nhân viên gắn với kết quả đánh giá công việc của cán bộ công nhân viên (đảm bảo tính công bằng và tương xứng với công sức người lao động đóng góp cho doanh nghiệp) với mục đích tạo động lực, khuyến khích người lao động nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của Tổng công ty.

6



Ban Tổng Giám đốc tiếp tục tạo điều kiện và phối hợp tốt với các tổ chức Đảng, đoàn thể của Tổng công ty trong việc tổ chức các hoạt động thi đua sản xuất kinh doanh, uống nước nhớ nguồn, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, căn cứ tình hình thực tế và các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Hội đồng quản trị trong năm 2025

Kế hoạch, định hướng chung

1

1

Tiếp tục tổ chức bộ máy Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Tập trung chỉ đạo và Giám sát Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.



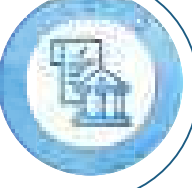
2

Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp giao ban, các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt và kịp thời xử lý công việc theo thẩm quyền.



3

Đôn đốc, Giám sát chặt chẽ việc triển khai các nghị quyết/quyết định/chỉ thị của Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền.



4

Tăng cường phân cấp cho Tổng Giám đốc, nâng cao tính chủ động của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để đáp ứng nhu cầu thực tế sản xuất và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp.



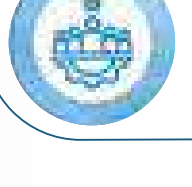
5

Tăng cường thực hiện công tác Giám sát, quản trị rủi ro đối với hoạt động của Tổng công ty và các công ty thành viên.



6

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty theo hướng tinh, gọn, hiệu quả; có những chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.



7

Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



8

Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác môi trường – xã hội, sử dụng năng lượng xanh vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.



Kế hoạch, định hướng, chỉ đạo cụ thể

CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

Xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Phương án phân phối lợi nhuận từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024; Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- Phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ của Tổng công ty;
- Đề xuất điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025, xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2026-2030.

CHỈ ĐẠO, GIÁM SÁT CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 CỦA TỔNG CÔNG TY ĐƯỢC ĐHĐCĐ THÔNG QUA, BAO GỒM:

- Chỉ đạo, giám sát công tác quản lý vận hành sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, an toàn, hiệu quả các nhà máy điện. Phấn đấu tổng sản lượng điện sản xuất năm 2025 đạt 18,86 tỷ kWh; Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường.
- Chỉ đạo, giám sát công tác đàm phán với EVNEPTC về Qc cho các nhà máy điện hợp lý, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả sản xuất kinh doanh các nhà máy điện; đặc biệt Qc tại các Nhà máy điện Cà Mau 1&2 và TOP khí phù hợp kế hoạch giao khí.
- Chỉ đạo, giám sát công tác nhiên liệu: (i) tìm nguồn khí và đàm phán ký hợp đồng bổ sung về mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2, cụm Khí – Điện – Đạm Cà Mau giai đoạn 2026-2027 và các năm tiếp theo; (ii) tìm kiếm nguồn và đảm bảo cấp than (ưu tiên nguồn than cám 5a.10) ổn định, liên tục và dài hạn cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; (iii) triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1.
- Chỉ đạo, giám sát công tác quyết toán vốn đầu tư dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1 và đàm phán ký kết giá điện chính thức của Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt, cũng như đệ trình các cấp có thẩm quyền và đàm phán với EVN về giá điện khi sử dụng than có chất bốc cao.
- Chỉ đạo, giám sát công tác đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt, cũng như đệ trình các cấp có thẩm quyền và đàm phán với EVN về giá điện khi sử dụng than có chất bốc cao.
- Chỉ đạo, giám sát các công tác tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện: đại tu Nhà máy điện Hòa Na, tiểu tu các Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy điện Đakrinh trong năm 2025 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện năm 2026.
- Chỉ đạo, giám sát (i) công tác xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn vệ sinh lao động; thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các nhà máy điện; (ii) phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cắt lũ và đảm bảo thủy lợi đối với các nhà máy thủy điện.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

- Chỉ đạo, giám sát (i) công tác thực hiện đầu tư Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đảm bảo dự án đưa vào vận hành phát điện đúng tiến độ, bao gồm các công việc: tổ chức giám sát, quản lý thực hiện các hợp đồng của Dự án; hoàn thành công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ vận hành, chuẩn bị các quy trình, quy định sẵn sàng cho việc vận hành chạy thử và phát điện thương mại; (ii) hoàn thành đàm phán, ký kết hợp đồng GSA với PV Gas về việc cung cấp nhiên liệu khí LNG cho công tác vận hành thương mại tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện công tác đầu tư song song với việc củng cố hệ thống quản trị danh mục đầu tư; tập trung triển khai các dự án chuyển tiếp năm 2024, đảm bảo tiến độ và hiệu quả; đưa dự án toà nhà văn phòng làm việc của Tổng công ty vào vận hành.
- Chỉ đạo, giám sát việc:
 - ▶ Triển khai công tác đầu tư dự án Nhà máy điện TBKHH Quảng Ninh;
 - ▶ Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án nhà máy điện LNG như: Nhà máy điện Quỳnh Lập (Nghệ An), Nhà máy điện Vũng Áng 3 (Hà Tĩnh), Nhà máy điện Cà Mau mở rộng (Cà Mau);
 - ▶ Nghiên cứu xúc tiến đầu tư các dự án mới, dự án điện năng lượng tái tạo như: tổ hợp điện sạch tích năng Lâm Sơn (Ninh Thuận), Nhà máy điện rác Khe Giang (Quảng Ninh), Nhà máy điện than SeKong (Lào) và các dự án khác khi có hiệu quả.



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Chỉ đạo, giám sát công tác phối hợp với PVN bám sát cấp có thẩm quyền để sớm hoàn thành quyết toán cổ phần hóa PV Power; tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ - PV Power; hoàn thành quyết toán dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1.
- Chỉ đạo, giám sát công tác quản lý dòng tiền xây dựng phương án cân đối vốn cụ thể cho từng hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị và tài sản cố định, đảm bảo triển khai công tác xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị và tài sản cố định theo khả năng tài chính của PV Power; chủ động xây dựng kịch bản cân đối vốn với các giải pháp tài chính hữu hiệu trong trường hợp phương án tăng vốn điều lệ chưa được phê duyệt hoặc phê duyệt chậm hơn so với tiến độ giải ngân dự án, đảm bảo ưu tiên tối đa nguồn lực, cân đối đủ nhu cầu vốn cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.
- Chỉ đạo, giám sát công tác đàm phán với EVN/PVN để thu hồi khoản chênh lệch tiền khí do chưa thống nhất tỷ lệ phân bổ nguồn khí mua bổ sung từ Petronas đối với Nhà máy điện Cà Mau 1&2.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, TÁI CẤU TRÚC, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP, QUẢN TRỊ RỦI RO

- Chỉ đạo, giám sát công tác triển khai các phương thức quản trị: quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái, quản trị dựa trên nền tảng số...; quán triệt phương châm “làm mới động lực cũ, bổ sung động lực mới”, sẵn sàng chuyển dịch mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi, phát triển hiện đại.
- Chỉ đạo, giám sát tổ chức thực hiện tốt kế hoạch quản trị hằng năm của PVN và Tổng công ty; xây dựng khung quản trị rủi ro và triển khai thực hiện trong phạm vi Tổng công ty và các đơn vị thành viên; tập trung kiểm soát chi phí có hiệu quả, đặc biệt đối với các lĩnh vực, bộ phận có chi phí lớn, đồng thời có giải pháp để hạn chế, ứng phó, giảm thiểu những bất lợi do tác động của thị trường.
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp; rà soát sắp xếp tổ chức gọn bộ máy từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh nhuệ, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power và phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng xanh, sạch hiện nay.
- Tiếp tục chỉ đạo, giám sát công tác (i) nâng cao công tác quản trị, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động các đơn vị thành viên để đảm bảo việc quản lý, huy động và sử dụng vốn đúng mục đích, chặt chẽ, an toàn và hiệu quả; (ii) tập trung triển khai các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2; (iii) tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư, thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện công tác ứng dụng khoa học công nghệ, đăng ký và triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Chỉ đạo, giám sát công tác xây dựng hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp ERP theo lộ trình và tích hợp, đồng bộ thông tin/dữ liệu hoá thông tin/dữ liệu sản xuất kinh doanh với PVN đảm bảo triển khai hệ thống ERP thông suốt, hiệu quả.



CÔNG TÁC KHÁC

- Chỉ đạo, giám sát thực hiện công tác an sinh xã hội, truyền thông và văn hóa doanh nghiệp trên cơ sở đảm bảo phù hợp và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, các phong trào hoạt động đoàn thể.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông giao.

Chương 05

Quản trị công ty

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. BAN KIỂM SOÁT

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN (*)	TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN (**)
1	Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0%	24,94%
2	Ông Lê Như Linh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	0%	20%
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên Hội đồng quản trị	0,0018%	10%
4	Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên Hội đồng Quản trị	0%	10%
5	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	0%	10%
6	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	0%	5%
7	Ông Vũ Chí Cường	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (***)	0%	0%
8	Ông Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	0%	0%

(*) Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành

(**) Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam tại PV Power

(***) Ngày 26/12/2024, PV Power nhận được Thông báo của Ông Vũ Chí Cường về việc Không còn đủ điều kiện là Thành viên độc lập HĐQT PV Power do được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh Tập đoàn - Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc.



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã ban hành 48 Nghị quyết/Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Tổng công ty vào ngày 23/05/2024 theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Định kỳ hằng quý, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp, đưa ra các quyết nghị mang tính định hướng toàn diện để chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua. Giữa các phiên họp định kỳ, Hội đồng quản trị đã thông qua nhiều chủ trương, quyết sách bằng hình thức họp chuyên đề/xin ý kiến bằng văn bản nhằm đáp ứng tiến độ công việc. Các Kiểm soát viên được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty, tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc chủ động trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024.



Các cuộc họp Hội đồng quản trị đã tổ chức năm 2024:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Ông Hoàng Văn Quang - Chủ tịch HĐQT	12	12/12	
2	Ông Lê Như Linh - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	12	12/12	
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Thành viên HĐQT	12	12/12	
4	Bà Vũ Thị Tố Nga - Thành viên HĐQT	12	12/12	
5	Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên HĐQT	12	12/12	
6	Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thành viên HĐQT	12	12/12	
7	Ông Vũ Chí Cường - Thành viên độc lập HĐQT	12	12/12	
8	Ông Nguyễn Bá Phước - Thành viên độc lập HĐQT	12	12/12	

Các Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
36/NQ-ĐHĐCĐ	23/05/2024	Thông qua các nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của PV Power



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	03/NQ-ĐLDK	11/01/2024	Nghị quyết tại cuộc họp định kỳ quý IV năm 2023 của HĐQT Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
2	04/NQ-ĐLDK	26/01/2024	Chi tạm ứng từ quỹ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên của Tổng công ty các khoản chi đến ngày Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 Âm lịch năm 2024	100%
3	05/NQ-ĐLDK	30/01/2024	Thông qua nội dung công bố thông tin Báo cáo quản trị năm 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
4	72/QĐ-ĐLDK	30/01/2024	Phê duyệt kết quả tạm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của các đơn vị thành viên PV Power	100%
5	06/NQ-ĐLDK	01/02/2024	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của PV Power	100%
6	07/NQ-ĐLDK	05/02/2024	Thông qua Chương trình công tác trọng tâm năm 2024 của HĐQT PV Power	100%
7	91/QĐ-ĐLDK	05/02/2024	Phê duyệt kế hoạch hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ năm 2024 Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
8	123/QĐ-ĐLDK	15/02/2024	Quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
9	149/QĐ-ĐLDK	28/02/2024	Ban hành chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, trách nhiệm của Ban Kiểm soát nội bộ PV Power	100%
10	150/QĐ-ĐLDK	28/02/2024	Phê duyệt và ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ của PV Power	100%
11	151/QĐ-ĐLDK	28/02/2024	Phê duyệt và ban hành Quy chế Quản trị rủi ro của PV Power	100%
12	162/QĐ-ĐLDK	01/03/2024	Ban hành Quy chế xử lý công việc của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
13	12/NQ-ĐLDK	04/03/2024	Thông qua Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của PV Power	100%
14	19/NQ-ĐLDK	02/04/2024	Thông qua các nội dung tại cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100%
15	20/NQ-ĐLDK	03/04/2024	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ năm 2024 của CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
16	22/NQ-ĐLDK	05/04/2024	Thông qua chỉ tiêu tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024 đối với Công ty mẹ và các đơn vị thành viên của PV Power	100%
17	23/NQ-ĐLDK	17/04/2024	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của CTCP Thủy điện Nậm Chiến	100%
18	24/NQ-ĐLDK	17/04/2024	Thông qua nội dung Báo cáo thường niên 2023 của PV Power	100%
19	26/NQ-ĐLDK	22/04/2024	Nghị quyết Cuộc họp định kỳ Quý I/2024 của HĐQT PV Power	100%
20	27/NQ-ĐLDK	23/04/2024	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên 2024 của CTCP Thủy điện Hòa Na	100%
21	28/NQ-ĐLDK	23/04/2024	Thông qua nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 của CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh	100%
22	29/NQ-ĐLDK	24/04/2024	Chi tạm ứng từ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ công nhân viên Công ty mẹ Tổng công ty nhân dịp kỷ niệm Chiến thắng 30/4/2024, Quốc tế Lao động 1/5/2024 và kỷ niệm 17 năm thành lập Tổng công ty 17/5/2024	100%
23	30/NQ-ĐLDK	25/04/2024	Thông qua chương trình, danh sách Ban chủ tọa, thành lập các Ban phục vụ Đại hội và các quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của PV Power	100%
24	433/QĐ-ĐLDK	16/05/2024	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty mẹ PV Power	100%

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
25	31/NQ-ĐLDK	16/05/2024	Thông qua kế hoạch xây dựng, sửa đổi/ bổ sung văn bản quản lý nội bộ năm 2024 của PV Power	100%
26	32/NQ-ĐLDK	16/05/2024	Thông qua đề án chuyển đổi số giai đoạn 2023-2026 của PV Power	100%
27	35/NQ-ĐLDK	22/05/2024	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của CTCP EVN Quốc tế	100%
28	36/NQ-ĐLDK	24/05/2024	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của CTCP Thủy điện Đakdrinh	100%
29	40/NQ-ĐLDK	31/05/2024	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của CTCP Năng lượng Sông Hồng	100%
30	517/QĐ-ĐLDK	05/06/2024	Phê duyệt và ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của Công ty mẹ PV Power	100%
31	528/QĐ-ĐLDK	10/06/2024	Phê duyệt kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của các đơn vị thành viên PV Power	100%
32	44/NQ-ĐLDK	13/06/2024	Thông qua các nội dung chính của Sửa đổi bổ sung số 01 Hợp đồng mua bán khí của Nhà máy điện Cà Mau 1&2	100%
33	45/NQ-ĐLDK	14/06/2024	Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Trường Cao đẳng Dầu khí	100%
34	48/NQ-ĐLDK	25/06/2024	Thông qua nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của CTCP Điện Việt Lào	100%
35	49/NQ-ĐLDK	26/06/2024	Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Viện Dầu khí Việt Nam	100%
36	50/NQ-ĐLDK	26/06/2024	Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Viện Dầu khí Việt Nam	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
37	52/NQ-ĐLDK	04/07/2024	Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 và 02 năm tiếp theo của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
38	53/NQ-ĐLDK	10/07/2024	Nghị quyết cuộc họp định kỳ Quý II năm 2024 của HĐQT Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
39	55/NQ-ĐLDK	19/07/2024	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (Trích từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh năm 2023)	100%
40	56/NQ-ĐLDK	24/07/2024	Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Trường Cao đẳng Dầu khí	100%
41	808/QĐ-ĐLDK	05/09/2024	Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Kiên	100%
42	809/QĐ-ĐLDK	05/09/2024	Bổ nhiệm lại ông Phan Ngọc Hiền	100%
43	63/NQ-ĐLDK	20/09/2024	Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và CTCP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	100%
44	932/QĐ-ĐLDK	14/10/2024	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty	100%
45	69/NQ-ĐLDK	24/10/2024	Chấp thuận giao dịch, hợp đồng đào tạo giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Trường Cao đẳng Dầu khí	100%
46	75/NQ-ĐLDK	05/11/2024	Chấp thuận giao dịch giữa Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP và Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc mua bán khí LNG tái hoá phục vụ giai đoạn chạy thử cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	100%
47	77/NQ-ĐLDK	22/11/2024	Thông qua định mức kinh tế kỹ thuật của Nhà máy Thủy điện Đakdrinh năm 2025	100%
48	78/NQ-ĐLDK	22/11/2024	Thông qua định mức kinh tế kỹ thuật của Nhà máy Thủy điện Hòa Na năm 2025	100%

Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt bảo vệ lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích các bên liên quan tới Tổng công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty và đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
1	Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD)
2	Lê Như Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
3	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán/ Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD)
4	Vũ Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán/ Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD)
5	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD)
6	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán/ Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD)
7	Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập HĐQT	Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD)



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN (*)	TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN (**)
1	Ông Phạm Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	0%	0%
2	Bà Vũ Thị Ngọc Dung	Kiểm soát viên	0,0002%	0%
3	Bà Đoàn Thị Thu Hà	Kiểm soát viên	0%	0%
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Kiểm soát viên	0%	0%
5	Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Kiểm soát viên	0%	0%

(*) Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành

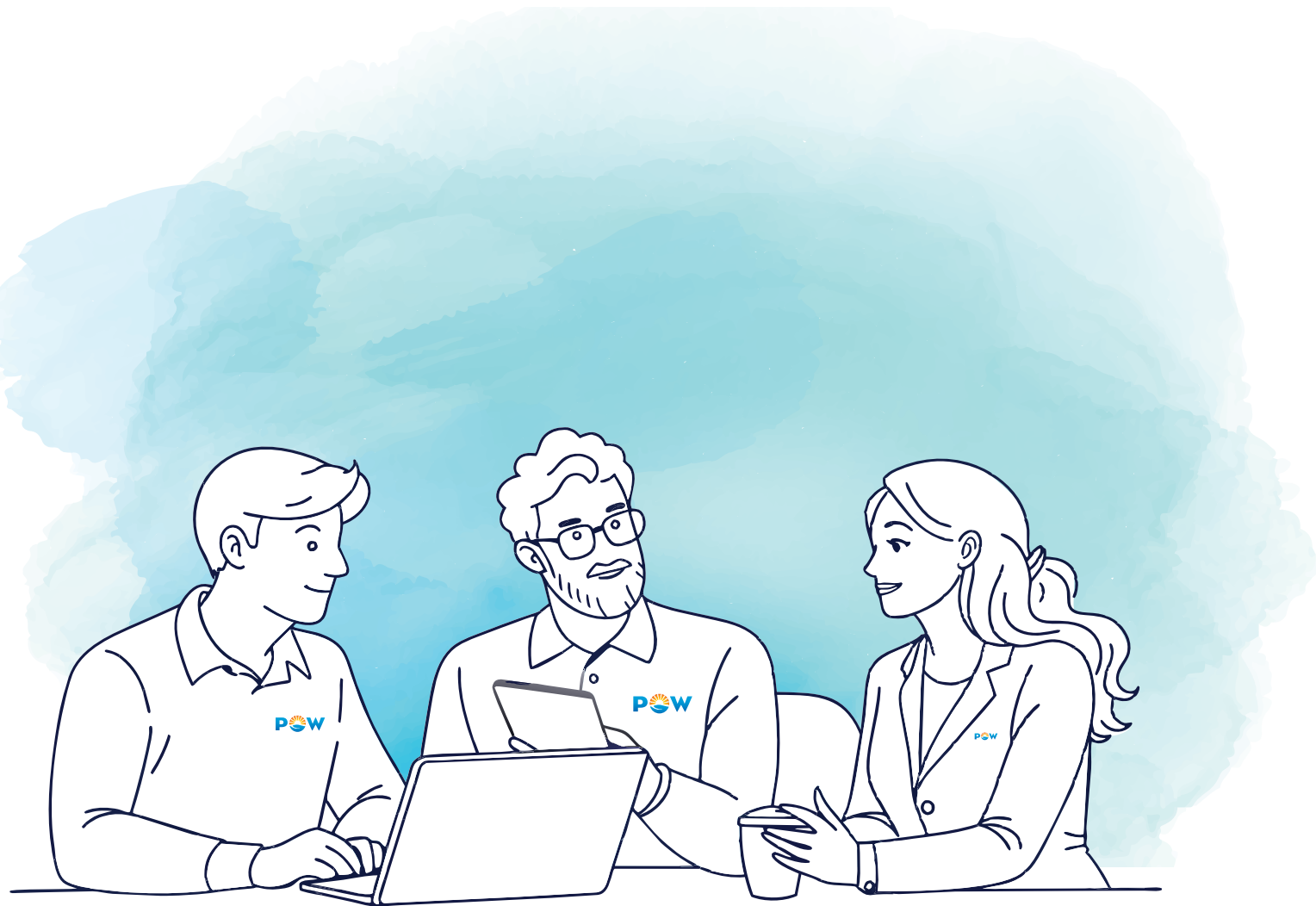
(**) Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam tại PV Power



Hoạt động của Ban Kiểm soát

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	THÀNH VIÊN BKS	SỐ BUỔI HỌP BKS THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Ông Phạm Minh Đức - Trưởng Ban Kiểm soát	12	12/12	100%	
2	Bà Vũ Thị Ngọc Dung - Kiểm soát viên	12	12/12	100%	
3	Bà Đoàn Thị Thu Hà - Kiểm soát viên	12	12/12	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm soát viên	12	12/12	100%	
5	Bà Hà Thị Minh Nguyệt - Kiểm soát viên	12	12/12	100%	



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:



Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thu xếp vốn, công tác đấu thầu, công tác đầu tư, công tác tái cấu trúc, cổ phần hóa, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, kiện toàn bộ máy tổ chức tại các đơn vị thành viên, sắp xếp bổ nhiệm, tái bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương, thưởng tại các đơn vị thành viên và Tổng công ty, thông qua sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định, công văn liên quan đến mọi mặt hoạt động điều hành sản xuất tại Tổng công ty.



Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng quý theo quy định hoặc đột xuất để xử lý những đề xuất hoặc vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



Tổng Giám đốc Tổng công ty đã tổ chức các cuộc họp giao ban Tổng công ty định kỳ để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty, triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Ngoài ra đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề để xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty.



Công tác ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhìn chung phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền. Chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC



Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hằng quý theo quy định, tham gia các cuộc họp đột xuất của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Tại các cuộc họp đã đóng góp ý kiến về nội dung, chất lượng, kết quả các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những vấn đề được xin ý kiến. Đồng thời đã đưa ra các kiến nghị, giải pháp, đề xuất để hoạt động của Tổng công ty an toàn, hiệu quả, đúng qui định và đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



Chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và đơn vị được kiểm soát biết nội dung chi tiết, thời gian và địa điểm kiểm soát để Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc biết và phối hợp với Ban Kiểm soát...



Kết thúc các hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã tổng hợp đánh giá nhận xét, đề xuất kiến nghị trực tiếp về từng nội dung kiểm soát, từng đối tượng kiểm soát. Kịp thời thông tin những nội dung và kết quả kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để cùng phối hợp xử lý vì mục tiêu phát triển chung của Tổng công ty.



Ban Kiểm soát tuyệt đối tuân thủ các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động kiểm soát và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát luôn tôn trọng quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Không tham gia biểu quyết, quyết định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát, hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật khi triển khai hoạt động của mình.



Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo đầy đủ các điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra. Tổ chức tiếp nhận thông tin, kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát ngay sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm soát. Triển khai chỉ đạo các đối tượng kiểm soát khắc phục và/hoặc chấn chỉnh theo những đề xuất kiến nghị mà Ban kiểm soát đã nêu ra.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ngoài việc hoạt động theo quy định của Pháp luật, quy chế quy định của Tổng công ty, các Kiểm soát viên tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề do Tổng công ty tổ chức nhằm tự nâng cao năng lực chuyên môn về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng. Tham gia các chương trình, khóa học đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do Tổng công ty tổ chức. Tham gia các sự kiện khác do các tổ chức chính trị xã hội của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, của Tổng công ty tổ chức.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát thực hiện năm 2024:

	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Hoàng Văn Quang	1.065.774.981	440.513.528
Ông Lê Như Linh	1.269.269.494	1.049.423.886
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	1.086.082.065	901.107.066
Bà Vũ Thị Tố Nga	1.093.611.498	880.957.068
Ông Nguyễn Anh Tuấn	1.098.238.773	898.182.371
Bà Nguyễn Hoàng Yến	1.169.013.744	973.065.350
Ông Vũ Chí Cường	1.036.773.326	857.995.222
Ông Nguyễn Bá Phước	861.796.534	323.580.218
Ông Hồ Công Kỳ	-	674.663.818
	8.680.560.415	6.999.488.527
Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng		
Ông Lê Như Linh	(*)	(*)
Ông Ngô Văn Chiến	970.333.415	823.025.053
Ông Nguyễn Minh Đạo	1.089.438.718	903.041.123
Ông Nguyễn Duy Giang	1.097.286.269	935.816.439
Ông Phan Ngọc Hiền	1.126.308.204	894.864.154
Ông Nguyễn Kiên	1.096.598.696	902.831.689
Ông Trương Việt Phương	820.171.570	64.125.958
Ông Chu Quang Toàn	1.097.829.495	921.126.126
Ông Nguyễn Mạnh Tường	-	1.017.921.861
	7.297.966.367	6.462.752.403

	2024 VND	2023 VND
Ban Kiểm soát		
Bà Vũ Thị Ngọc Dung	1.011.493.213	840.336.855
Ông Phạm Minh Đức	995.941.946	427.893.954
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	963.500.559	425.525.728
Bà Đoàn Thị Thu Hà	894.716.077	729.435.272
Ông Vũ Quốc Hải	-	601.522.441
Bà Lý Thị Thu Hương	-	428.219.935
Bà Hà Thị Minh Nguyệt	1.039.786.206	875.085.754
	4.905.438.001	4.328.019.939

(*) Đã nêu tại phần Hội đồng quản trị.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

PV Power luôn tuân thủ các quy định về quản trị Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, đội ngũ quản trị của Tổng công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tính đến ngày 26/12/2024, Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm 08 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị, đáp ứng số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Tổng công ty. Tuy nhiên, từ ngày 26/12/2024 đến thời điểm báo cáo, số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn 07 thành viên (giảm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị) do Ông Vũ Chí Cường – thành viên độc lập Hội đồng quản trị được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng Giám đốc chi nhánh Tập đoàn – Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc. Do đó, Ông Vũ Chí Cường không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện để tiếp tục đảm nhiệm vai trò thành viên độc lập Hội đồng quản trị của PV Power theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Chương 06

Báo cáo Tài chính

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Lê Như Linh	Thành viên
Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập
Ông Vũ Chí Cường	Thành viên độc lập (Không còn là thành viên độc lập kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2024)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
Ông Lê Như Linh	Tổng Giám đốc
Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số: 0988/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH



Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Phan Ngọc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trương Thị Quyết
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3840-2024-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.980.558.720.344	29.041.954.766.360
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.564.348.565.017	8.439.697.613.959
1.	Tiền	111		445.882.067.932	689.471.208.936
2.	Các khoản tương đương tiền	112		11.118.466.497.085	7.750.226.405.023
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.111.871.588.588	2.390.860.369.713
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.111.871.588.588	2.390.860.369.713
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.873.163.177.188	14.560.455.738.875
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.120.910.645.480	12.710.473.335.096
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	296.909.444.148	1.274.052.578.149
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	950.858.469.914	1.092.912.475.273
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(495.515.382.354)	(516.982.649.643)
IV.	Hàng tồn kho	140	10	1.795.106.165.854	2.167.403.571.132
1.	Hàng tồn kho	141		1.795.106.165.854	2.167.403.571.132
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		636.069.223.697	1.483.537.472.681
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	110.171.026.406	75.215.542.846
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		507.796.506.263	1.408.321.929.835
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	18.101.691.028	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.934.474.009.218	41.320.135.548.249
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		353.163.000	442.027.000
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	353.163.000	442.027.000
II.	Tài sản cố định	220		24.321.200.716.711	26.401.678.076.837
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	24.269.762.261.846	26.362.420.358.359
	- Nguyên giá	222		70.534.998.041.647	69.803.122.582.501
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.265.235.779.801)	(43.440.702.224.142)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
2	Tài sản cố định vô hình	227	13	51.438.454.865	39.257.718.478
	- Nguyên giá	228		119.562.949.947	103.936.732.947
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.124.495.082)	(64.679.014.469)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	240		19.758.833.869.004	9.031.969.199.854
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	19.758.833.869.004	9.031.969.199.854
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	766.206.340.227	959.549.465.097
1.	Đầu tư vào công ty liên kết	252		88.137.710.017	584.970.165.224
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		701.650.757.500	399.355.456.500
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(23.582.127.290)	(24.776.156.627)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		5.087.879.920.276	4.926.496.779.461
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.404.662.737.999	4.223.720.717.432
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	76.335.415.657	76.335.415.657
3.	Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263	16	606.881.766.620	626.440.646.372
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		79.915.032.729.562	70.362.090.314.609
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		45.234.397.818.896	36.242.661.143.689
I.	Nợ ngắn hạn	310		33.457.348.745.405	26.785.158.579.904
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	15.726.148.408.151	15.947.202.467.143
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	89.082.366.712	900.883.584
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	76.295.032.123	171.480.883.664
4.	Phải trả người lao động	314		333.831.322.301	286.804.533.596
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.534.677.045.840	1.361.848.076.612
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.467.933.381.631	2.688.405.796.712
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	13.508.102.547.690	5.506.591.086.310
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	553.193.180.684	717.886.349.870
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		168.085.460.273	104.038.502.413

		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		Đơn vị: VND	
STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
II.	Nợ dài hạn	330		11.777.049.073.491	9.457.502.563.785
1.	Phải trả dài hạn khác	337	21	491.146.032	548.807.593
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	9.151.300.727.761	7.172.278.203.632
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	4.444.869.270	3.163.733.986
4.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	2.506.592.715.754	2.163.968.976.771
5.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		114.219.614.674	117.542.841.803
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.680.634.910.666	34.119.429.170.920
I.	Vốn chủ sở hữu	410	24	34.680.634.910.666	34.119.429.170.920
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(274.807.025)	(274.807.025)
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		225.720.372.645	225.720.372.645
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(191.305.728.000)	(191.305.728.000)
5.	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.426.081.342.778	4.039.359.698.763
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.130.274.841.945	3.922.654.507.752
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.020.307.986.842	2.884.290.565.455
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.109.966.855.103	1.038.363.942.297
7.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.671.422.888.323	2.704.559.126.785
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		79.915.032.729.562	70.362.090.314.609


Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập


Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng


Lê Như Linh
Tổng Giám đốc


Ngày 29 tháng 1 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	30.305.634.268.649	28.329.357.578.690
2.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		30.305.634.268.649	28.329.357.578.690
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	28.307.964.591.490	25.625.106.577.337
4.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.997.669.677.159	2.704.251.001.353
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	566.095.305.919	543.578.060.404
6.	Chi phí tài chính	23	31	845.430.985.696	729.647.124.365
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	22		381.646.636.179	564.748.639.578
7.	Phần lãi trong công ty liên kết	24		42.199.990.018	40.125.091.093
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	877.790.745.775	1.268.124.055.600
9.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-26)	30		882.743.241.625	1.290.182.972.885
10.	Thu nhập khác	31	33	1.198.188.656.482	162.091.186.750

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
11.	Chi phí khác	32	33	697.690.731.480	10.206.125.321
12.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	500.497.925.002	151.885.061.429
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.383.241.166.627	1.442.068.034.314
14.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	170.618.076.178	234.905.255.681
15.	Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	1.281.135.283	(75.779.362.785)
16.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.211.341.955.166	1.282.942.141.418
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.111.588.278.970	1.038.363.942.297
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		99.753.676.196	244.578.199.121
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	475	352


Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập


Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng


Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	1.383.241.166.627	1.442.068.034.314
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
	Khấu hao tài sản cố định	02	2.818.161.656.247	2.808.755.417.224
	Các khoản dự phòng	03	155.269.273.171	1.361.328.008.017
	Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	134.309.782.307	(10.629.794.921)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(589.872.207.051)	(677.768.954.037)
	Chi phí lãi vay	06	381.646.636.179	564.748.639.578
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.282.756.307.480	5.488.501.350.175
	Thay đổi các khoản phải thu	09	3.595.706.024.817	(3.490.895.796.955)
	Thay đổi hàng tồn kho	10	391.856.285.030	(20.788.523.988)
	Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.830.835.116.161)	6.224.780.469.427
	Thay đổi chi phí trả trước	12	(215.897.504.127)	(3.961.662.981.705)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(450.679.477.899)	(522.534.500.400)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(258.708.324.717)	(219.902.057.214)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.180.000	2.980.000
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(170.392.290.184)	(145.379.967.985)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.343.815.084.239	3.352.120.971.355
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.792.927.471.645)	(6.312.368.226.884)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.475.517.704	124.902.823.533
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.452.391.588.588)	(3.071.237.790.416)

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.727.580.369.713	2.330.189.206.873
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(30.000.000.000)
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	541.882.196.054	473.105.817.414
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.973.380.976.762)	(6.485.408.169.480)
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21.000.000.000	81.900.000.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33	15.799.893.040.032	13.107.063.893.530
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.934.383.983.944)	(9.503.032.107.523)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(132.353.448.916)	(365.053.044.540)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.754.155.607.172	3.320.878.741.467
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.124.589.714.649	187.591.543.342
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.439.697.613.959	8.251.731.998.519
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	61.236.409	374.072.098
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	11.564.348.565.017	8.439.697.613.959


Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập


Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng


Lê Như Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 1795/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty). Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 23.418.716.000.000 VND theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (thay đổi lần thứ 16) ngày 07 tháng 9 năm 2023.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 và chính thức giao dịch từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 với mã chứng khoán là POW.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.156 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.065).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

Sản xuất điện năng; Kinh doanh, bán điện công nghiệp, tiêu dùng; Quản lý, vận hành các nhà máy điện; Dịch vụ đào tạo các khóa học ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp; Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Cung cấp dịch vụ quản lý cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng các nhà máy điện, các công trình trong ngành điện; Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, lưới điện trung thế, hạ thế; Đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập; Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Buôn bán thiết bị vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin; Cung cấp giải pháp giảm phát khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: Điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; Cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo; Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu; Xuất nhập khẩu năng lượng, nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh và vận hành các nhà máy điện đã phát điện thương mại là Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 tỉnh Cà Mau, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tỉnh Đồng Nai, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 tỉnh Hà Tĩnh, Nhà máy Thủy điện Hòa Na tỉnh Nghệ An và Nhà máy Thủy điện Đakđrinh tỉnh Quảng Ngãi. Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đang trong quá trình xây dựng cơ bản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Công ty Cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban Quản lý Dự án điện;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

TÊN CÔNG TY	NƠI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU %	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT NĂM GIỮ %	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	Quảng Ngãi	95,27%	95,27%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Nghệ An	80,72%	80,72%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Đồng Nai	59,37%	59,37%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy điện
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí	Hà Nội	46,01%	51,00%	Sản xuất điện
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	44,07%	44,07%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	Quảng Ninh	30,00%	30,00%	Sản xuất điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Nếu khoản đầu tư còn lại trong công ty liên kết trở thành tài sản tài chính thông thường, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý và được coi là giá trị gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Phần chênh lệch của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	SỐ NĂM
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 năm đến 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm khoản trả trước tiền bảo hiểm tài sản và vận hành các nhà máy điện, chi phí sửa chữa tài sản, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí nhiên liệu khí trả trước theo Hợp đồng mua bán khí cho các nhà máy điện, chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm tài sản và vận hành các nhà máy điện được ghi nhận khi phát sinh theo hợp đồng bảo hiểm và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Khoản chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng sửa chữa, bảo dưỡng dài hạn đã ký kết.

Khoản trả trước tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với thời hạn thuê trả trước.

Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành các nhà máy điện trả trước theo hợp đồng mua bán khí được tính dựa vào phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo cam kết lượng khí nhận tối thiểu và chi phí mua khí thực tế dưới mức cam kết. Chi phí này sẽ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với lượng khí nhận trong tương lai theo thời hạn quy định trên hợp đồng.

Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Các khoản chi phí trả trước khác là các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được xác định trên cơ sở thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá) của các thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác là chi phí chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay phải trả được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản chi phí phải trả khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả về chi phí sửa chữa lớn các nhà máy điện của Tổng Công ty được ghi nhận trong năm dựa theo dự toán/khái toán đã lập hoặc hợp đồng sửa chữa lớn dài hạn đã ký với nhà thầu, phù hợp với thực tế hoạt động và chu kỳ sửa chữa lớn của từng nhà máy điện.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết 70% trong vòng 5 năm kể từ khi trích lập quỹ, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền quỹ còn lại và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, dựa trên tình hình sử dụng quỹ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trích lập thêm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là số dư Quỹ tại Tổng Công ty.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển và khoản chia cổ tức cho các Cổ đông được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty theo Điều lệ và đề xuất của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện quốc gia.

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy thủy điện Đakdrink và tỷ giá trong phương án giá điện của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy thủy điện Đakdrink được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản đàm phán liên quan đến chênh lệch tỷ giá nói trên.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tiền mặt	1.871.174.027	1.894.126.182
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	444.010.893.905	687.577.082.754
Các khoản tương đương tiền (ii)	11.118.466.497.085	7.750.226.405.023
	11.564.348.565.017	8.439.697.613.959

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty bao gồm 285.059.731 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 251.019.586 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương) đang bị hạn chế sử dụng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 3%/năm đến 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 1,9%/năm đến 6%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty bao gồm 3.800.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương) đang bị hạn chế sử dụng. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	4.111.871.588.588	4.111.871.588.588	2.390.860.369.713	2.390.860.369.713
	4.111.871.588.588	4.111.871.588.588	2.390.860.369.713	2.390.860.369.713

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 4,5%/năm đến 9,3%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm 26.117.790.416 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 29.917.790.416 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (trước đây là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương) đang bị hạn chế sử dụng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 25.450.811.811 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49.424.839.297 VND) đang được dùng để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty cho các khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (Công ty con của Tổng Công ty) (xem Thuyết minh số 22).

b. Đầu tư tài chính dài hạn

b.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Giá trị đầu tư vào các công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến (*)	-	495.037.908.164
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	62.112.391.751	60.769.603.123
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	26.025.318.266	29.162.653.937
	88.137.710.017	584.970.165.224

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến không còn là công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty giảm từ 20,16% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 xuống 15,49% từ ngày 29 tháng 11 năm 2024.

Chi tiết điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	GIÁ GỐC VND	ĐIỀU CHỈNH THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU VND	GIÁ TRỊ THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	32.887.500.000	29.224.891.751	62.112.391.751
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	30.000.000.000	(3.974.681.734)	26.025.318.266
	62.887.500.000	25.250.210.017	88.137.710.017

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ

b2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

			SỐ CUỐI NĂM VND				SỐ ĐẦU NĂM VND
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến (ii)	302.295.301.000	-		-	-		
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (ii)	317.549.656.500	-		317.549.656.500	-		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 (ii)	29.341.800.000	5.114.466.414		29.341.800.000	6.313.919.564		
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (i)	28.222.000.000	-	63.781.720.000	28.222.000.000	-	69.990.560.000	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (ii)	18.202.000.000	18.202.000.000		18.202.000.000	18.202.000.000		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (ii)	5.040.000.000	-		5.040.000.000	-		
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí (ii)	1.000.000.000	265.660.876		1.000.000.000	260.237.063		
	701.650.757.500	23.582.127.290		399.355.456.500	24.776.156.627		

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(ii) Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	11.114.916.041.206	12.645.962.049.315
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.045.661.156.767	12.612.168.356.012
Các khách hàng khác	69.254.884.439	33.793.693.303
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	5.994.604.274	64.511.285.781
	11.120.910.645.480	12.710.473.335.096

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	296.056.444.148	1.274.022.578.149
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	122.000.000.000	90.000.000.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	22.086.827.297	402.521.777.851
Tập đoàn Samsung C&T	-	678.811.288.850
Các đối tượng khác	151.969.616.851	781.500.800.298
b. Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	853.000.000	30.000.000
	296.909.444.148	1.274.052.578.149

8. PHẢI THU KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Tổng Công ty Bảo hiểm PVI tiền bồi thường bảo hiểm sự cố tổ máy số 1 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	512.170.683.046	-
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	218.489.976.676	218.489.976.676
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	106.710.034.826	108.174.402.912
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (iii)	37.125.420.145	1.271.867.947
Phải thu tiền vượt hạn mức trong việc hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	24.191.439.776	24.329.767.545
Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (ii)	14.723.819.723	20.217.829.253
Phải thu liên quan đến các chi phí sửa chữa Tổ máy số 1 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	-	690.292.817.922
Phải thu ngắn hạn khác	37.447.095.722	30.135.813.018
	950.858.469.914	1.092.912.475.273
Trong đó:		
Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 38)	755.627.861.626	247.728.290.352
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	353.163.000	442.027.000
	353.163.000	442.027.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 218.489.976.676 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 218.489.976.676 VND) phản ánh khoản phải thu phần giá trị Sân phân phối 500 kV phân bổ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 8642/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sân phân phối 500kV mà Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP) tại Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(ii) Phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 14.723.819.723 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 20.217.829.253 VND) chủ yếu phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1 và chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

(iii) Chủ yếu phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí (Công ty con của Tổng Công ty) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 35.538.052.023 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND) được dùng để cầm cố và đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng này (như trình bày tại Thuyết minh số 22).



9. NỢ XẤU

			SỐ CUỐI NĂM VND				SỐ ĐẦU NĂM VND
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI ĐƯỢC	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI ĐƯỢC	
Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi							
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	539.049.164.727	467.215.114.874	71.834.049.853	652.464.320.898	481.379.293.897	171.085.027.001	
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	14.000.000.000	14.000.000.000	-	19.494.009.530	19.494.009.530	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	4.527.441.404	4.527.441.404	-	7.860.374.881	7.860.374.881	-	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	6.646.026.471	399.291.000	7.045.317.471	6.646.026.471	399.291.000	
Các đối tượng khác	5.408.498.106	3.126.799.605	2.281.698.501	1.602.944.864	1.602.944.864	-	
	570.030.421.708	495.515.382.354	74.515.039.354	688.466.967.644	516.982.649.643	171.484.318.001	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.



10. HÀNG TỒN KHO

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	VND		VND	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ GHI SỔ	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ GHI SỔ
Nguyên liệu, vật liệu	1.768.299.590.246	-	2.140.051.387.768	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.693.378.624	-	26.017.241.988	-
Công cụ, dụng cụ	4.113.196.984	-	1.334.941.376	-
	1.795.106.165.854	-	2.167.403.571.132	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	65.674.608.364	37.054.192.777
Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2	16.526.044.974	16.013.744.895
Bảo hiểm vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1	9.704.479.466	9.052.166.332
Bảo hiểm vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	4.749.424.813	4.695.744.261
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.516.468.789	8.399.694.581
	110.171.026.406	75.215.542.846
b. Dài hạn		
Chi phí nhiên liệu khí của các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 (i)	2.709.596.781.510	2.463.269.801.373
Chi phí nhiên liệu khí của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (ii)	1.039.511.914.882	1.039.511.914.882
Chi phí đại tu nhà máy điện tại 100.000 EOH Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ (iii)	301.702.397.469	369.372.939.389
Chi phí sửa chữa tài sản	144.442.756.229	139.662.031.102
Phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo (iv)	137.131.381.946	141.655.867.430
Tiền thuê đất	32.618.549.034	34.309.772.836
Chi phí thuê văn phòng	20.980.465.005	21.608.309.349
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	3.352.747.068	3.705.667.812
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.325.744.856	10.624.413.259
	4.404.662.737.999	4.223.720.717.432



(i) Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 trả trước theo nghĩa vụ bao tiêu Lượng khí nhận tối thiểu (“LKNTT”) được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 5164/HĐ-DKVN ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”). Trong năm hợp đồng 2021, sản lượng điện phát của Tổng Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ nhận LKNTT theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, Tổng Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVN số tiền tương ứng với lượng khí bằng LKNTT trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm (“lượng khí trả trước”). Tổng Công ty sẽ có quyền nhận từ PVN một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng năm (05) năm kể từ năm 2021 mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng sẽ sử dụng được toàn bộ lượng khí trả trước để tham gia vào quá trình sản xuất điện của Tổng Công ty.

(ii) Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước theo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 và theo biên bản hợp, phụ lục hợp đồng bổ sung giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (“PVGas”). Trong một số tháng, sản lượng điện phát của Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, tuy nhiên Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVGas số tiền tương ứng với lượng khí bằng lượng khí tối thiểu năm trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm (“lượng khí trả trước”). Công ty sẽ có quyền nhận từ PVGas một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng bốn (04) năm kể từ năm phát sinh và có thể khấu trừ vào nghĩa vụ bao tiêu mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác, việc áp dụng khấu trừ bằng khí nhận trước trong bất kỳ một năm nào sẽ không vượt quá 15% lượng khí bao tiêu của năm đó. Tiền khí trả trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được PVGas ưu tiên khấu trừ vào nghĩa vụ bao tiêu trong năm 2025. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty đánh giá sẽ sử dụng được lượng khí trả trước để tham gia vào quá trình sản xuất điện của Công ty.

(iii) Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại 100.000 giờ vận hành EOH phát sinh khi nhà máy đạt đến 100.000 giờ vận hành EOH và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) phải thực hiện việc đại tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 33.333 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.

(iv) Phí thanh toán lần đầu theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/ Siemes Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023. Theo đó, phí thanh toán lần đầu được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC VND	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ VND	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI VND	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG VND	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH KHÁC VND	TỔNG VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	18.208.585.844.073	48.887.334.549.569	332.470.279.043	237.747.214.982	2.136.984.694.834	69.803.122.582.501
Mua sắm mới	470.164.102.975	181.408.450.678	7.008.585.434	17.473.446.499	1.196.549.374	677.251.134.960
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.987.297.154	38.964.161.376	-	4.466.101.270	-	61.417.559.800
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.051.542.500)	(3.144.246.398)	(2.737.880.848)	-	(6.933.669.746)
Phân loại lại	-	(4.080.000.000)	8.582.361.454	(4.502.361.454)	-	-
Tăng/(giảm) khác	141.620.456	(1.186.324)	-	-	-	140.434.132
Số dư cuối năm	18.696.878.864.658	49.102.574.432.799	344.916.979.533	252.446.520.449	2.138.181.244.208	70.534.998.041.647
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	8.563.800.626.159	33.700.768.248.915	276.749.018.333	186.103.004.534	713.281.326.201	43.440.702.224.142
Trích khấu hao vào chi phí trong năm	796.197.373.408	1.895.869.553.861	13.238.316.637	19.315.326.671	89.967.858.883	2.814.588.429.460
Khấu hao của tài sản phục vụ xây dựng cơ bản dở dang	14.321.325.542	-	1.313.059.016	547.350.529	-	16.181.735.087
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.051.542.500)	(3.144.246.398)	(2.734.562.666)	-	(6.930.351.564)
Phân loại lại	-	(3.495.999.942)	3.514.490.132	(18.490.190)	-	-
Tăng khác	509.071.783	162.314.801	-	22.356.092	-	693.742.676
Số dư cuối năm	9.374.828.396.892	35.592.252.575.135	291.670.637.720	203.234.984.970	803.249.185.084	46.265.235.779.801
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	9.644.785.217.914	15.186.566.300.654	55.721.260.710	51.644.210.448	1.423.703.368.633	26.362.420.358.359
Tại ngày cuối năm	9.322.050.467.766	13.510.321.857.664	53.246.341.813	49.211.535.479	1.334.932.059.124	24.269.762.261.846

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.159.131.515.835 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15.858.480.003.582 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các tài sản cố định hữu hình của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với giá trị còn lại là 15.393.001.865.875 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 16.825.347.935.269 VND) đã được thế chấp cho Bộ Tài chính để nhận được bảo lãnh của Bộ Tài chính liên quan đến việc bảo đảm cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các tài sản cố định hữu hình khác với giá trị còn lại là 6.466.851.071.946 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7.045.473.611.423 VND) đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 22).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	PHẦN MỀM MÁY TÍNH VND	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH KHÁC VND	TỔNG VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	31.410.888.593	72.421.344.354	104.500.000	103.936.732.947
Mua sắm mới	-	16.228.217.000	-	16.228.217.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(117.000.000)	-	(117.000.000)
Giảm khác	-	(485.000.000)	-	(485.000.000)
Số dư cuối năm	31.410.888.593	88.047.561.354	104.500.000	119.562.949.947
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.214.178.955	62.360.335.514	104.500.000	64.679.014.469
Trích khấu hao vào chi phí trong năm	276.773.923	3.296.452.864	-	3.573.226.787
Khấu hao của tài sản phục vụ xây dựng cơ bản dở dang	-	474.253.826	-	474.253.826
Thanh lý, nhượng bán	-	(117.000.000)	-	(117.000.000)
Giảm khác	-	(485.000.000)	-	(485.000.000)
Số dư cuối năm	2.490.952.878	65.529.042.204	104.500.000	68.124.495.082
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	29.196.709.638	10.061.008.840	-	39.257.718.478
Tại ngày cuối năm	28.919.935.715	22.518.519.150	-	51.438.454.865

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 60.560.540.737 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 57.812.088.237 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 2.163.525.149 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.440.299.072 VND) đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 22).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Số đầu năm	9.031.969.199.854	935.634.370.310
Phát sinh trong năm	11.368.366.610.306	8.540.494.731.797
Kết chuyển sang tài sản cố định	(61.417.559.800)	(48.541.419.961)
Ghi nhận vào chi phí trả trước hoặc chi phí	(101.736.320.965)	(251.341.965.881)
Giảm khác	(478.348.060.391)	(144.276.516.411)
Số cuối năm	19.758.833.869.004	9.031.969.199.854

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (i)	18.703.166.085.690	8.096.116.923.950
Dự án trụ sở làm việc của Tổng Công ty (ii)	548.905.938.640	494.224.797.136
Sửa chữa định kì các nhà máy điện	402.435.996.797	356.919.107.178
Nhà máy Thủy điện Hòa Na	54.008.334.976	31.185.630.977
Dự án Tiểu khu 2 tại Nhơn Trạch	25.703.457.197	25.703.457.197
Các dự án khác	24.614.055.704	27.819.283.416
	19.758.833.869.004	9.031.969.199.854

(i) Phản ánh chi phí Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Thông tin chi tiết về Dự án được trình bày tại Thuyết minh số 37.

(ii) Phản ánh chi phí đầu tư trụ sở làm việc của Tổng Công ty theo Hợp đồng số 92/2022/HĐ/PVP-DLC-AN về mua bán Công trình Xây dựng - Tòa nhà văn phòng DLC tại Lô C, ô đất 1.14 - HH, tuyến phố Láng Hạ - Thanh Xuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu và lợi ích của Tổng Công ty phát sinh từ hợp đồng này được sử dụng để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (xem Thuyết minh số 22).

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 621.998.594.955 VND (năm 2023: 81.249.254.912 VND).

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	76.335.415.657	76.335.415.657
	76.335.415.657	76.335.415.657

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	4.444.869.270	3.163.733.986
	4.444.869.270	3.163.733.986

16. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Thủy điện Hòa Na.



17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC VND	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND	GIÁ GỐC VND	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.868.211.430.293	3.868.211.430.293	2.529.860.805.119	2.529.860.805.119
Tập đoàn Samsung C&T	1.157.491.072.304	1.157.491.072.304	729.131.176.221	729.131.176.221
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	890.424.236.375	890.424.236.375	262.131.657.272	262.131.657.272
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	669.737.859.004	669.737.859.004	728.485.049.095	728.485.049.095
Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An	181.200.000.000	181.200.000.000	-	-
Siemens Engergy Global GmbH & Co. KG	90.148.277.384	90.148.277.384	184.739.861.336	184.739.861.336
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	62.040.217.390	62.040.217.390	94.619.629.221	94.619.629.221
Các nhà cung cấp khác	817.169.767.836	817.169.767.836	530.753.431.974	530.753.431.974
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	11.857.936.977.858	11.857.936.977.858	13.417.341.662.024	13.417.341.662.024
	15.726.148.408.151	15.726.148.408.151	15.947.202.467.143	15.947.202.467.143

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
a. Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn Các đối tượng khác	3.135.128.028	900.883.584
b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	85.947.238.684	-
	89.082.366.712	900.883.584

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	SỐ ĐẦU NĂM VND	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM VND	SỐ ĐÃ NỘP TRONG NĂM VND	SỐ CUỐI NĂM VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	18.101.690.974	18.101.690.974
Thuế khác	-	-	54	54
	-	-	18.101.691.028	18.101.691.028
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	42.199.302.380	582.229.174.397	610.474.278.024	13.954.198.753
Thuế thu nhập doanh nghiệp	97.990.648.044	170.618.923.907	240.606.633.743	28.002.938.208
Thuế tài nguyên	13.016.725.786	164.321.519.254	167.584.586.966	9.753.658.074
Thuế thu nhập cá nhân	7.640.146.797	72.479.006.893	67.428.679.608	12.690.474.082
Thuế xuất nhập khẩu	-	28.108.064.704	28.108.064.704	-
Các khoản thuế, phí khác	10.634.060.657	149.666.771.657	148.407.069.308	11.893.763.006
	171.480.883.664	1.167.423.460.812	1.262.609.312.353	76.295.032.123

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Chi phí nhiên liệu khí (i)	1.224.032.786.438	1.004.114.947.821
Chi phí lãi vay	175.194.450.163	160.943.364.390
Chi phí bảo trì (ii)	103.765.594.429	145.121.600.891
Chi phí bảo hiểm vận hành nhà máy	4.081.076.035	7.045.007.000
Chi phí thuế, phí bảo lãnh cho các khoản vay	2.749.579.615	2.838.648.688
Chi phí nhãn hiệu	2.727.109.462	5.885.041.709
Chi phí phải trả khác	22.126.449.698	35.899.466.113
	1.534.677.045.840	1.361.848.076.612

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh chi phí trích trước nhiên liệu khí phải trả theo các hợp đồng mua khí cho các nhà máy điện nhưng chưa nhận được hóa đơn.

(ii) Chi phí bảo trì được trích theo các hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính các nhà máy điện giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy được ký giữa Tổng Công ty và công ty con với liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/Siemens Energy Limited Company.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	1.352.456.971.573	2.292.900.339.410
Phải trả cổ tức cho cổ đông	13.248.342.493	12.043.260.146
Phải trả về cổ phần hóa	7.986.764.525	7.354.964.525
Phải trả ngắn hạn khác	94.241.303.040	376.107.232.631
	1.467.933.381.631	2.688.405.796.712
Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 38)	1.353.225.245.305	2.573.645.569.208
b. Dài hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	491.146.032	548.807.593
	491.146.032	548.807.593

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm:
- Lợi nhuận sau thuế có nguồn gốc từ khoản chênh lệch tỷ giá của hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2016 và 2017 trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ) phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 1.028.174.152.403 VND, theo hướng dẫn của Công văn số 13683/BTC-TCĐN ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính.

- Lợi nhuận sau thuế phải nộp về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phát sinh thêm cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 với số tiền là 324.282.819.170 VND theo Quyết định số 1427/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 3 năm 2024 do Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Ngắn hạn

		SỐ ĐẦU NĂM VND			TRONG NĂM VND			SỐ CUỐI NĂM VND
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	TĂNG	(GIẢM)	TĂNG/(GIẢM) CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	
Vay ngắn hạn	4.866.011.818.478	4.866.011.818.478	27.243.032.426.977	(19.744.709.500.083)	(17.894.264.191)	12.346.440.481.181	12.346.440.481.181	
Vay dài hạn đến hạn trả	640.579.267.832	640.579.267.832	1.242.819.569.037	(745.563.827.832)	23.827.057.472	1.161.662.066.509	1.161.662.066.509	
	5.506.591.086.310	5.506.591.086.310	28.485.851.996.014	(20.490.273.327.915)	5.932.793.281	13.508.102.547.690	13.508.102.547.690	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Ngân hàng Citibank và Ngân hàng ING Bank (i)	5.132.563.956.987	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (ii)	1.778.426.882.399	1.368.583.129.130
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	1.565.837.719.739	1.941.861.647.204
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	1.178.916.213.927	399.074.363.492
Ngân hàng TNHH Bank of China (Hong Kong) (ii)	908.000.000.000	554.219.561.057
Ngân hàng Citibank (ii)	729.214.726.961	217.779.352.393
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (ii)	528.479.398.332	100.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (ii)	300.000.000.000	169.224.588.409
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited (ii)	225.001.582.836	115.269.176.793
	12.346.440.481.181	4.866.011.818.478

(i) Phản ánh khoản vay với hạn mức 300 triệu USD để tài trợ Dự án Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm. Số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 khoảng 203 triệu USD, tương đương 5.132.563.956.987 VND.

Tháng 7 năm 2024, Tổng Công ty cũng đã ký hợp đồng vay với hạn mức 521,5 triệu USD do Swiss Export Risk Insurance (SERV) và Korea Trade Insurance Corporation (K-SURE) bảo hiểm với bên cho vay ban đầu là Ngân hàng Citibank và Ngân hàng ING Bank để tài trợ cho Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 và trả nợ gốc cho khoản vay nêu trên với các ngân hàng này. Hiện tại các bên đang trong quá trình thực hiện các điều kiện tiên quyết để giải ngân khoản vay.

(ii) Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con được giải ngân bằng Đồng Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn các khoản vay từ 01 tháng đến dưới 12 tháng, lãi được trả vào ngày đáo hạn hoặc định kỳ hàng tháng, gốc được trả vào ngày đáo hạn. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.



b. Dài hạn

	SỐ ĐẦU NĂM VND		TRONG NĂM VND		SỐ CUỐI NĂM VND	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	TĂNG	(GIẢM)	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Vay dài hạn	7.812.857.471.464	7.812.857.471.464	3.138.354.242.740	(771.168.113.546)	10.312.962.794.270	10.312.962.794.270
	7.812.857.471.464	7.812.857.471.464	3.138.354.242.740	(771.168.113.546)	10.312.962.794.270	10.312.962.794.270
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.161.662.066.509	640.579.267.832			1.161.662.066.509	1.161.662.066.509
Số phải trả sau 12 tháng	7.172.278.203.632	7.172.278.203.632			9.151.300.727.761	9.151.300.727.761

(i) Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Singapore	4.847.167.482.843	2.361.838.380.417
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.150.648.634.702	2.669.824.174.557
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.108.933.036.144	1.220.082.100.058
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	734.174.000.000	815.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	290.261.091.185	369.242.398.159
Ngân hàng HSBC USA New York	81.550.872.767	181.892.037.683
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	74.776.864.818	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	25.450.811.811	42.317.534.875
Ngân hàng TMCP An Bình	-	124.984.560.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	-	27.676.285.715
	10.312.962.794.270	7.812.857.471.464
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	1.161.662.066.509	640.579.267.832
Số phải trả sau 12 tháng	9.151.300.727.761	7.172.278.203.632

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty và công ty con được giải ngân bằng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam để phục vụ đầu tư các dự án xây dựng và nâng cấp các nhà máy điện. Các khoản vay này được Tổng Công ty và công ty con vay dưới hình thức tín chấp, được bên thứ 3 bảo lãnh hoặc được bảo đảm bằng tài sản của Tổng Công ty và công ty con.

Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Vay bằng USD	4.928.718.355.610	2.543.730.418.100
Vay bằng VND	5.384.244.438.660	5.269.127.053.364
	10.312.962.794.270	7.812.857.471.464

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình bảo đảm như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Bảo lãnh của bên thứ ba (Bộ Tài chính)	81.550.872.767	181.892.037.684
Tín chấp	5.816.861.400.114	4.050.593.629.118
Bảo đảm bằng tài sản	4.414.550.521.389	3.580.371.804.662
	10.312.962.794.270	7.812.857.471.464

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Vay theo lãi suất thả nổi	10.312.962.794.270	7.812.857.471.464
	10.312.962.794.270	7.812.857.471.464

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Trong vòng một năm	1.161.662.066.509	640.579.267.832
Trong năm thứ hai	1.135.016.183.436	855.289.996.307
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.310.939.305.632	2.564.412.733.205
Sau năm năm	4.705.345.238.693	3.752.575.474.120
	10.312.962.794.270	7.812.857.471.464
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	1.161.662.066.509	640.579.267.832
Số phải trả sau 12 tháng	9.151.300.727.761	7.172.278.203.632

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa lớn được Tổng Công ty trích trước cho Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, cụ thể như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Số đầu năm	2.881.855.326.641	1.938.818.690.837
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	566.021.145.074	1.202.006.799.358
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(388.090.575.277)	(258.970.163.554)
Số cuối năm	3.059.785.896.438	2.881.855.326.641

Chi tiết:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	553.193.180.684	717.886.349.870
Dự phòng phải trả dài hạn	2.506.592.715.754	2.163.968.976.771
	3.059.785.896.438	2.881.855.326.641



24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU VND	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN VND	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU VND	CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN VND	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VND	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI VND	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT VND	TỔNG CỘNG VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	23.418.716.000.000	(274.807.025)	225.720.372.645	(191.305.728.000)	3.643.183.139.192	3.420.458.998.695	2.764.952.526.830	33.281.450.502.337
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.038.363.942.297	244.578.199.121	1.282.942.141.418
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	396.176.559.571	(396.176.559.571)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý	-	-	-	-	-	(153.061.259.069)	(17.904.893.506)	(170.966.152.575)
Nhận thêm vốn góp trong năm	-	-	-	-	-	-	81.900.000.000	81.900.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(367.690.547.917)	(367.690.547.917)
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	1.275.001.243	(1.275.001.243)	-
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	11.794.384.157	(1.156.500)	11.793.227.657
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	23.418.716.000.000	(274.807.025)	225.720.372.645	(191.305.728.000)	4.039.359.698.763	3.922.654.507.752	2.704.559.126.785	34.119.429.170.920
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.111.588.278.970	99.753.676.196	1.211.341.955.166
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	386.721.644.015	(386.721.644.015)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý (i)	-	-	-	-	-	(214.401.831.301)	(17.122.349.703)	(231.524.181.004)
Phân phối lợi nhuận phát sinh bổ sung giai đoạn Công ty TNHH MTV (ii)	-	-	-	-	-	(284.118.912.232)	-	(284.118.912.232)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(134.133.414.578)	(134.133.414.578)
Nhận thêm vốn góp trong năm	-	-	-	-	-	-	21.000.000.000	21.000.000.000
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	(1.627.201.809)	1.627.201.809	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(17.098.355.420)	(4.261.352.186)	(21.359.707.606)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	23.418.716.000.000	(274.807.025)	225.720.372.645	(191.305.728.000)	4.426.081.342.778	4.130.274.841.945	2.671.422.888.323	34.680.634.910.666

(i) Theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Tổng Công ty và các công ty con đã trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước.

(ii) Theo Quyết định số 1427/QĐ-DKVN ngày 11 tháng 03 năm 2024 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận phát sinh bổ sung cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận còn phải trả phát sinh cho giai đoạn này về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 09 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 23.418.716.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông	THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP		VỐN ĐÃ GÓP TẠI NGÀY CUỐI NĂM		VỐN ĐÃ GÓP TẠI NGÀY ĐẦU NĂM	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.721.414.770.000	79,94	18.721.414.770.000	79,94	18.721.414.770.000	79,94
Các cổ đông khác	4.697.301.230.000	20,06	4.697.301.230.000	20,06	4.697.301.230.000	20,06
	23.418.716.000.000	100	23.418.716.000.000	100	23.418.716.000.000	100

Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.341.871.600	2.341.871.600
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.341.871.600</i>	<i>2.341.871.600</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.341.871.600	2.341.871.600
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.341.871.600</i>	<i>2.341.871.600</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 36/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024, Đại hội Cổ đông Tổng Công ty đã thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2023. Lợi nhuận năm 2023 được phân phối cho Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	127.935,71	569.172,49
Đồng Euro (EUR)	164,06	208,06

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Trong vòng một năm	5.159.381.773	2.241.698.202
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	20.637.527.091	8.966.792.806
Trên năm năm	103.187.635.454	47.075.662.234
	128.984.544.318	58.284.153.242

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các hợp đồng thuê đất được ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa để thực hiện dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

Vật tư nhận giữ hộ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) nhận giữ hộ một số vật tư phụ tùng thuộc sở hữu của nhà thầu Siemens Energy Global GmbH nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu bảo trì bảo dưỡng của nhà máy. Các vật tư này sẽ được quyết toán sau thời điểm kết thúc hợp đồng sửa chữa dài hạn đã được ký kết với Công ty.

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh điện. Theo đó, không có Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 27 và số 28.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Các nhà máy sản xuất điện và các khách hàng mua điện của Tổng Công ty đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cần phải trình bày.

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Doanh thu bán điện	30.158.580.366.474	28.253.679.126.675
Doanh thu cung cấp dịch vụ	104.219.140.753	75.678.452.015
Doanh thu khác	42.834.761.422	-
	30.305.634.268.649	28.329.357.578.690
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 38)	204.394.888.833	246.940.302.898

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Giá vốn bán điện	27.995.855.879.689	25.556.513.226.751
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	270.706.646.686	68.593.350.586
Giá vốn khác	41.402.065.115	-
	28.307.964.591.490	25.625.106.577.337

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.508.894.837.594	19.733.750.926.693
Chi phí nhân công	997.210.026.179	879.956.962.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.818.161.656.247	2.808.755.417.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.391.406.499.204	1.566.212.470.284
Chi phí khác	1.428.737.209.679	1.866.792.078.771
	29.144.410.228.903	26.855.467.855.393

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Lãi tiền gửi	461.846.829.329	452.522.588.657
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.349.870.000	60.131.179.257
Lãi chênh lệch tỷ giá	20.020.399.572	30.267.677.503
Doanh thu hoạt động tài chính khác	878.207.018	656.614.987
	566.095.305.919	543.578.060.404

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí lãi vay	381.646.636.179	564.748.639.578
Lỗ từ việc không còn ảnh hưởng đáng kể dẫn đến dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu	231.169.220.257	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	202.641.443.864	84.935.461.626
Chi phí tái cấu trúc khoản vay	-	64.552.844.931
Chi phí tài chính khác	29.973.685.396	15.410.178.230
	845.430.985.696	729.647.124.365

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí nhân công	464.516.174.561	420.291.357.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.176.955.035	30.831.359.237
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	17.939.256.172	21.239.675.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.984.956.760	145.817.175.852
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(18.591.997.205)	418.690.663.213
Chi phí quản lý khác	231.765.400.452	231.253.824.103
	877.790.745.775	1.268.124.055.600



33. LỢI NHUẬN KHÁC

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
a. Thu nhập khác		
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm sự cố tổ máy số 1 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	1.078.934.885.640	-
Thu nhập từ ghi nhận tăng giá trị vật tư dự phòng ISP (ii)	70.294.128.000	-
Tiền phạt thu được	4.681.222.672	4.592.604.814
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.475.517.704	124.824.345.738
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm khác	1.144.180.815	2.481.557.152
Thu nhập khác	40.658.721.651	30.192.679.046
	1.198.188.656.482	162.091.186.750
b. Chi phí khác		
Chi phí khắc phục sự cố tổ máy số 1 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (iii)	688.833.980.804	-
Chi phí khác	8.856.750.676	10.206.125.321
	697.690.731.480	10.206.125.321
Lợi nhuận khác	500.497.925.002	151.885.061.429

(i) Phản ánh thu nhập liên quan đến bồi thường cho các tổn thất về gián đoạn kinh doanh và thiệt hại vật chất của sự cố Tổ máy số 01 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 theo Thông báo về giải quyết khiếu nại bảo hiểm của Tổng Công ty Bảo hiểm PVI.

(ii) Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) và Liên danh Siemens AG/Siemens Ltd. Vietnam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong giai đoạn 100.000 giờ vận hành đầu tiên cho mỗi tổ máy, trong năm, Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và liên danh đã hoàn thiện công tác quyết toán và thực hiện ghi nhận tăng giá trị hàng tồn kho vật tư dự phòng ISP là giá trị vật tư còn lại chưa sử dụng sau quá trình bảo trì với tổng giá trị là 70.294.128.000 VND, đồng thời ghi nhận tăng thu nhập khác với giá trị tương ứng.

(iii) Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến sửa chữa khắc phục sự cố Tổ máy số 01 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm như sau

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh điện (i)	165.262.133.337	228.704.999.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	5.355.942.841	6.200.256.283
	170.618.076.178	234.905.255.681

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.281.135.283	-
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(75.779.362.785)
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.281.135.283	(75.779.362.785)

(i) Đối với dự án Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/KKT ngày 12 tháng 02 năm 2008 (ban hành cùng Giấy chứng nhận đầu tư số 28221000009 ngày 12 tháng 02 năm 2008) do Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được hưởng mức 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn trong thời gian 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Khi dự án hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động sẽ trình Thủ tướng Chính phủ cho hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. Năm 2024 là năm thứ tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp trên mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%.

Đối với Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 - Công ty con của Tổng Công ty) có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo. NT2 được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2024 là năm đầu tiên NT2 áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính).

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (HHC - Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 04 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2017). Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành.

Đối với Nhà máy Thủy điện Đakđrinh, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink (DHC - Công ty con của Tổng Công ty) thực hiện dự án đầu tư mới trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi). Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ năm có doanh thu (năm 2014) đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu tiên và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Sau thời gian được hưởng ưu đãi thuế, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành.

Các công ty con và các nhà máy khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty và các Công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 2.341.871.600 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.111.588.278.970	1.038.363.942.297
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(214.401.831.301)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.111.588.278.970	823.962.110.996
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.341.871.600	2.341.871.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	475	352

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các công ty con chưa trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2024 có thể sẽ thay đổi khi Tổng Công ty và các công ty con có quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2024.

Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty và các công ty con. Theo đó, số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại như sau:

	SỐ TRÌNH BÀY LẠI	SỐ ĐÃ BÁO CÁO
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.038.363.942.297	1.038.363.942.297
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(214.401.831.301)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	823.962.110.996	1.038.363.942.297
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.341.871.600	2.341.871.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	352	443

36. CÁC KHOẢN TIỀM TÀNG

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và tỷ giá trong phương án giá điện của nhà máy này cho giai đoạn từ năm 2020 đến nay và phần còn lại cho năm 2019 sẽ được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản đàm phán liên quan đến chênh lệch tỷ giá nói trên.

Theo các Thỏa thuận và Biên bản hợp về việc tạm thanh toán chi phí bảo trì sửa chữa nằm trong giá bán điện cho các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 (O&M) giữa Tổng Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chi phí O&M từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 được xác định trên cơ sở tạm tính. Chi phí này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán điện.

Theo Hợp đồng mua bán điện ngày 17 tháng 8 năm 2016 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, thông số tổng mức đầu tư nằm trong giá bán điện cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được xác định trên tổng mức đầu tư kế hoạch của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Thông số tổng mức đầu tư nằm trong giá bán điện này sẽ được điều chỉnh lại khi Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được quyết toán giá trị vốn đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tổng Công ty có thể phát sinh chi phí phá dỡ, xử lý tài sản gắn liền với đất để hoàn trả mặt bằng trong trường hợp không được gia hạn sử dụng đất vào cuối thời hạn thuê hoặc tới thời hạn kết thúc dự án của các nhà máy điện theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Công ty chưa thể ước tính giá trị và thời gian chi trả chi phí phá dỡ này một cách đáng tin cậy nên chưa có khoản dự phòng hoàn nguyên nào được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21 tháng 7 năm 2020, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (“Dự án”) do Tổng Công ty là chủ đầu tư. Công suất dự kiến của mỗi nhà máy là khoảng từ 650 MW đến 880 MW với công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp, cấu hình đa trục hoặc đơn trục. Tổng mức đầu tư sau thuế của Dự án là 32.486.933.657.876 VND, cơ cấu nguồn vốn là 25% vốn chủ sở hữu và 75% vốn vay. Thông tin của một số hợp đồng/cam kết quan trọng liên quan đến Dự án như sau:

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, Tổng Công ty và Liên danh nhà thầu Tập đoàn Samsung C&T và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã ký “Hợp đồng Thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4”. Theo đó, tổng giá trị hợp đồng là 481.645.000 USD và 10.478.727.901.878 VND.

Giá bán điện được xây dựng trên nguyên tắc chuyển ngang chi phí nhiên liệu khí từ Hợp đồng mua bán khí sang Hợp đồng mua bán điện tại Văn bản số 03/TB-VP CP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án đang trong quá trình xây dựng và dự kiến vận hành thương mại trong năm 2025.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2, trong đó hai bên thống nhất về Lượng Khí Giao Hàng Năm, Lượng Khí Nhận Tối Thiểu, Lượng Khí Ngày từ năm 2022 đến năm 2025.

Ngày 06 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP đã ký Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PV Gas/KTTH-PV Power NT2/B4. Theo đó, giá bán khí được thỏa thuận theo các điều khoản trong Hợp đồng mua bán khí và các phụ lục hợp đồng kèm theo và Công ty có trách nhiệm phải mua và thanh toán một lượng khí tối thiểu năm trong suốt thời hạn của hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng này vào ngày 31 tháng 12 năm 2036.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bán hàng	204.394.888.833	246.940.302.898
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	200.943.888.833	239.332.751.808
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.451.000.000	-
Trường Cao đẳng Dầu khí	-	6.526.300.000
Ban quản lý Dự án Điện lực Long Phú	-	646.536.363
Ban quản lý Dự án Điện Sông Hậu 1	-	434.714.727
Mua hàng	15.100.411.893.462	15.959.656.364.578
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	9.568.993.740.256	7.923.535.983.791
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	5.093.207.407.317	7.135.146.422.738
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm PVI	298.045.817.967	171.611.754.955
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	98.012.459.219	691.369.343.076
Viện Dầu khí Việt Nam	17.338.660.493	19.135.801.673
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	14.210.951.056	13.935.520.544
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	5.980.352.447	-
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	2.989.509.988	-
Trường Cao đẳng Dầu khí	844.310.000	853.100.000
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	559.759.719	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	228.925.000	899.500.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	3.168.937.801

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Lãi tiền gửi	76.055.073.655	62.834.444.693
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	76.055.073.655	62.834.444.693
Thu nhập khác	1.079.849.722.872	803.799.344
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm PVI	1.078.934.885.640	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	665.453.388	665.526.620
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	138.272.724	138.272.724
Viện Dầu khí Việt Nam	111.111.120	-
Chi phí lãi vay	57.661.293.355	152.614.869.510
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	57.661.293.355	152.614.869.510
Lãi vay vốn hóa	32.122.040.558	29.781.130.335
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	32.122.040.558	29.781.130.335



Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng tại Công ty mẹ trong năm như sau

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Hoàng Văn Quang	1.065.774.981	440.513.528
Ông Lê Như Linh	1.269.269.494	1.049.423.886
Bà Nguyễn Hoàng Yến	1.169.013.744	973.065.350
Ông Nguyễn Anh Tuấn	1.098.238.773	898.182.371
Bà Vũ Thị Tố Nga	1.093.611.498	880.957.068
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	1.086.082.065	901.107.066
Ông Vũ Chí Cường	1.036.773.326	857.995.222
Ông Nguyễn Bá Phước	861.796.534	323.580.218
Ông Hồ Công Kỳ	-	674.663.818
	8.680.560.415	6.999.488.527
Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng		
Ông Lê Như Linh	(*)	(*)
Ông Phan Ngọc Hiền	1.126.308.204	894.864.154
Ông Nguyễn Duy Giang	1.097.286.269	935.816.439
Ông Nguyễn Kiên	1.096.598.696	902.831.689
Ông Nguyễn Minh Đạo	1.089.438.718	903.041.123
Ông Ngô Văn Chiến	970.333.415	823.025.053
Ông Trương Việt Phương	820.171.570	64.125.958
Ông Chu Quang Toàn	1.097.829.495	921.126.126
Ông Nguyễn Mạnh Tường	-	1.017.921.861
	7.297.966.367	6.462.752.403
Ban Kiểm soát		
Ông Phạm Minh Đức	995.941.946	427.893.954
Bà Hà Thị Minh Nguyệt	1.039.786.206	875.085.754
Bà Vũ Thị Ngọc Dung	1.011.493.213	840.336.855
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	963.500.559	425.525.728
Bà Đoàn Thị Thu Hà	894.716.077	729.435.272
Ông Vũ Quốc Hải	-	601.522.441
Bà Lý Thị Thu Hương	-	428.219.935
	4.905.438.001	4.328.019.939

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.012.036.278.824	1.692.161.798.665
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	2.012.036.278.824	1.692.161.798.665
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	-	5.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	-	5.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.994.604.274	64.511.285.781
Trường Cao đẳng Dầu khí	4.563.397.000	4.563.397.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.111.335.085	1.111.335.085
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	281.880.000	-
Viện Dầu khí Việt Nam	36.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.845.361	58.803.849.843
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	146.828	28.499.847
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	4.204.006
Trả trước cho người bán ngắn hạn	853.000.000	30.000.000
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	619.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - CTCP	204.000.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	30.000.000	30.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	755.627.861.626	247.728.290.352
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm PVI	512.170.683.046	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	218.489.976.676	218.489.976.676
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	14.723.819.723	20.217.829.253
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	9.398.281.076	8.161.263.318
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	845.101.105	845.101.105
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	14.120.000

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Phải trả người bán ngắn hạn	11.857.936.977.858	13.417.341.662.024
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	9.134.847.555.451	10.956.198.960.603
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	2.691.062.827.548	2.440.734.385.642
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm PVI	24.299.048.782	15.442.236.395
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	3.468.370.482	1.150.418.720
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	1.777.810.358	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.278.733.595	1.279.165.595
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	607.010.497	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	274.345.890	1.221.489.120
Viện Dầu khí Việt Nam	210.176.370	1.105.632.604
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	111.098.885	209.373.345

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Người mua trả tiền trước	85.947.238.684	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	85.947.238.684	-
Chi phí phải trả	1.261.574.875.762	1.121.316.265.771
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	1.224.032.786.438	1.004.114.947.821
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	34.543.363.837	111.555.176.241
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.727.109.468	5.646.141.709
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	246.131.451	-
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	25.484.568	-
Phải trả khác	1.353.225.245.305	2.573.645.569.208
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.352.456.971.573	2.292.900.339.410
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	768.273.732	768.273.732
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm PVI	-	279.976.956.066
Vay	1.108.933.036.144	1.220.082.100.058
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.108.933.036.144	1.220.082.100.058



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Người lập



Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng



Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2025



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội

(024) 2210.288

(024) 2210.388